



huong  
thien

TAP 03/2016 (37)

Bao La  
TÌNH MẸ



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOA - VĂN NGHỆ



THƯ PHÁP SONG NGUYÊN



Tập 3/2016 (37)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ  
2016

**BAN CỐ VẤN**

HT. Thích Hiền Pháp

HT. Thích Giác Quang

HT. Thích Nhật Quang

**BAN BIÊN TẬP**

Thượng tọa Thích Thiện Tài

Nhà thơ Phạm Thiên Thư

Nhà văn Nhật Chiêu

Nhà báo Nguyễn Đức Tố

Bác sĩ Lê Hành

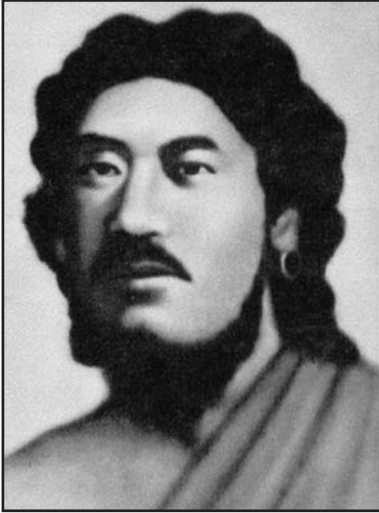
**MỸ THUẬT:** Họa sĩ Nguyễn Thịnh

**ÂM NHẠC:** Nhạc sĩ Trần Đức Tâm

**CHỦ BIÊN:** Phan Cát Tường

E-mail: phancattuong@gmail.com

# *Kinh Hiếu* (1)



Đức Phật một hôm hỏi các Tỳ-khưu: “Này các Tỳ-khưu, cha mẹ sinh con, mười tháng mang thai, thân như trọng bệnh, tới ngày sinh sản, mẹ lo cha sợ, trong tình cảnh ấy, khó nói hết được. Sau khi sinh rồi, xê con chỗ ráo, mẹ nằm chỗ ướt. Tinh thành rất mực, huyết hóa thành sữa. Lau chùi tắm giặt, ăn mặc đầy đủ, dạy dỗ bảo ban, lễ bái thầy bạn, dâng cúng quân trưởng. Mặt con tươi tỉnh, cha mẹ vui mừng, nếu con buồn rầu,

lòng cha mẹ héo. Khi ra ngoài cửa, vẫn nhớ mền con, bước vào trong nhà, thấy con yên dạ. Tâm thường lo lắng, sợ việc chẳng lành. Ôn cha mẹ thế, lấy gì báo đáp?”

Các vị Tỳ-khưu bạch đức Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn, là người con hiếu, cần nên làm sao ăn ở hết lễ, từ tâm cúng dường, đền ơn cha mẹ.” Đức Phật lại bảo các vị Tỳ-khưu: “Này các Tỳ-khưu, con nuôi cha mẹ, bằng những thứ này: Cam lộ trăm mùi, để thỏa miệng người, mọi tiếng thiên nhạc, để thích tai người, áo đẹp tuyệt vời, rực rỡ thân người, hai vai công người, chu du bốn biển, trả ơn dưỡng dục đến hết đời con, gọi là hiếu chăng?”

Các vị Tỳ-khưu, bạch đức Phật rằng: “Lạy đức Thế Tôn, gọi là đại hiếu, còn gì hơn nữa?”

Đức Phật lại bảo các vị Tỳ-khuru: “Này các Tỳ-khuru, tuy được như thế, chưa phải là hiếu, cần phải thực hành: Cha mẹ ngu tối, không kính Tam Bảo; hung ngược, tàn ác, lạm trộm phi lý, dâm dật ngoại sắc, nói dối phi đạo, say sưa hoang loạn, trái lẽ chân chính, hung nghiệt như thế, con hết lòng can, để khai ngộ Người. Nếu còn mê muội, chưa biết tỉnh ngộ, liền đem nhân nghĩa, khai hóa dần dần; hoặc dẫn Người xem lao ngục nhà vua, dẫn giải thí dụ về những hình phạt của những tù nhân, thưa cha mẹ rằng: “Những tù nhân này không theo pháp luật, nên thân phải bị mọi sự khổ độc, tự mình vùi lầy, mất thân mệnh mình. Mệnh mất, Thần đi, giam vào Thái sơn chịu tội nước, lửa, muôn thứ khổ độc, một mình kêu gào, không ai cứu vớt, vì theo làm ác, phải trọng tội ấy”. Ví dụ chưa chuyên, khóc lóc kêu van, tuyệt không ăn uống. Hành động như thế, Người tuy chẳng minh, nhưng hấn đau xót, vì tình thương mến, sợ con mình chết, sẽ gượng nhẩn nhục, nén lòng sùng đạo. Nếu Người đổi chí, phụng sự Phật pháp, giữ gìn năm giới: nhân từ không giết, thanh nhượng không trộm, trinh tiết không dâm, thủ tín không dối, hiếu thuận không say. Ở trong tông môn: thân từ, con hiếu, chồng chính, vợ trinh, chín họ <sup>(2)</sup> hòa mục, tội tứ thuận tòng; thăm nhuần khắp cả đến chốn xa xôi, ai ai là chẳng hết lòng chịu ơn. Mười phương chư Phật, Thiên long, qui thần, nhà vua có đạo, bày tôi trung thành, con dân muôn họ ai chẳng kính yêu, hưởng phúc an lành. Dù rằng có gặp chính trị điên đảo, phụ tá gian nịnh, con ác, vợ kiêu, nghìn tà vạ quái, không làm gì được, đối với cha mẹ, đời thường yên ổn, khi tuổi thọ hết, sinh lên cõi trời, và được đến nơi chư Phật đồng hội, được nghe nói pháp, được đạo độ đời, sa hấn khổ não.”

Đức Phật lại bảo các vị Tỳ-khuru: “Này các Tỳ-khuru, đời chưa có gì đáng gọi là hiếu. Làm cho cha mẹ bỏ ác làm lành, vâng giữ năm giới và ba tự quy, được thế dù rằng buổi sớm vâng

giữ, buổi chiều mất đi, ơn ấy trọng hơn vô lượng công ơn nuôi nấng, bú mớm của cha mẹ mình. Nếu không biết đem giáo pháp Tam Bảo, rất mực khai hóa cho cha mẹ mình, tuy là hiếu dưỡng vẫn như bất hiếu. Có vợ cay nghiệt, cần nên khuyên răn, vì vợ cay nghiệt làm xa người hiền, không cần cha mẹ, chỉ ham sắc dục, say mê không chán, sinh ra những việc ngang trái đạo hiếu, hãm hại cha mẹ, quốc chính hoang loạn, vạn dân lưu vong.”

“Bản chí thường làm những việc huệ thí, lễ, giới xét mình, dịu lòng chuộng nhân, luôn luôn tiến đức, tâm ưa vắng lặng, chí học suốt thông, danh lừng chư Thiên, sánh bằng Hiền giả. Nếu lầm phạm vào trong vòng thê thiếp, đam mê nữ sắc, say đắm dục tình, đáng đáp yêu kiều, biến ra muôn mối. Những người trí ít, những kẻ thấy gần, bất giác dần dần, chí quay trở lại, dìm mất thân mình, nguy hại mẹ cha, nguy cả đến nước. Ham sắc tình dăng, giận ghét, lười, kiêu, tán tâm mờ mịt, hành động vô liêm... Từ trước đến nay chỉ vì sắc dục làm hại thân mạng, tan nát họ hàng. Vì vậy cho nên, này các Tỳ-khưu, các vị cần nên xa tránh duyên trần, chuyên tâm tinh thức. Trong sạch chí mình, đạo là việc chính.”

“Giữ trọn lời răn, nếu là làm vua, giữ yên bốn biển, bày tôi trọn trung, đem nhân trị nước; phép cha phải minh, con phải hiếu từ, chồng tín, vợ trinh. Các Ưu-bà-tắc cùng Ưu-bà-di, làm theo như thế, đời đời gặp Phật, thấy pháp, đắc đạo.”

Đức Phật nói xong, hết thầy đệ tử, ai cũng vui mừng, làm lễ rồi lui.

**(Thích Tâm Châu dịch từ chữ Hán sang chữ Việt)**

---

[1] Kinh số 687 trong Đại-Tạng-kinh, thất lạc tên người dịch chữ Phạn vẫn ra Hán văn.

[2] Cửu tộc: Chính họ là mình, cha, ông, cụ, kỵ, con, cháu, chắt, chít.

## **Cố Hòa Thượng thượng THIỆN hạ PHƯỚC**

(1924 - 1986)

(nhân kỷ niệm 30 năm ngày đức Tôn sư viên tịch)



Đức Tôn sư Hòa Thượng thượng THIỆN hạ PHƯỚC húy Nhứt Ý, đắc pháp với đức ông sư thượng Bửu hạ Đức tại tổ đình Bửu Quang (Ngọa Long Sơn - An Giang). Sau đó vâng lệnh đức ông về miền Đông cầu pháp với Hòa thượng Thích Trí Châu (Long Sơn cổ tự - Tân Uyên) thuộc dòng LÂM TẾ GIA PHỔ thứ 40, rồi hoằng truyền pháp môn Tịnh Độ cho

hàng tứ chúng đồng tu. Đức Tôn sư đã có công:

- Khai sơn hệ phái Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng từ năm 1959, đến nay đã có 170 tự viện trên toàn quốc, hơn 1.200 Tăng Ni và trên 1,3 triệu Phật tử đang tu học.

- Sáng lập Phật học đường Tây Phương Bồng Đảo (1962 – 1980)

- Khai mở khóa tu Bách Nhật Trì Danh từ năm 1966 đến nay tại Nhứt Nguyên Bửu Tự.

- Chứng minh đạo sư: Tổ đình Linh Sơn, Quan Âm Tu Viện, Long Sơn Cổ Tự, Nhứt Nguyên Bửu Tự, Chùa Long Phước Thọ, Bửu Hoa Ni Viện và Tam Thiện Tự.

- Khai sơn Tịnh Xá Thắng Liên Hoa (xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa).



*Năm 1961, tại tổ đình Linh Sơn (núi Dinh, Bà Rịa-Vũng Tàu), khi số lượng nạn nhân chiến cuộc tại miền Đông Nam bộ ngày một gia tăng, đức tôn sư thượng Thiện hạ Phước thành lập cô nhi viện Phước Lộc Thọ, nuôi dưỡng trên 200 trẻ mồ côi do cha mẹ chết trong chiến tranh.*

*Các trẻ này được nuôi dưỡng, đào tạo theo các chương trình Phật học để sau này trở thành những công dân tốt cho xã hội hoặc các vị Tăng tài cho Giáo hội.*

*Năm 1972, Cô Nhi Viện Phước Lộc Thọ trở thành điểm tiếp nhận cô nhi chiến tranh của toàn miền Đông Nam bộ lúc bấy giờ, và các trẻ em về đây tôn kính Ngài như một người mẹ hiền lúc nào cũng thương tưởng đàn con. “Dưỡng Tử Minh Linh” là bài văn vắn mà đức Thầy cảm tác khi đứng trước đàn con thơ dại này.*

BBS

## ***Dưỡng Tử Minh Linh***

*Tình mẫu tử thâm ân vi trọng  
Nghĩa má con vạn thuở một lòng son  
Non nước hao mòn má con hằng còn gắn bó  
Ngoài ngõ trao tay dưỡng tử minh linh  
Không sanh có dưỡng, sanh dưỡng đạo đồng  
Nhìn hài nhi lòng mẹ héo von  
Đứa con lạc loài muôn thuở  
Tay bồng bế đứa con vạn nẻo trần gian  
Tiếng tu oa tiếng trẻ khóc than  
Khiến cho lòng mẹ đây ủ ê dạ ngọc*

Tiếng trẻ khóc canh tàn Mẹ bàng hoàng tâm nội  
Đêm canh trường mẹ nhuần gọi thâm ân  
Dưỡng hài nhi lòng từ vô lượng  
Trẻ bạc phước lạc đường đến Mẹ  
Nhủ lòng từ Mẹ nâng đỡ hài nhi  
Tuy chẳng sanh mà tình thương chan chứa  
Mẹ bông con đũa đũa an vui  
Đêm năm canh Mẹ ngậm ngùi trẻ dại  
Ai nữ ngậm ngùi giận giũi các con  
Đũa con phiêu bạt nó thiếu tình thương an ủi.

Mẹ tủi lòng lệ đổ suốt năm canh  
Đũa con bạc phước nó thiếu tình thương vô tận  
Đũa con lạc loài nó ao ước một nguồn vui sống mạnh  
Để cho cõi lòng nó được thanh thoi  
Hỡi ai gấn lại một tình thương mẫu tử  
Để ngày mai này trọn chữ từ tâm  
Cuộc sống thăng trầm của hài nhi vạn nẻo  
Hỡi ai nhủ lòng từ, hỡi ai nhủ lòng bi gấn bó keo sơn  
Tình mẫu tử như bản đờn trầm diệu  
Tiếng nỉ non ru ngủ của mẹ hiền.

Khiến cho con trẻ thỏa lòng ao ước  
Niệm Quán Thế Âm cho hài nhi hữu phước  
Tình mẫu tử trước sau như một  
Trải bao phen cõi lòng chinh nghiêng của thế hệ  
Bông hài nhi tình mẹ con thấm thúy  
Mẹ thương con giờ Tý niệm Di Đà  
Tình mẫu tử từ tâm vô lượng  
Mẹ bông con trên cung sơn điện ngọc  
Mẹ gấn tình thương dưỡng tử minh linh  
Nhân duyên đã phô bày trong dĩ vãng.



HT. THÍCH THIỆN HẢO (trái) - TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ TH PG. TP HCM (NK 1987-1997)  
CHÚC MỪNG THÀNH QUẢ PHẬT SỰ CỦA HT. THÍCH THIỆN PHƯỚC. (Ảnh TL)

*Nguyên nhân này nghĩa trọng tình thâm  
Biển rộng mênh mông đâu vừa lòng mẹ  
Trời cao lồng lộng tâm hồn của mẹ âm u  
Tiếng chuông chùa giục thúc công phu  
Bồng hài nhi mẹ cần tu trong vạn kiếp  
Nỗi lo âu của mẹ đêm ngày trần trọc  
Cõi phồn hoa hay xóa mờ tình thương trẻ dại  
Mẹ ước mong người xuân nữ lòng từ vô tận  
An ủi hài nhi trong giấc ngủ dài  
Mẹ ước mong người xuân nữ làm vui cho kẻ cô đơn.*

*Đề tình mẫu tử keo sơn gắn bó  
Niệm Quan Thế Âm hàn gắn lại cái tâm  
Tình mẫu tử vạn năm còn lưu luyện  
Không sanh có dưỡng sanh dưỡng đạo đồng  
Nam Mô Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát.*

HT. THÍCH THIỆN PHƯỚC

Ngày 13 tháng 7 năm Nhâm Tý, 1972

## *Tha thứ để bình an*



Con muốn trở nên người Phật tử chơn chánh, xứng đáng là người con tinh thần của Phật pháp, con phải có những đức tánh thiết yếu như sau:

- Có lòng vị tha rộng lớn, tánh bao dung.

- Có lòng thương người chân thật.

- Có tánh hy sinh cao cả, biết nhận xét.

- Giữ tinh thần trong sạch, cao khiết, không cho đắm nhiễm

(tình cảm nhảm nhí, gây ra xáo trộn điên đảo tâm hồn)

- Tâm thường vắng lặng, suy tư một cách chơn chánh (không suy nghĩ vẩn vơ, tâm ý tưởng nhớ xăng bậy)

- Làm việc gì kỹ lưỡng thận trọng dù việc đó nhỏ hay lớn.

- Nói năng lịch sự, đúng phép, nhã nhặn, khiêm tốn, nhin nhường, cương nhu đúng lúc.

- Đòi sống giản dị càng hay, biết đủ là vui.

- Lập chí vững bền như kim thạch.

- Siêng học rộng, mở mang trí tuệ.

- Kham chịu những điều khó khăn khi bị thử thách.

- Nếu con có một tâm hồn thánh thiện trong một thể xác

mạnh khỏe, trong sạch thì tinh thần con mới minh mẫn, sáng suốt, việc làm của con mới đứng đắn.

- Con có thể kham chịu lợi ích chúng sanh nương theo con, chư Phật, Bồ tát, tuôn lợi hành giúp đỡ hồng trần và con sớm viên mãn công hạnh.

- Như vậy dù con ở cõi trần như nhưng tâm con đã về Tịnh độ, vào thế giới giải thoát, sống cùng chư Phật, Bồ Tát và chư Thượng Thiện Nhơn. Quyết định sống, con ở cõi trần, tâm nương Phật, lâm chung con về cảnh Phật không sai.

**TẠI SAO CON PHẢI CÓ LÒNG VỊ THA RỘNG LỚN VÀ TÁNH BAO DUNG ?**

- Lòng vị tha giúp con an lạc với tất cả cảnh sống hàng ngày. Biết bao nhiêu người con không vừa ý, biết bao câu nói trái tai gai mắt làm cho con não phiền. Khi tánh vị tha bao dung đến với con khiến con hiểu biết, nhận xét, tâm con liền an ổn, sự thắc mắc liền biến mất.

- Có lòng thương người chân thật con sớm thể hiện được tình thương, lòng bác ái và từ bi của Phật, con mới mở tâm giúp đỡ kẻ khó khổ, người nghèo thiếu hơn con.

- Lòng vị tha rộng lớn, tánh bao dung cao cả thêm tình thương chân thật là chìa khóa mở cửa tiếp nhận nguồn thương của chư Phật, Bồ tát bao la đại đồng.

- Tánh hy sinh cao cả của con khiến con lìa được vật chất, dục vọng thấp hèn, đưa tinh thần con đến siêu việt cao đẹp, danh vọng bọt bóng không quyến rũ con được, kiếp người vô thường không chi tránh lẩn, hối tiếc khiến con vui sướng sống theo chơn lý, lợi ích quần sanh không một chút than phiền.

- Giữ tinh thần trong sạch, cao khiết, không cho đắm nhiễm ái dục để tránh sự náo loạn tâm hồn con.

(Trích CHƠN PHẬT TỬ - TN. HUỆ GIÁC - NXB VĂN HÓA - VĂN NGHỆ, 2015)

## *Ý nghĩa lễ Vu Lan*



Lễ Vu Lan là lễ báo hiếu báo ân cho cha mẹ, ông bà, cứu huyền thất tổ. Có người bảo cúng Vu Lan cũng là lễ cúng cô hồn, nhưng người Phật tử thì hiểu hai lễ khác nhau. Thật ra thì lễ cúng cô hồn xuất phát từ Trung Quốc (thời nhà Đường), nhằm vào ngày 15/7 lịch của Trung Quốc. Còn lễ Vu Lan là của Phật giáo xuất phát từ Ấn Độ truyền đến Việt Nam qua “con đường tơ lụa”. Phật giáo Việt Nam cúng đại lễ Vu Lan Báo hiếu vào ngày 15/7 âm lịch theo lịch Việt Nam (cũng là lịch Trung Hoa) nên ngày cúng lễ Vu Lan của Phật giáo tại Việt Nam, trùng ngày với lễ cúng cô hồn của người Trung Quốc ở Việt Nam. Nên có người hiểu lầm cho rằng cúng Vu Lan là cúng cô hồn. Tuy nhiên do cộng hưởng văn hóa nên cả người Việt và đại bộ phận người Hoa ở Việt Nam đều cùng tổ chức đại lễ Vu Lan cầu siêu cứu huyền thất tổ và cả thập loại cô hồn.

## I . Xuất xứ trai đàn chẩn tế

Tổ chức trai đàn chẩn tế thứ nhất xuất phát từ kinh Phật Thuyết Đà La Ni Cứu Bạt Nga Quỷ Diệm Khẩu - thứ hai, xuất phát từ kinh Du già Tập yếu cứu A Nan Đà La Ni Diệm Khẩu Quỷ Nghi (đời Đường, Trung Quốc, Tam Tạng Sa môn Bất Không phụng chiếu dịch Phạn ra Hán, tại Việt Nam do Quảng Minh dịch).

**Duyên khởi 1:** Một ngày nọ Tôn giả A Nan là thị giả theo Đức Phật về ở tại tịnh xá Ni Câu Luật Na, phía nam thành Ca tỳ La vệ. Đến đêm vào canh ba thấy có một ngạ quỷ tên là Diệm Khẩu, thân thể ốm yếu, trong miệng lửa cháy đỏ đến trước tôn giả A Nan nói: “Sau ba ngày nữa mạng sống của Thầy sẽ hết, thác sanh vào loài quỷ”. A Nan nghe nói sợ quá và hỏi: “Sau khi tôi chết sanh vào ngạ quỷ, phải làm điều gì mới hết?” - Ngạ quỷ nói: “Sáng sớm ngày mai Thầy có thể bố thí nước uống thức ăn cho trăm ngàn na do tha hằng hà sa số ngạ quỷ, bố thí cho vô lượng Bà la môn tiên, các vị minh quan nghiệp ty phủ Diệm la, các vị quỷ thần, những người đã chết lâu xa các loại âm thực thích ứng, mỗi vị sẽ nhận được 49 đầu âm thực được tính theo cái lượng đầu của nước Ma già đà, lại còn vì ngạ quỷ chúng tôi mà cúng dường Tam Bảo, thì Thầy được tăng thêm tuổi thọ, và bọn chúng tôi nhờ đó cũng được lia cái khổ làm thân ngạ quỷ.

Tôn giả A Nan đến thưa với Phật như thế. Phật dạy thiết lập đàn tràng chẩn tế âm thực cho trăm ngàn na do tha hằng hà sa số ngạ quỷ, bố thí cho vô lượng Bà la môn tiên, các vị minh quan nghiệp ty phủ Diệm la, các vị quỷ thần, những người đã chết lâu xa khắp mười phương các loại âm thực thích ứng, giúp cho các loài thoát khổ. (*Kinh Phật Thuyết Đà La Ni Cứu Bạt Nga Quỷ Diệm Khẩu*).

**Duyên khởi 2:** Về tập tục tụng kinh siêu độ, theo Ngài Đạo An “*vốn không phải là một tập tục truyền thống của Phật giáo*”.

Tập tục này chỉ bắt đầu có ở Trung Quốc từ đời nhà Đường. Năm 755, An Lộc Sơn nổi loạn, kéo binh về chiếm kinh thành, khiến vua Huyền Tông phải chạy vào Tứ Xuyên lánh nạn. Một năm sau thì quân triều đình dẹp yên giặc loạn, số người chết nhiều vô số kể. Triều đình bèn ra chỉ dụ cho tất cả các chùa Khai Nguyên trong toàn quốc, thỉnh chư vị cao tăng đại đức, thiết lễ tụng kinh cầu siêu độ cho mọi người đã chết trong cuộc chiến. Dân chúng thấy triều đình làm như thế, bèn bắt chước làm theo, cứ mỗi khi trong nhà có người chết, liền thỉnh chư Tăng tụng kinh cầu siêu độ. Từ đó mà lễ cầu siêu độ cho người chết trở thành một tập tục trong dân gian (*Ý nghĩa trai đàn chẩn tế - Thư viện Hoa Sen*)

**Duyên khởi 3:** Tập tục cầu siêu đến Việt Nam bắt đầu từ thời nhà Lý. Đó là việc tổ chức các trai đàn chẩn tế, gọi là “*Diệm khẩu phổ thí pháp hội*” nghĩa là đại hội về Phật pháp để bố thí thức ăn cho quỷ đói. Pháp này được thực hành trên tác phẩm mang tên là “*Thí Chư Ngạ Quỷ Âm Thực Cập Thủy Pháp*” do Ngài Bất Không dịch vào thế kỷ thứ VIII, đời Đường và hiện nay, trong thời khóa tụng niệm buổi chiều, các chùa ở Việt Nam thường có một nghi thức thí thực cô hồn, gọi là *Mông Sơn Thí Thực*. Nghi thức này có từ đời nhà Tống tại Mông Sơn, Tứ Xuyên, Trung Quốc, vì thế mới có danh xưng “Mông Sơn Thí Thực”.

Trong “*Thiên uyển tập anh*”, Tăng thống Huệ Sinh (1064) đời vua Lý Thánh Tông, có để lại tác phẩm “*Pháp Sư Trai Nghi*” nói đến nghi thức chẩn tế. Vào năm 1789 sau khi đại phá quân Thanh năm Kỷ Dậu, vua Quang Trung đã ban sắc làm lễ tưởng niệm các chiến sĩ và tiến cúng cô hồn tử sĩ, kể cả quân Thanh đã tử trận.

Vua Gia Long sau khi thống nhất sơn hà, năm 1802 cũng thiết đàn siêu độ cho quan quân và những oan hồn uổng tử vì chiến cuộc do Tổng trấn Bắc Thành Nguyễn Văn Thành chủ tế



với bài văn viết bằng quốc âm Tướng Sĩ Trận Vong và Cô Hồn Thập Loại (*Ý nghĩa trai đàn chẩn tế - Thư viện Hoa Sen*).

“Trai đàn chẩn tế giải oan bạt độ” là nghi lễ lớn xuất phát từ thời Đức Phật, khi Ngài về thăm quê hương, đã có chỉ dạy cho Tôn giả A nan tổ chức cúng lễ cầu siêu giải oan cho nạ quỷ, cô hồn, các Bà la môn tiên... Sau việc giải oan là bố thí ẩm thực cho những người nghèo khó.

### **Mật ý của Phật**

Cúng trai đàn chẩn tế là bài pháp giáo hóa, thuộc ý giáo: “Các Phật tử có phương tiện sắm sanh quà bánh, giấy tiền vàng bạc, các lễ vật cúng kiếng, thí đốt cầu cho cõi “âm” hao tốn bao nhiêu cũng làm cho kỳ được... Như vậy các vị cũng phải làm được cho người sống quá nghèo khổ, khiến cho được no đủ...”. Đây là cách giáo hóa khéo của Đức Phật: Cúng cho người “âm” để cầu thọ được, thì bố thí cho người “dương” đương nhiên được phước báu. Cho nên đây là việc làm đúng mà người Phật tử phải tham gia.

Ngày nay việc “thiết lập trai đàn chẩn tế” có từ 50 đến 100 vị Tăng, trong đó có vị Thầy Cả, hai vị Yết Ma, các bậc giáo phẩm chứng minh và Ban Kinh Sư, hàng ngàn Phật tử tham dự. Việc cúng kiếng này dành cho các tổ chức tự viện lớn có khả năng thiết lễ, tập trung những Phật tử gia đình sung túc, các gia đình Phật tử nương theo đó mà ghi danh cúng kiếng cầu khấn. Cầu thỉnh quý Thầy, quý Sư các bậc cao Tăng, các bậc có đầy đủ phước đức, có nhiều lực dụng đến cúng thì hiệu quả, như cầu an, cầu siêu, cầu mưa thuận gió hòa, vượt qua những khó khăn trong công việc làm ăn... Tổ chức như thế phước báu vô cùng.

### **II. Duyên khởi Lễ Trai Tăng:**

Xuất phát từ Kinh Vu Lan Bồn, ngài Mục Kiền Liên viếng Thập điện Diêm Vương tìm mẹ và cứu Mẹ. Ngài được Đức Phật dạy muốn cứu được Mẹ khỏi sa vào địa ngục thì đúng vào ngày

rằm tháng Bảy (15/7 âm lịch) thỉnh mười phương chư Tăng, gồm những vị tu hành chốn lâm sơn, những bậc thiên gia chân chánh, tịnh đức chúng Tăng đến cúng dường. Ông phải sắm sanh lễ vật như: Thuộc men, mùng chiếu, áo chần, thau, bồn, vải vóc... thành tâm dâng lễ vật lên chư Tăng, nhờ thần lực của chư tịnh đức chúng Tăng mười phương chú nguyện cho mẹ của ông được siêu thoát và cuối cùng việc làm của tôn giả Mục Kiền Liên có hiệu quả, bà mẹ Thanh Đề được sanh Thiên.

Chúng ta cần ghi nhớ Phật sự trong Kinh Vu Lan Bồn. Phật dạy trước nhất thỉnh mười phương Tăng: Tăng thanh tịnh, Tăng tu ở non núi, Tăng tịnh đức, Tăng ở chốn tòng lâm, Tăng Tỳ kheo thọ đủ giới tam đàn thánh lễ. Thứ hai, sắm sanh lễ vật, thứ ba chọn ngày rằm tháng bảy mỗi năm phát tâm cúng dường trai tăng. Thứ ba, nguyện hồi hướng công đức về mẹ, tạo điều kiện cho mẹ nương theo lực Phật gia hộ của mười phương chư Tăng mà giải thoát khỏi địa ngục. Ý nghĩa Tôn giả Mục Kiền Liên là bậc tu hành đắc lực thông, tức là đại diện cho người có đủ phương tiện phát tâm cúng dường, hồi hướng công đức cứu mẹ và làm lợi lạc cho muôn người, cho cả chúng sanh chung, không riêng cho mẹ của Tôn giả.

Tại Việt Nam việc “thiết lễ trai Tăng” là lễ trai đàn thu hẹp trong phạm vi tự viện, cũng có khi thiết lễ tại tư gia, gia đình Phật tử thỉnh cầu thập phương Tăng đến tư gia chứng trai. Việc thỉnh Tăng về cúng tại tư gia cũng có truyền thống từ thời Đức Phật, chỉ trừ giới luật Phật không cho phép “biệt thỉnh”. Tăng thọ biệt thỉnh là “phạm giới”. Việc cúng trai tăng dành cho một gia đình hay nhiều gia đình trai chủ được chư Tăng Ni hướng dẫn tổ chức cúng tại tự viện Thầy Tổ, hay tự viện có đông chư Tăng Ni, có khi dùng từ thỉnh thập phương chư Tăng từ 10 vị trở lên, thỉnh thiên Phật, thiên Tăng từ 100 vị, 1.000 vị Tăng Ni trở lên. Việc cúng trai Tăng là pháp thí cúng dường chư Tăng Ni,

## TỊNH ĐỘ LÀ ĐÂY

LÊ TÁT SĨ

*Ta là kẻ rong chơi trên trần thế  
Mãi sa đà với lũ cô hồn  
Mặc thế sự đầy voi dâu bẻ  
Mặc áo com nheo nhóc tui hờn.*

*Nếu một mai tứ đại này tan rã  
Vẫn thâm mong trở lại kiếp người  
Để tiếp tục hí du cho đã  
Di Đà ơi, Tịnh độ đây rồi!*

vừa cung cấp dưỡng nuôi chư Tăng Ni tu hành, vừa tạo công đức phước điền cho thân bằng quyến thuộc trong tháng lễ Vu Lan.

Theo lời dạy của Phật, về thời gian cúng dường trai Tăng phải chọn ngày lành tháng tốt, tức là ngày 15/7 âm lịch mỗi năm và chỉ có ngày rằm tháng Bảy thiết “đại lễ trai tăng dâng pháp y”. Phật giáo Nam tông tổ chức đại lễ “dâng y Ka thi na” vào ngày 15/9 âm lịch. Và cho đến hôm nay trở thành truyền thống lan rộng trong giới Phật tử, thường xuyên phát tâm thiết lễ cúng dường trai tăng hay trai phạn trong suốt năm tại các tự viện.

*Trai đàn lễ có từ xưa  
Từ thời Đức Phật vừa về quê hương  
Cầu siêu nhân đến cầu an  
Cầu cho trăm họ quan san thịnh cường  
Trai đàn chẩn tế kỹ cương  
Trai tăng trai phạn trai đàn muôn nơi  
Nguyện cầu lạc nghiệp khắp trời  
Nam bang sanh chúng cơ ngơi an nhàn.*

HT. THÍCH GIÁC QUANG

## *Vượt Tam Quan*

*Ồi người vượt khỏi tam quan*

*Hững hờ tục lụy nhẹ nhàng duyên tơ.*

Ai đã từng quỳ trước Phật đài, phát nguyện kiên cường  
thề tát cạn mạch sầu nghiệt ngã, chắc cũng có đôi lần trầm  
tư thẩn thức trước bài kệ khai thị ban đầu của Mã Tổ Đạo  
Nhất:

*Tức Tâm tức Phật*

*Tức Tâm tức Pháp*

*Tâm Pháp song vong*

*Hiện lộ chân như.*

*Ngay Tâm là Phật*

*Ngay Tâm là Pháp*

*Tâm pháp đều mất*

*Hiện lộ Chân Như.*

Thế nên ở trước mỗi ngôi chùa đều có một cổng tam  
quan, biểu trưng ba cửa ải khó khăn mà hành giả phải vượt  
qua lắm liệt. Xin trân trọng giới thiệu một lộ trình độc đáo  
đó là Trục Chỉ Tổ Sư Thiên:



Chủng loại Thiên có năm môn cơ bản :

1. Ngoại Đạo Thiên: Tạo hình kỳ lạ như đứng một chân, lỏa thể v.v...

2. Chư Thiên Thiên: Thiên Yoga của Ấn Độ giáo.

3. Tiểu Thừa Thiên: Thiên quán ĐỀ Mục của Phái Bộ Theraveda.

4. Đại Thừa Thiên: Lục Diệu Pháp Môn của Thiên Thái Giáo.

5. Trục Chỉ Thiên: 33 vị Tổ Ấn Độ Trung Hoa. Sau cùng là Tổ Huệ Năng.

Khởi đầu nước Ấn Độ, chỗ Đức Phật ra đời, tâm đạo, chứng đắc, thuyết pháp và nhập Niết Bàn để pháp thân lưu chuyển ngàn sau, bàng bạc đến từng loại chúng sanh với những nét ẩn mật kỳ bí đã trang trải ngân vang suốt chiều dài lịch sử.

Trong một thời hội giảng, Phật Thích Ca đưa lên cảnh hoa kim đàn, đại chúng nhìn ngơ ngác, chỉ riêng có Ngài Đại đức Ca Diếp mỉm cười, thế là người được trao y bát trở thành Tổ sư Thiên thứ nhất.

Khi xưa, vua nước Hương Chí hỏi Tổ sư Thiên thứ 27 là Ngài Bát Nhã Đa La: “*Các vị tu hành đều tụng kinh, sao Ngài không tụng*”. Tổ đáp: “*Bản Tạng hơi thở ra không tiếp xúc các duyên, hơi thở vào không ở trong ám giới, thường chuyển thứ kinh ấy đã ngàn muôn ức quyển rồi*”.

Ở Trung Hoa, cửa Thiên Lâm mở rộng, hoa thiên nở rộ sắc hương, khi phóng túng như sóng thét gió gào, lúc ngang tàng hơn tòng bá so gan cùng tuyết lạnh, mát ngọt như dòng nước Tào Khê. Năm tông bảy phái khởi hưng độc đáo, xuyên khắp mọi thời, người người đều ngưỡng mộ; như Thiên sư Thủy Lạp lúc trẻ đến tham vấn Mã Tổ: “*Thế nào là đại ý của Tổ Sư qua đây*”. Mã Tổ ra dấu: “*Lại nói cho nghe!*” Thủy Lạp vừa đến gần

đánh lễ, bỗng bị Mã Tổ đập một cái té nhào, vừa ngồi dậy chột cười lên ha hả. Về sau có đệ tử hỏi Thủy Lão: “*Khi Hòa thượng bị Mã Tổ đập, ngồi dậy liền cười là ngộ điều gì?*” Thủy Lão trả lời: “*Tiếng cười đó đã theo ta suốt hai mươi năm*”.

Lúc Thiền Sư Bá Trượng Hoài Hải làm thị giả Ngài Mã Tổ, mỗi lần đem đĩa bánh bao của đàn na cúng dường thì Ngài Mã Tổ luôn cầm một cái bánh lên hỏi Bá Trượng: “Là cái gì?”. Bá Trượng mờ mịt không hiểu. Sau khi chứng Ngộ rồi, Ngài rút kinh nghiệm lúc dạy không dùng vật để biểu thị, sợ đại chúng theo vật mà không ngộ được ý kia. Nên Bá Trượng đợi khi giảng xong, đại chúng vừa quay gót đi ra, bỗng Ngài gọi lớn: “Này đại chúng”. Đại chúng quay lại, Bá Trượng liền hỏi: “Là cái gì?”. Phong cách trên được Thiền Tông xưng tán là: “Bá Trượng Hạ Đường Cú”.

Nên biết rằng, mọi động tác thi vi của Thiền Chủ như: cái đập của Mã Tổ, cái đánh của Hoàng Bá, tiếng hét của Đức Sơn hay lời mời uống trà của Triệu Châu đều là cơ phong trao pháp. Thiền khách với khẩu quyết **Pháp Đâu Tâm Đó** sẽ thâm diệu hội được **Bổn Tâm** mình là gì? Nếu không thì khởi ý căn suy lường sẽ bị Tổ Sư Thiền lừa trên đầu lưỡi ngoạn mục.

Riêng nước Việt Nam hơn hai mươi thế kỷ phát triển, minh triết Thiền lắng đọng vào xứ sở con người. Thiền Sư giúp nước an thân dung hợp chân đế tục đế, đưa cảm xúc riêng tư hội nhập cùng thiên nhiên, trái lòng từ bi hài hòa trong cuộc sống. Có lúc ung dung dạo khắp chợ đời rộn rịp, đôi khi nương chôn cung đình lộng lẫy cao sang, nhưng gót chân Thiền đâu đậm vết bôn ba.

Từ khái niệm không gian thời gian huyễn hóa, đến giọt sương long lanh trên đầu ngọn cỏ (*Sư Vạn Hạnh*) hoặc cành mai bật nở trong linh ảnh đêm qua (*Sư Mãn Giác*) hay cánh nhạn lưng trời bay ngang dòng sông lạnh (*Sư Minh Châu Hương Hải*)

đều là hình tượng gọi lên yếu chỉ huyền vi.

*Phật Phật Phật làm sao thấy tỏ*

*Tâm Tâm Tâm rất khó nghĩ bàn*

*Có Tâm có Phật rõ ràng*

*Không Tâm Không Phật hai đàng đều không.*

*(Phật Tâm Ca – Tuệ Trung Thượng Sĩ)*

Nhị Tổ Pháp Loa hỏi Sơ Tổ Trúc Lâm Phật Hoàng Trần Nhân Tông: “*Làm sao để tu hành?*”. Sơ Tổ đáp: “*Phản quang tự kỷ bốn phần sự*”. Pháp Loa hỏi tiếp: “*Làm sao có quang để phản tự kỷ?*”. Sơ Tổ trả lời: “*Hãy nghe bài kệ Tịnh Thiền:*

**“A Di Đà Phật**

**Mật niệm hồn nhiên**

**Chúng nguyện Bồ Đề**

**Cảnh không như như”.**

Tất cả mọi pháp Thiền đều là một cuộc tổng diễn tập để tiến đến Trúc Chi Thiền mới là bước đột phá tâm linh toàn triệt, với ba giai đoạn vượt Tam Quan :

Tổ Hoàng Long đưa ra ba giai đoạn vượt Tam Quan:

**1. Bản Tham Quan hay Sơ Quan Kiến Tánh Thấy Pháp**

**Thân:**

*Có ý trông hoa hoa ủ rũ*

*Vô tâm tiếp liễu liễu xanh um.*

Đây là cửa ải đầu tiên, hành giả hạ thủ công phu, tham thoại đầu, phá nghi tình, dùng nội lực bình sinh cùng pháp giới trợ duyên, chuyển từ Đa Tâm, Thiếu Tâm đến Vô Tâm. Bồ Đề Đạt Ma quyết định :

*Ngoài dứt các duyên*

*Trong không cấp bách*

*Tâm như tường vách*

*Mới thể nhập Đạo.*

## **2. Trùng Quan – Kiến Tánh Chứng Pháp Thân:**

*Chớ bảo Vô Tâm nguyên Phật Đạo*

*Vô Tâm còn cách một Trùng Quan.*

Tuy dứt được tướng tâm hư vọng vô thủy, nhưng tập khí đời đời của quán trí nhiều đời tồn tại vi tế. Đã Vô Tâm cùng thể sự nhưng với Phật Đạo triệt ngộ vẫn còn một lớp cửa trập trùng vì trụ tâm nơi tịnh tướng.

## **3. Mạt Hậu Lao quan – Kiến Tánh Thấu Pháp Thân:**

*Sào cao trăm thước ngồi chót vót*

*Tuy thấy mà nào thấy được chân*

*Vì dám đầu sào thêm bước nữa*

*Mười phương thế giới hiện toàn thân.*

Đây là cửa Đại Từ sau cùng để nhảy vào mảnh đất Như Lai. Thiền Sư Diệu Thọ gọi trạng thái này là Vô Tâm đến Liễu Tâm.

Bạn ơi! Từ vô lượng kiếp nào đã mang tâm phân biệt nổi trôi qua muôn lối, nên vạn nẻo phong trần cũng theo nhau trăn trở triền miên. Giờ đây đem Tâm Phân Biệt mà Không Phân Biệt vượt khỏi Tam Quan, mượn Trục Chi Thiền giác ngộ bản tâm kiên trì thể nhập tự tánh.

Bởi vì **Pháp Đầu Tâm Đốc**, tuy hiển lộ mà tầm cầu rất khó, tuy ẩn mật nhưng khéo dụng chẳng ngại. Để đến khi nhắm mắt trút hơi thở cuối cùng thân vật chất rã tan, hình bóng tử thần không bao giờ lỗi hẹn. Lúc ấy, chỉ còn lại duy nhất Tâm Thể A Di Đà hay Bản Lai Diện Mục là vững vàng đủ sức thương lượng, và hào sảng nghe thanh thoát bản Đạo Tinh Thơ :

*Đã mang lấy kiếp sông dài*

*Sốt chia bè bọt chớ hoài phù sa*

*Dù là cỏ biếc sương pha*

*Dấu hài nâng gót Phật Đà ngàn thu.*

Núi Dinh – Mùa Mưa Rừng Tâm Tã 2016

T.T.B



## LỜI KHAI THỊ

- Niệm Phật tuy đơn giản, song không niệm Phật sẽ không có lối về.
- Người niệm Phật thì đi về với Phật, người niệm Không thì đi về với Không.
- Dần dà cái sanh già, bệnh chết rất nhanh các người có công niệm Phật, đừng để tử sanh dắt lối dẫn đường, uổng kiếp làm người khó....
- Tâm trần sanh, tâm đạo diệt, tâm đạo sanh, tâm trần diệt. Hiện tiền của niệm Phật A Di Đà là tạo cho tâm trần không sanh, lần lần định lực như ý.
- Đêm đêm như sinh đều ngủ, say sưa trong giấc nồng. Ta thức, thức thật tỉnh táo trong đêm trường, lo toan niệm Nam Mô A Di Đà để sớm về quê cũ.
- Niệm Phật thì có Phật, sợ gì thiên ma quấy phá, các bậc thánh thần cũng phải qui y Phật, hộ trì Phật pháp, các vị đó không phải là cứu cánh của bùa, ngải, phù phép linh thiêng... nên không cần phải học hỏi những ô nhiễm trần lao đó. Cần phải gắng chí niệm Phật bất thối chuyển.
- Các người, dù có được đi gió về mây, dù có một thể lực nào cao cả, chức tước quyền bính, cao vọng trong Đạo hay ngoài đời cũng không cao quý bằng nơi chốn thâm sơn rảnh rang Niệm Phật, giống như “ÔNG GIÀ THẤT NGHIỆP”, bụi trần lao không có chỗ đeo bám.
- Niệm Phật, niệm thầm, niệm lớn tiếng đều được, miễn làm sao không rời “NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT”.

*(Trích từ Sử Liên tông Tịnh độ Non bồng)*

## ***Sinh Thành***

*Thuở nhỏ cắp sách đến trường  
Thầy cô giáo dạy học đường hiếu nhơn  
Công cha như núi Thái Sơn  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra  
Một lòng thờ mẹ kính cha  
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con  
Mẹ nuôi con ngậm bồ hòn  
Không hề toan tính già non tháng ngày  
Còn con nuôi mẹ nhắc hoài  
Con tính từng tháng từng ngày kể ra?  
Con nào thấu hiểu mẹ cha  
Trăm cay ngàn đắng xót xa ngậm ngùi  
Ghét con cho ngọt cho bùi  
Thương con cho vọt cầm dùi cho roi  
Mẹ đi ra biển lẻ loi  
Thân mẹ chịu đựng mồ hôi một mình  
Trong con thập tử nhất sinh  
Cầu xin Phật độ cứu mình bình yên  
Mẹ tròn qua khỏi truân chuyên  
Con vuông mạnh giỏi bình yên sống đời  
Hào con nhờ phúc của trời  
Mẹ đà vượt khó qua thời hiểm nguy  
Phàm làm người phải nghĩ suy  
Ai ai cũng có tông chi họ hàng  
Ông bà cha mẹ cưu mang  
Sanh thành dưỡng dục thên thang đất trời  
Mỗi đêm mỗi thắp đèn trời  
Cầu cho cha mẹ sống đời với con  
Còn cha gót đỏ như son  
Một mai cha mắt gót con dính bùn.*



## CHÙA LINH BỬU

### ĐIỂM DU LỊCH VĂN HÓA TÂM LINH

Theo chương trình khảo sát & công bố “*Top 100 điểm du lịch văn hóa - tâm linh tiêu biểu khu vực phía Nam năm 2015*” do Cục Công tác phía Nam - Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch phối hợp với Trung tâm UNESCO Văn hóa & Truyền tin Truyền thông tiến hành, ngày mùng 8 tháng 4 âm lịch đã tặng bằng vàng chùa Linh Bửu (71/9 Bông Sao, P.5, Q.8, TP.HCM) do TT. Thích Thiện Tài Trụ trì vì hội đủ những tiêu chuẩn theo chương trình khảo sát trên.

M.K

# TRẦN TRỞ

◊ Nhạc: **Trần Đức Tâm**

Thơ: **Trần Hậu**

$\text{♩} = 54$

Dòng sông nào khi tìm về với biển Cũng phải  
qua những khúc khuỷu nông sâu Phải vận mình chịu đựng những cơn  
đau Chứa con nước lớn ròng bao trần trở Như hạnh  
phúc vốn đến từ đau khổ Trong cuộc hóa thân nào cũng có nỗi đau  
riêng Như bướm vàng khoác đôi cánh thần tiên Có ai  
biết nỗi đau của con ngài khi hóa kiếp Hạ ơi nông khắc  
nghiệt Thu vàng vô âm thầm Đông một trời giá  
rét Cũng chỉ để dâng đời tươi đẹp một mùa xuân. ... xuân.

(Địa chỉ nghe bài hát: <http://Youtube/Trần Trở/Trần Hậu>)

# ĐỜI ĐỜI BÁO HIẾU BÁO ÂN

◇ Sáng tác: **Đông Châu**

♩ = 80

The musical score is written in treble clef with a key signature of one sharp (F#) and a common time signature (C). It consists of seven staves of music with Vietnamese lyrics underneath. The lyrics are: "Nước biển mênh mông không đong đầy tình Mẹ Mây trời lồng lộng không phủ kín công Cha Nghĩa ơn sanh thành lấy gì đo đếm ... con khi ươm mầm bụng mẹ Đi ngôi thận trọng lo gìn giữ thai nhi Uống ăn kiêng lành không hề than oán được Lòng từ phụ mẫu là vô lượng tâm bồ tát Tất cả cho ... nhọc Ngày ngày làm ...". The score includes first and second endings, indicated by "1." and "2." above the notes. The piece concludes with a double bar line.

Nước biển mênh mông không đong đầy tình Mẹ Mây trời lồng lộng  
... con khi ươm mầm bụng mẹ Đi ngôi thận  
lộng không phủ kín công Cha Nghĩa ơn sanh thành lấy gì đo đếm  
trọng lo gìn giữ thai nhi Uống ăn kiêng lành không hề than oán  
được Lòng từ phụ mẫu là vô lượng tâm bồ tát Tất cả cho ...  
nhọc Ngày ngày làm ...  
... lụng chắt chiu chờ phút lâm bồn Mẹ cha ta Thiên đường hạnh phúc bao  
la Ân tình thâm trọng thiết tha Lửa hồng sưởi ấm muôn  
nhà Đời đời ghi khắc sâu xa Đời đời báo hiếu báo ân

## *Hiếu Hạnh Vi Tiên*

*“Làm con hiếu hạnh vi tiên” - Kinh Vu Lan Bồn*



Vu Lan phiên âm từ chữ Phạn Ulambana, người Trung Hoa dịch là Giải đảo huyền, có nghĩa là “giải cứu tội khổ bị treo ngược”. Lễ này còn gọi là Vu Lan Bồn, chữ bồn có nghĩa là chậu đựng thức ăn để dâng cúng. Kinh Vu Lan bồn do ngài Trúc Pháp dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán vào thế kỷ thứ 3. Như vậy lễ Vu Lan có nghĩa là lễ dâng cúng thức ăn lên Tam Bảo để xin chú

nguyện cho ông bà, cha mẹ, những người quá cố trong bảy đời gọi là cứu huyền thất tổ, nếu ai đã làm những điều tội lỗi ở trần gian nhờ ơn Tam Bảo sẽ được thoát khỏi cảnh địa ngục sanh về các cõi an lành khác.

Cứ đến trăng tròn rằm tháng Bảy âm lịch là lễ Vu Lan được tổ chức, đó là mùa báo ân cha mẹ. Lễ Vu Lan đã có từ ngàn xưa mà đức Mục Kiền Liên là tấm gương tiêu biểu, gương mẫu cho Phật tử noi theo. Dân gian dựa vào truyền thuyết Mục Kiền Liên cứu mẹ nên tin rằng có các vong hồn bị đày đọa vào cảnh địa ngục ở âm phủ. Các vong hồn này luôn đói khát, bị hành hạ khổ đau, người dương gian phải có bồn phạn sắm sửa vật lễ cúng cho các vong linh đang đói khát. Tuy nhiên, đây là chỉ niềm tin của dân gian, ý nghĩa quan trọng hơn của Vu Lan là để tỏ lòng

hiếu thảo của con cái đối với các bậc sinh thành.

Văn hóa Việt Nam từ ngàn xưa để lại vẫn lấy chữ Hiếu làm đầu, vì công ơn cha mẹ thăm thẳm như trời cao, rực rỡ như mặt trời, dịu hiền như ánh trăng rằm. Ai mà không xúc động khi đọc câu ca dao:

*Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*

*Một lòng thờ mẹ kính cha*

*Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Phật dạy: “*Tâm hiếu tức là tâm Phật*”. Vì vậy Phật giáo xác định: “*Cùng cực điều thiện không có gì hơn hiếu, cùng cực điều ác không có gì hơn bất hiếu*”. Với quan điểm đó, tinh thần cốt lõi nhất trong ngày lễ Vu Lan là chữ Hiếu. Thực hành hiếu thảo là điều mà mọi Phật tử phải thực hiện, không hiếu thảo với cha mẹ thì không thể gọi là Phật tử chân chính.

Trong văn hóa dân tộc Việt Nam, ý nghĩa hiếu đạo được xem như là một di sản quý báu, một chất liệu sống tốt đẹp được mọi người yêu chuộng và gìn giữ. Làm người ai cũng mang ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. Trong văn học còn lưu lại những dấu tích về tấm lòng yêu chuộng đạo hiếu của người con Việt. Nó đã giúp cho người Việt Nam làm nên văn hóa dân tộc. Văn hóa dân gian Việt Nam đề cao văn hóa gia đình và dòng tộc. Trong truyền thuyết hay trong truyền cổ tích, người Việt Nam tự hào là thuộc dòng giống con rồng cháu tiên. Lạc Long Quân là người cha mẫu mực, anh hùng thương yêu và che chở cho con cái lúc hoạn nạn, thường khuyên mọi người ăn hiền ở lành, sống đúng đạo lý cha con và tình nghĩa vợ chồng. Đó là ý thức về hiếu hạnh, đặt nền tảng gây dựng đạo đức xã hội. Câu chuyện về bánh chưng, bánh dày bày tỏ công lao sanh dưỡng của cha mẹ. Tiền bạc, vàng ngọc châu báu, của ngon vật lạ dâng lên đều bị vua cha từ chối, bánh chưng bánh dày đã trở thành sản phẩm cổ truyền,

chứng tích của đạo lý, những chiếc bánh chưng, bánh dày đã trở thành lễ vật thờ cúng tổ tiên vào những dịp lễ Tết.

Trong ca dao, tiếng nói đạo đức mang truyền thống văn hoá được kết tụ từ mấy nghìn năm lịch sử, với những lối lẽ mộc mạc, dễ hiểu đã đề cao công lao dưỡng dục của cha mẹ, nó không nằm trong văn chương bác học mà lại gần gũi và chan hòa trong đời sống của người dân:

*Công cha nghĩa mẹ cao dày  
Cưu mang trứng nước những ngày còn thơ  
Nuôi con khó nhọc đến giờ  
Trưởng thành con phải biết thờ song thân.*

Nguyễn Du đề cao chữ hiếu với một tinh thần phóng khoáng, đặc biệt đạo hiếu được nhấn mạnh và xem đó là nhiệm vụ hàng đầu của con cái:

*Duyên hội ngộ đức cù lao  
Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn  
Đẻ lời thệ hải minh sơn  
Làm con trước phải đền ơn sinh thành.*

(Kim Vân Kiều)

Nguyễn Trãi, vị anh hùng dân tộc vào thế kỷ 15, trong tác phẩm Gia Huấn ca, ông đã đề cao đạo Hiếu:

*Dù nội ngoại bên nào cũng vậy  
Đừng tranh giành bên ấy bên này  
Cù lao đội đức cao dày  
Phải lo kính hiếu đêm ngày khăng khăng.*

Theo nho giáo, hiếu là một khái niệm đạo đức nền tảng, là cái gốc của mọi vấn đề đạo đức. Trong xã hội phong kiến Việt Nam luôn lấy hiếu làm chuẩn mực, làm tiêu chuẩn rèn luyện và đánh giá nhân cách con người, lấy hiếu để buộc người và người. Hiếu là đạo đức quan trọng của gia đình truyền thống Việt Nam, đó là “nét đầu trong trăm nét”. Đạo hiếu hình thành lâu đời trong phong tục của người Việt như thờ cúng tổ tiên, kính trọng người



già, kính yêu cha mẹ. Trong lịch sử Việt Nam, hiếu đạo được xem như một điểm chính trong những bộ luật, chương đầu của Lê triều hình luật đã quy định bất hiếu là một trong thập ác.

Đạo hiếu trong pháp luật phong kiến, vừa là nghĩa vụ pháp lý, vừa là nghĩa vụ đạo đức và có những chuẩn mực nhất định, nếu con cháu làm trái với những chuẩn mực đó bị coi là bất hiếu. Trong pháp luật hiện hành, ta tìm thấy các quy định trong Luật Hôn nhân và Gia đình, luật phòng chống bạo lực gia đình, bộ Luật hình sự và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Về đạo lý, cha mẹ là người mang nặng đẻ đau, chăm sóc nuôi nấng con cái từ nhỏ đến lớn khôn, là tấm gương cho con cái trong mọi lĩnh vực, điều đó có ý nghĩa rất quan trọng cho việc thành công hay thất bại trong đường đời. Hiếu là tình cảm quý báu, là lòng biết ơn công sinh thành dưỡng dục và từ đó tự giác có trách nhiệm, nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ, ông bà. Hiếu là nhân cách con người, là gốc của nhân luân, là giá trị đạo đức.

Trong lễ Vu Lan còn có nghi thức “bông hồng cài áo”, nghi thức này để tưởng nhớ mẹ đã khuất và vinh danh mẹ còn tại thế với con cháu. Nếu anh còn mẹ, ta sẽ được cài một bông hồng màu đỏ trên ngực áo và ta sẽ rung rung nước mắt sung sướng vì còn mẹ. Còn nếu cha mẹ mất ta sẽ nhận được một hoa hồng trắng để mang nặng nỗi tiếc thương, để ước rằng mình vẫn còn được sống bên cha mẹ.

Dù là bông hồng đỏ hay bông hồng trắng mà ta nhận được trong lễ Vu Lan, tất cả đều nói lên lòng hiếu thảo, để thương mến và tưởng nhớ đến cha mẹ, các bậc sinh thành. Chọn một bông hồng để cài lên ngực áo trong dịp lễ Vu Lan là ta đang thực hiện tinh thần hiếu đạo với ý nghĩa nhân bản và cũng là một cách để cho cuộc sống an lành và tươi đẹp hơn.

N.Đ.T

## *Mùa An Cư*

Thuở Đức Phật còn tại thế, Ngài có đặt ra một giới luật luật cho hàng Tăng ni là mỗi năm phải An cư kiết hạ vào mùa mưa. Vì mùa mưa ở Ấn Độ, các loài côn trùng sinh sôi nảy nở rất nhiều, nếu chư Tăng đi khát thực sẽ giẫm đạp lên chúng, giết hại nhiều chúng sanh nhỏ nòi, làm tổn thương đến lòng từ bi tế vật của hàng Phật tử. Do đó, chư tăng không được phép du hành ra ngoài, mà phải ở yên một chỗ trong thời gian ba tháng để nỗ lực tu tập thiền định, trau dồi giới định tuệ, cùng nhau sống trong hòa hợp thanh tịnh. Nếu có chuyện khẩn cấp và cần thiết, chỉ được phép rời trú xứ trong thời gian không quá 7 ngày, rồi trở lại tiếp tục an cư. Đó là nguồn gốc của việc An cư kiết hạ.

Chương trình tu tập hằng ngày của các trường hạ không hoàn toàn giống nhau về thời khắc, nhưng tựu chung cũng không ngoài việc tọa thiền, kinh hành, tụng kinh sáng, tụng kinh chiều, học tập giáo lý, nghiên cứu kinh điển và chấp tát những công việc thường nhật trong chùa. Mùa an cư là thời gian quan trọng nhất trong năm của hàng Tỳ kheo. Một mùa an cư là một tuổi đạo của mỗi Tỳ kheo. Đây là một Phật sự vô cùng quan trọng và thiết thực của Tăng chúng, thể hiện lòng từ bi đối với muôn loài chúng sanh và làm nền tảng cho sự tu tập của hàng Phật tử tại gia.

Mùa kiết An cư kiết hạ năm 2016, Ban Trị sự GHPGVN. Q8 tổ chức trên địa bàn quận gồm một điểm tập trung dành cho chư Ni tại trường hạ Pháp Quang và bốn điểm cấm túc an cư tại chỗ, gồm các chùa: Linh Bửu, An Phú, Thường Quang và Bửu Quang. Tổng số hành giả, tăng ni tham dự khoảng 400 vị.



LỄ TRAO HỌC BỔNG NGUYỄN HỮU THỌ NĂM HỌC 2015 - 2016

## PHẬT SỰ QUẬN 8

- Ban Trị Sự GHPGVN.Q8 tổ chức lễ Phật Đản năm 2016, PL.2560 tại Chùa Long Hoa P.15 Q8, thành công tốt đẹp.

- Chính quyền Quận 8 tổ chức họp mặt mừng Phật Đản của giới Phật giáo quận 8 gồm các vị chức sắc, chức việc và đại diện các tôn giáo bạn.

- Bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, kết quả Thượng tọa Thích Huệ Công Phó Ban Trị sự GHPGVN.Q8 đắc cử đại biểu HĐND cấp quận, và 10 vị tăng ni đắc cử đại biểu HĐND cấp phường.

- Ban Trị sự GHPGVN.Q8 đã trao tặng 320.000.000đ cho quỹ học bổng Nguyễn Hữu Thọ, số tiền này do UB.MTTQ.Q8 vận động các Tăng ni trụ trì các tự viện trên địa bàn quận 8.

T.N.H.T

## *Mùa Vu Lan Nghĩ về Mẹ*

*Tôi viết bài thơ với cả nỗi lòng trần trở  
Với Người sinh và nuôi nấng cả đời ta  
Tôi viết bài thơ ca ngợi Mẹ  
Dáng dịu hiền trong nắng tấp mưa sa.*

*Hai vai Mẹ một gánh đầy huyền thoại  
Tình yêu thương hào phóng đến vô cùng  
Hình hài con khi còn là hạt bụi  
Lớn lên dần qua lòng Mẹ bao dung*

*Dấu cuộc sống gập thặng trăm dâu bể  
Suối đầu nguồn giọt nước vẫn trinh nguyên  
Đôi mắt Mẹ tâm từ bi hiển hiện  
Mãi xanh trong ngan ngát nỗi triền miên*

*Còn đâu nữa vòng tay của Mẹ  
Ôi vòng tay êm ấm lạ kỳ  
Đời con được mở mang trí tuệ  
Nhờ đước dặm đường soi sáng bước con đi*

*Nghĩ về mẹ trời luôn tươi sắc nắng  
Hoa trong vườn không gió cũng xôn xao.*

**S.N.**

## *Nhớ Mẹ*



*Lâu rồi con chưa về thăm  
âm hay lạnh chỗ mẹ nằm ra sao*

*Ngày hè rát ngọn gió Lào  
đêm đông mưa bão gào buốt xương  
lưng còng máy nắng máy sương  
oằn thêm nỗi nhớ niềm thương con mình*

*Thằng lạc địa đứu lưu linh  
nẻo quê người kiếp lục bình trôi hoang  
đã đành mặng mọc tre tàn  
già đau phận trẻ lệ ràn rụa tuôn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn  
xé lòng con vệt trắng mòn tàn thu!...*

*N.Đ.T.*

## *Chùa Pháp An - An Tĩnh Giữa Dòng Đời*



### CHÁNH ĐIỆN CHÙA PHÁP AN

Tuy tọa lạc sát khu công nghiệp Sóng Thần thuộc thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhưng chùa Pháp An ngày nay vẫn giữ nguyên vẻ đẹp cổ kính của ngôi chùa quê nơi mà cách đây gần 50 năm cư sĩ Nguyễn Văn Nhứt (sau này là Hòa thượng Thích Thiện Đạo) đã khởi công khai sơn tạo tự.

Quá trình hình thành và phát triển ngôi chùa Pháp An có nhiều điểm đáng ghi nhớ: Năm 1968, chùa được hình thành trên một khu đất ruộng mênh mông, cạnh bên là đám rừng với nhiều cây cổ thụ hàng trăm năm tuổi. Lúc đó, chiến tranh bùng nổ dữ dội với căn cứ quân sự Sóng Thần ra đời để đối phó với phong trào du kích của vùng đất Dĩ An. Khi tổ khai sơn viên tịch, chùa rơi vào tình trạng hoang phế không người hương khói, mặc sức cho đám côn đồ hoành hành.

Trước tình trạng chùa chiền xuống cấp hư hoại, một nhóm cư sĩ thuần thành - đồng thời cũng là thân nhân, con cháu của cư sĩ Nguyễn Văn Nhất - trong đó có cụ bà Huỳnh Thị Thất (Diệu Ngộ) hiện nay còn tại thế, đã tổ chức một chuyến hành hương lên Quan Âm Tu Viện (Biên Hòa-Đồng Nai) thưa với Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác và Hòa thượng Thích Giác Quang để cung thỉnh người về Trụ trì, hướng dẫn Phật tử tu học. Sau khi Ni trưởng cùng Hòa thượng chấp thuận, nhóm Phật tử này đã về cử Phật tử Bùi Văn Công thảo một lá đơn thỉnh nguyện với 72 chữ ký của 72 gia đình Phật tử tại địa phương. Thể theo nguyện vọng chung của Phật tử, Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác đã đề cử Thượng tọa Thích Thiện Trung (1945-2013) về kế vị Hòa thượng Thích Thiện Đạo, Trụ trì chùa Pháp An đời thứ hai.

Thượng tọa Thích Thiện Trung là người có đóng góp rất nhiều công sức cùng chư Phật tử bôn đạo, để định hình ngôi tam bảo đã hư hoại theo thời gian, như: Trùng tu ngôi chùa Pháp An thành một ngôi đại hùng bửu điện với chánh điện thờ Tam Thế Phật, Tổ đường, giảng đường cùng các tháp Bồ tát Quán Âm, Địa Tạng, Vãng sanh đường,... và vườn hoa kiểng đậm chất thiền vị như ngày nay. Thượng tọa cũng là người đề xuất nhiều hoạt động từ thiện xã hội tại địa phương, hàng năm kêu gọi các nhà hảo tâm, các đơn vị từ thiện tổ chức cứu tế, phát quà cho người nghèo; giúp học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học, tặng nhà tình thương, tình nghĩa, vận động người dân tham gia các chương trình công tác xã hội, bảo vệ môi trường... Đặc biệt là các buổi pháp đàm của Thượng tọa về đề tài nhân quả, luân hồi,... đã giúp cho đại bộ phận cư dân tại địa phương chuyển hóa nhận thức, sống tốt đạo đẹp đời, giảm hẳn các tệ nạn xã hội trước đây tại địa phương.

Năm 2013, Thượng tọa Thích Thiện Trung viên tịch, thể



TÔN TƯỢNG HT. THÍCH THIỆN TRUNG -  
CÓ TRỤ TRÌ CHÙA PHÁP AN

theo nguyện vọng chung của quý Phật tử niên cao kỹ trưởng và của Phật tử Chơn Trí (thị giá), Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác đã cử Thượng tọa Thích Thiện Tâm, lúc đó đang Trụ trì Tịnh xá Tịnh Châu Như Ý (Biên Hòa), về đảm nhiệm chức vụ Trụ trì chùa Pháp An đời thứ ba.

Thượng tọa Thích Thiện Tâm người gốc Nhơn Đức (Nhà Bè)

thuộc Liên tông Tịnh độ Non bông, ấu niên xuất gia với Tôn sư Thiện Phước-Nhứt Ý, biệt hiệu Đức Mẫu Trầu Bông Lai tại Tổ đình Linh Sơn - núi Dinh, sau đó về tu hành tại tịnh xá Thiện Chơn (Bà Điểm), đến Quan Âm tu viện và làm Trụ trì Tịnh Châu Như Ý (Biên Hòa). Thượng tọa Thích Thiện Tâm tuy mới đảm nhiệm chức Trụ trì tại chùa Pháp An từ năm 2014, nhưng đã đưa sinh hoạt chùa vào nề nếp ổn định với đạo tràng Niệm Phật trên (60 vị) vào ngày 26 âm lịch hàng tháng, đạo tràng Pháp Hoa (40 vị) vào ngày mồng Một hàng tháng. Thượng tọa cũng đã kết hợp với các Phật tử thiện nguyện để tổ chức các hoạt động từ thiện xã hội thường xuyên như: Phát quà cho người nghèo tại địa phương mùa Vu Lan (200 phần/kỳ) vào dịp Xuân Di Lặc (40 phần/kỳ). Thượng tọa cũng có nhiều sáng tác thơ văn đậm chất thiền, mà “Tiền Sư về nơi cõi Phật” là bài thơ tổng biệt Thượng tọa Thích Thiện Trung làm xúc động lòng người.

Sát cánh cùng Thượng tọa Thích Thiện Tâm là Đại Đức



Thích Thiện Lễ, là chư Tăng xuất gia tại Quan Âm tu viện và có nhiều đóng góp cho văn hóa Phật giáo. Thầy Thiện Lễ được nhiều người biết đến với tập thơ *Nhớ Chùa* (Nhà xuất bản Văn hóa – Văn nghệ 2014) với những cảm xúc đậm chất thiền, gắn bó với tông phong, tổ đình và chư tổ khai sơn... Đại Đức là người tổ chức nhiều đạo tràng Đại Bi Tâm Đà la Ni ở khắp các chùa thuộc Liên Tông, đồng thời cũng là người đưa ra ý tưởng sẽ tổ chức chương trình “Một ngày tịnh hóa thân tâm” với nội dung Thiền Tịnh song tu và học tập giáo lý dành cho giới cư sĩ trẻ và ngày thứ Bảy cuối tháng.

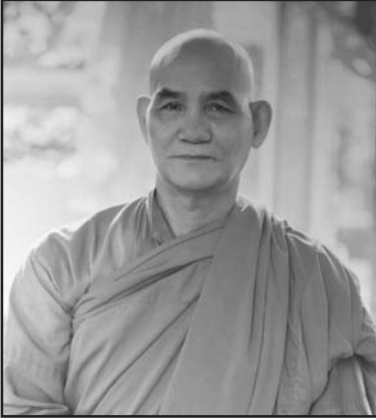
Về chùa Pháp An tịnh tu một ngày, bạn sẽ cảm nhận được hồn quê gửi gắm trong những cơn gió mát dịu thổi qua hàng cây Ta-la trong buổi trưa hè, tiếng ve sầu ngân nga trên nhánh mít giữa đêm thanh vắng, tiếng tắc kè bắt chọt vang lên giữa đám phong lan như thức tỉnh lòng người... Rồi các món ăn dân dã do các Phật tử tự tay nấu lấy như: Canh chua rau muống chấm muối ớt, bánh canh nấm đông cô, bánh ướt rau thơm muối mè... cũng sẽ là những hương vị làm ta nhớ mãi khi quay ba lô trở về thành phố.

Hiện nay, Pháp An là một trong nhiều ngôi chùa đẹp, có nhiều hoạt động tu học và từ thiện xã hội của tỉnh Bình Dương. Các Phật tử quanh thị xã Dĩ An dù đang là công nhân tại khu công nghiệp Sóng Thần hay là tiểu thương ở những hàng quán ven đường thì họ đều chọn Pháp An là nơi chốn trở về của cõi tâm sau một ngày lặn lội vất vả giữa cuộc đời.

T.K.M

GHI CHÚ: Phật tử tham gia chương trình tu học “*Một ngày tịnh hóa thân tâm*” xin vui lòng liên hệ: Chùa Pháp An, 14/32 KP Bình Minh, Phường Dĩ An, TX. Dĩ An, tỉnh Bình Dương hoặc trực tiếp với ĐĐ. Thích Thiện Lễ, ĐT: 0922228039

## THÍCH THIỆN TÂM



Thượng tọa Thích Thiện Tâm người gốc Nhơn Đức (Nhà Bè) thuộc Liên tông Tịnh độ Non bằng, ấu niên xuất gia với Tôn sư Thiện Phước - Nhựt Ý, biệt hiệu Đức Mẫu Trầu Bồng Lai tại Tổ đình Linh Sơn - núi Dinh, sau đó về tu hành tại tịnh xá Thiện Chơn (Bà Điểm), đến Quan Âm tu viện và làm Trụ trì chùa Tịnh Châu Như Ý (Biên Hòa).

### *Tiền sư về cõi Phật*

*Nhẹ bước Sư về nơi cõi Phật  
Trần gian Sư để lại cho đời  
Vui buồn, thương ghét đều là mộng  
Về cảnh Tây phương. Hết nã phiền.*

*Hoa khai kiến Phật, lòng thanh thoát  
Cảnh tịnh, tâm không, ngộ lý chân  
Vô sanh bất thoái do công hạnh  
Niết Bàn Sư nhập cõi trời tây!*

## *Bóng Mát Đòi Con*

*Còn mẹ con còn tất cả  
Mắt mẹ rời vát và lầy ai thương?  
Mẹ còn dở dở ương ương  
Một mai mẹ khuất khóc thương được gì?*

*Con đừng ngộ nghịch vô nghi  
Làm cho cha mẹ li bì khổ đau  
Khi còn sống ở bên nhau  
Hãy nên trân trọng ngày sau khỏi phiền*

*Mẹ con là mối nhân duyên  
Nợ nần, ân oán thâm niên lâu dài  
Vì con mẹ chẳng ngại sai  
Lạc lừa, gian dối lười hai ba chiều*

*Tất cả vì đũa con yêu  
Đâu màng nhớ nghĩ những điều con gây  
Mẹ làm bóng mát thân cây  
Con ơi ôm lấy những khi lạc lằm.*

(Trích tập thơ “Tiếng Lòng”, NXB Văn hóa - Văn nghệ 2016)



Đại Đức Thích Thiện Lễ, là chư Tăng xuất gia tại Quan Âm tu viện và có nhiều đóng góp cho văn hóa Phật giáo. Thầy Thiện Lễ được nhiều người biết đến với tập thơ *Nhớ Chùa* (Nhà xuất bản Văn hóa – Văn nghệ 2014) với những cảm xúc đậm chất thiền, gắn bó với tông phong, tổ đình và chư tổ khai sơn...

## ĐÓN NHẬN ĐÓA HỒNG

◊ Thơ: **Thích Thiện Lễ**  
Nhạc: **Đỗ Hữu Tài**

Chậm

Nhẹ nhàng như làn gió, đóa hồng vừa cài lên  
 ... hiện đi về đó, nẻo hồng trần lần theo

áo của ai. Nhẹ nhàng như làn  
 tiếng của con. Mẹ giờ đi về

mây, tóc mẹ bay trong chiều thu về. Mùa Vu  
 dâu, mãi đợi trông con về nơi này. Mùa Vu

Lan con có mẹ, bầu trời yêu thương trong nỗi nhớ tình  
 Lan con vắng mẹ cành hồng rơi rơi trong ký ức còn ...

cha!  
 Mẹ ... .. vương. Ôi cành hoa  
 Ôi cành hoa

hồng cài lên áo mẹ ơi, rất hiền hòa, tình mẹ bao dung như biển  
 hồng cài lên áo màu lam rất đượm tình lòng mẹ bao la như biển

cả mệnh mông. Sao anh không đón nhận một cành  
 cả mệnh mông. Sao em không kính trọng một nụ

hoa màu hồng mà thâm lặng nhìn màu hoa trắng tang  
 hoa màu hồng, mà bụi ngùi nhìn màu hoa trắng rưng

thương. Để rồi mọi người hiểu rằng anh đã mất  
 rưng. thấy rằng đời mình nghĩ gì khi đã mất ...

1. đi tình nghĩa thiêng liêng cao quý nhất. ... đi bầu trời  
 2.

xanh chỉ có một mà thôi.

## ***Hoài niệm Liên tông***

*Liên tông Tịnh độ Non bông  
Hàng năm hai đợt Hội đồng tông phong  
Chư Tăng, Phật tử rất đông  
Hai nơi nguồn cội Núi Bông - Quan Âm  
Dẫu ai có ở xa xăm  
Đừng quên ngày hội, mỗi năm hai lần  
Trước là tự nhắc bản thân  
Kính viếng Thầy Tổ, ân thâm với mình  
Sau là bày tỏ thâm tình  
Tăng Ni, Phật tử quá trình độ tha  
Liên tông Tịnh độ một nhà  
Vào ngày lễ lớn, bao xa cũng về.*

## ***Trong con có Thầy***

*Thuyền trần lạc bến lành đênh  
Nhờ công Thầy lái, nhớ ơn muôn đời  
Dạy con lối sống tuyệt vời  
Dấn thân vì đạo, xa rời bến mê  
Công ơn giáo dưỡng nặng nề  
Hôm nay khánh tuế, tựu về Quan Âm  
Kính dâng tất cả tấm lòng  
Cầu thầy khỏe mạnh theo dòng thời gian  
(Kỷ niệm ngày 02/6/Bính Thân - 2016)  
Tỳ kheo Thích Thiên Lễ*

## GIỚI THIỆU SÁCH



Thủ bút bài thơ “Một ngày thiên thu” của thầy Nguyễn Khắc Dương tiễn biệt mẹ về Văn Điển (Hà Nội, tháng 10/1986)

“**30 Năm Tưởng Nhớ Mẹ**” (NXB Thuận Hóa, 2016) là quyển sách do hai tác giả Nguyễn Khắc Phi và Nguyễn Khắc Phê biên soạn với sự cộng tác của 24 tác giả khác trong đại gia đình Nguyễn Khắc, như: Nguyễn Khắc Niêm, Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Khắc Dương, Nguyễn Thị Vàng, Đoàn Văn Kính, Nguyễn Thị Phương Thảo,...

Quyển sách dày 280 trang, gồm nhiều bài viết tưởng nhớ đến cụ bà Đoàn Thị Viên (1903 - 1986) là hiền thê của cụ Hoàng Giáp Nguyễn Khắc Niêm (1889 - 1954), và là mẹ của 9 người con thành đạt - một số người trong đó đã là sư trưởng của nhiều thế hệ trí thức Việt Nam - được bà nuôi dưỡng và giáo dục trong điều kiện vô cùng khó khăn thời chiến tranh.

Trong quyển sách này, nhà giáo Nguyễn Khắc Dương đã có bài tứ tuyệt “Một Ngày Thiên Thu” và bài viết về mẹ của mình, với những kỷ niệm thời thơ ấu vẫn hiện hữu trong ký ức ông dù nay đã ở tuổi “ba vạn sáu ngàn ngày”...

C.M.T

## *Địa chỉ cuối cùng*



Bà Tú nằm lã người trên chiếc đi-văng đặt ở góc phòng khách, bên cạnh cửa ra vào. Đã ba ngày nay con đau đầu hành hạ bà đến khốn khổ - đây là di chứng của những trận đòn do lão Bạch để lại cho bà trong những cơn say túy lúy sau những cuộc nhậu... Bà nằm đó rúm ró như một nắm giẻ rách và khô như chiếc lá mùa thu, bà rên khẽ mỗi khi tựa mình xoay trở bởi sự va chạm chà sát giữa mặt phẳng đi văng với những khớp xương sống, xương hông làm bà đau đớn. Bộ quần áo rộng phồng phình cũng không che giấu nổi lồng ngực kẹp lép với hai hàng xương sườn như muốn lòi hẳn ra ngoài lớp da bụng và lớp áo theo những nhịp thở mệt nhọc - mỗi lần thở ra hoặc hít vào bà phải uốn người lên một cách khó khăn và cảm tưởng như có cả tảng đá đang đè nặng lên hai lồng ngực. Chín lần làm mẹ và chín lần cai sữa bà vẫn có cảm tưởng khó thở nặng nề giống nhau, nhưng đó là cái nặng nề khó thở đầy niềm vui và nỗi tự hào - bởi



loại bỏ các khổ đau bất hạnh thì bà vẫn có niềm hạnh phúc của người mẹ, niềm hạnh phúc của chín tháng cưu mang, ba năm bú mớm... nhưng bây giờ bà nằm trong nỗi đau vô tận cả thực thể lẫn tâm linh – cô độc giữa ngôi nhà có đủ chồng con và nghèo nàn gần như phá sản bởi của cải đã cạn dần theo chiều cao thân xác và trí tuệ, học vị của bầy con, bầy con ấy đã từng là niềm hạnh phúc là nỗi tự hào, là điểm tựa tinh thần, là mục tiêu phấn đấu cho bà đủ can đảm và nghị lực để vượt qua mọi khó khăn khi phải đối mặt chiến đấu với cơn áo gạo tiền. Cũng vì bảo vệ sự bình yên êm ấm cho bầy con ấy bà đã cắn răng chấp nhận mọi thống khổ oan khiên, mọi cái vô lý và vô đạo của nhà chồng, của lão chồng tai quái như cáo điều và độc địa man rợ như những dân tộc bán khai thời trung cổ.

Dưới mắt lão Bạch – chồng bà và bầy con đã nên vai vế, đã có chỗ đứng vững vàng trong xã hội thì hình ảnh của người vợ đảm đang, người mẹ từng tất tả ngược xuôi vì chúng nó không còn nữa, người mẹ mà chúng nó đã từng tự hào, hãnh diện với bạn bè về mọi mặt, đối với chúng nó bây giờ chỉ là cái hạng “nghèo sát ván mà cứ nói ngon”, là phong kiến lạc hậu...

Còn với lão Bạch bà là một “mụ thối thây vô tích sự đau ốm suốt”, thành ra mỗi lần bà trở bệnh liệt giường không dậy được là lão bỏ đói bà luôn. Bà nằm vừa đói vừa khát đưa mắt nhìn về phía cha con lão Bạch – đã rất nhiều lần định kêu chồng hoặc con cho bà miếng nước, song thấy gương mặt cau có và lạnh ngắt của lão ta là bà Tú hết muốn kêu gọi cầu xin. Cứ mỗi lần bà nằm thế này là cha con lão Bạch lại đi ăn tiệm, ăn xong lão mang cái mặt đỏ gay như mặt trời và kè kè chai rượu, lắc lư tâm thân phì nộn chân nam chân bắc bước xiêu vẹo vào nhà là bà run lên bần bật bởi biết những tai họa đang đợi bà phía trước...

Chiều nay bà cố gắng ngồi dậy vịn vào tường bước từng bước khó nhọc xuống nhà bếp với ý định nấu chút gì ăn tạm – để

có sức thực hiện một quyết định mà bà đã ấp ủ bao ngày.

\*\*\*

Vị lão ni ngồi thẳng người tay lần tràng hạt trong khi bà Tú chấp hai tay trước ngực đứng nghiêm trang tuân tự trình bày nguyện vọng và cầu mong sự chấp thuận của bậc chân tu, giọng bà khẩn thiết:

- Kính bạch sư bà, con tự xét với xã hội và gia đình con đã làm tròn bổn phận làm con, làm dâu, làm vợ, làm mẹ, bây giờ là lúc con phải tự lo cho bản thân mình, cho sự an tịnh của thân tâm, con chưa đủ trình độ để đạt tới cảnh “Tuỳ ngộ nhi an” nên con rất cần có cảnh để tạo tâm, vậy mong thầy hoan hỉ cho con ở lại chùa để tiện hành trì tu tập.

Cất giọng từ hòa vị ni trưởng của ngôi cổ tự vừa nói vừa nhìn vào một điểm xa tít tắp:

- Tất cả những tâm nguyện của con đều hợp với lẽ đạo tình đời lẽ nào thầy không tán thán. Song tất cả chỉ là sự trợ duyên. Cái chính là mỗi người phải tự giác ngộ bản thân và tự thấp đuốc soi sáng trên lộ trình tu học của chính mình.

Bà Tú sung sướng đón nhận những lời đạo pháp của bậc chân tu đạo hạnh với cõi lòng nhẹ nhàng êm dịu như vừa hứng được ngọn gió mát lành thổi bay biến bao muộn phiền hệ lụy, cúi đầu đánh lễ vị lão ni, bà Tú bước thụt lùi ra ngoài phương trượng để xuống hậu liêu bằng niềm an lạc của một tâm hồn đã tìm được nẻo về.

Những tháng ngày thanh tịnh bình yên ở tu viện đã giúp bà Tú quên hết mọi hệ lụy phàm phu, bệnh hoạn cũng không hành hạ bà như trước đây, từ khi bà lên ở chùa lão Bạch có phần thay đổi. Lão lên chùa thường xuyên để lễ Phật và nhiều lần ngó ý đưa bà về nhà với những lời hứa hẹn tốt đẹp, song bà Tú nhất định không về, bà trình bày những lý luận xác đáng khiến lão đành hậm hực ra về. Có một lần lão giả say lên chùa quậy phá

đòi sư bà phải trả vợ lão về nếu không lão sẽ đi kiện nhà chùa, sư bà chỉ ngồi yên niệm Phật và bảo các điệu dọn cơm chay mời lão...

\*\*\*

Tiếng gọi nhỏ của điệu Hiếu trước cửa phòng làm bà Tú phải xếp cuốn sách đang đọc bước vội ra hành lang, trước mắt bà chín đứa con đang đứng lơ nhô chờ đợi, một thoáng xúc động bất ngờ đánh thức bản năng làm mẹ - bà dang tay ôm đứa con bé nhất vào lòng, mấy cái miệng chúng cùng đồng thanh:

- Mẹ ơi! Mẹ hãy tha tội cho chúng con, chúng con xin đón mẹ về - chúng con không thể sống sung sướng mà thiếu mẹ, mấy tháng xa mẹ chúng con đã hiểu ra điều ấy.

Bà Tú cố giấu nỗi xúc động cất giọng ôn tồn:

- Cảm ơn các con đã nghĩ đến mẹ, song bây giờ mẹ đã quen với nếp sống thanh tịnh - nếu các con thương yêu mẹ thật sự thì nên tôn trọng tâm nguyện của mẹ mà để mẹ tiếp tục sống ở chùa, thỉnh thoảng nhớ mẹ các con cứ lên chùa lạy Phật và thăm đại chúng thăm mẹ, mẹ cũng chẳng lột da để sống bên các con mãi được. Khi khôn lớn mỗi đứa đều có đời sống riêng mẹ về chỉ bận rộn cho các con mà chẳng ích gì cho thân tâm mẹ. Quay qua đứa con trai lớn bà nhẹ nhàng căn dặn:

- Các con nên chăm sóc ba cẩn thận đừng để ba rệu chè nhiều quá, anh em hãy sống tốt với nhau và cư xử tình nghĩa với mọi người, với xóm giềng nên giúp đỡ nhau khi tắt đèn tối lửa, làm được các việc trên là cách con biểu tỏ tình thương và lòng hiếu đễ với mẹ rồi con ạ.

Tiếng chuông chiều trên đại hùng bửu điện vọng xuống báo hiệu giờ công phu đã đến, mấy người con từ giã mẹ xuống núi, bà Tú tần ngần nhìn theo trước khi quay mình bước vào chánh điện dự khóa lễ chiều bằng nghi thức Tịnh Độ.

N.G.T.C

***Dọn***

*Dọn ngày,  
cho cuộc rong chơi  
Mai kia một nợ  
không lời đại khôn  
Dọn tâm,  
sạch những oán hờn  
Thảnh thơi bước nhẹ  
trên đường sắc không  
Dọn tình,  
từ khúc nhạc lòng  
Không dính mắc  
thông tay vòng  
an nhiên!  
Đời không dọn  
chắc đảo điên  
Qua sông...  
hãy bỏ lại thuyền  
mà đi...*

Cao nguyên phố, 06-5-2016

## *Mẹ Như Cánh Cò*

(Kính tặng Nguyễn Thành Út)

*Chiều qua mưa rơi góc phố Chợ Vàm  
Sông nước Cái Vừng buồn trôi lờ lững  
Mẹ yêu thương trần duyên đã mãi  
Tóc bạc da môi gân suốt trăm năm.*

*Phượng hồng rơi theo tiếng ve ngân  
Nhớ xưa mẹ ngồi trông con bên hiên vắng  
Ngày từng ngày đổi theo đàn bướm trắng  
Mẹ xa rồi như thiếu một quê hương.*

*Vẫn biết có không tan hợp vô thường  
Sao trong tim mãi u hoài hụt hẫng  
Mẹ là gió sương... là vàng mây ám  
Che chở đời con mỗi lúc chông chênh...*

*Mẹ như cánh cò lặn lội đồng bưng  
Gánh gạo thay chồng trụ lòng chung thủy  
Giờ mẹ xuôi tay thanh thoi yên nghỉ  
Ơn nghĩa sinh thành bể rộng trời cao.*

## *Mẹ Là Sư Cô*

Trước khi viết đề văn lên bảng, cô giáo gợi ý: “Trên đời này, ai cũng có mẹ. Mẹ là người sinh ra và nuôi dưỡng ta khôn lớn. Đây là người thân yêu và gần gũi nhất. Cho nên cô nghĩ, viết bài văn tả mẹ thì bạn nào cũng có thể viết thật hay”. Cả lớp bạn nào cũng ồ lên và hăm hở viết, riêng em thì bần thần nhìn ra ngoài cửa sổ. Cuối cùng em quả quyết viết:



*“Em không có mẹ. Từ bé đến giờ em chỉ có sư cô Diệu Thanh. Cô là người thân yêu và gần gũi duy nhất của em. Thế thì cô Diệu Thanh ơi! Những dòng thương yêu trong bài văn này là em viết về cô đấy.*

*Trời chưa sáng hẳn em đã nghe tiếng mõ công phu của cô trên chánh điện. Trên đường ra giếng rửa mặt nhìn qua song cửa em thấy dáng cô ngồi từ bi niệm Phật. Mặt cô tròn, sáng như trăng rằm. Mắt cô thật hiền luôn long lanh tia nhìn bao dung ấm áp. Đẹp nhất trên mặt cô là chiếc mũi thẳng thon nhỏ. Quanh năm lúc nào cô cũng đội trên đầu chiếc khăn màu khói lam và mặc bộ quần áo nâu sòng mộc mạc. Dáng cô đi thật nhẹ nhàng. Buổi sáng niệm Phật xong cô quét lá trong vườn. Em phụ cô vun lá lại và đốt. Có lần trong ánh lửa bập bùng cô kể chuyện cho em nghe: Rằng tên của em là Trúc Tự vì cô nhặt được em dưới gốc trúc trước cổng chùa. Cô nói thêm: “Chắc là mẹ của con phải khôn khổ, đau đớn lắm khi trao con cho người khác như thế”. Em hiểu cô sợ em buồn nên an ủi thế. Thật ra từ lâu rồi em đã biết em là con bé bị bỏ rơi do nhà chùa nhặt được. Dưới bóng cô dịu dàng cùng tình yêu thương bao la em thấy mình có đủ để quên hết những thiệt thòi. Mà em có thiệt thòi gì đâu. Cô lo cho em thật đầy đủ từ đồng phục đi học đến bộ váy đầm diễn văn nghệ. Cô tết bím tóc, buộc nơ hồng cho em thật đẹp. Cây trái trong vườn bốn mùa trĩu quả, em muốn ăn lúc nào cũng có. Bạn bè trong lớp có gì là em có đấy. Từ chùa đến trường không xa lắm, cũng không phải băng qua đường, nhưng chưa bao giờ cô để em đi học một mình. Lúc nào cô cũng đưa đón em đi và về đều đặn mấy năm nay. Căn phòng nhỏ của hai cô cháu phía hậu liêu thật ấm áp và lúc nào cũng gọn gàng sạch sẽ dưới bàn tay sắp xếp của cô. Cạnh bên cửa sổ phòng có cây hoàng lan bốn mùa trở hoa thơm ngan ngát. Cô hay hái hoa đặt vào đĩa mang để khắp bàn thờ và bàn học của em. Mỗi chiều cô dạy em*

“... Đàn ông xương trắng nặng oằn. Đàn bà xương nhẹ đen thâm dễ nhìn. Người có biết cơ chi đen nhẹ? Bởi đàn bà sanh đẻ mà ra. Sanh con ba đầu huyết ra. Tám học bốn đầu sữa hòa nuôi con...”

KINH “BẢO HIỆU PHỤ MẪU ÂN”

*học thêm ở nhà. Cô viết chữ thật đẹp, giọng cô đọc bài diễn cảm không thua gì cô giáo chủ nhiệm của em. Thương cô em cố gắng học hành để có thật nhiều điểm mười. Bởi mỗi lần em khoe điểm mười thì mắt cô lấp lánh niềm vui, miệng cô nở nụ cười thật đẹp. Buổi tối ngủ một giấc rồi thức dậy, nhìn ra thấy sao trời lấp lánh em biết đã khuya lắm rồi mà cô vẫn còn thức. Cô vá lại áo cho các ni cô trong chùa. Tay cô trắng ngần thon dài tựa những cánh hoa ngọc lan. Em hiện diện trong chùa như một mảnh đời trần tục quanh bóng các ni cô thanh thoát hiền từ. Giá cô cho em gọi cô là mẹ nhỉ? Em đến nhà bạn Đan Khê chơi thấy mẹ bạn ấy nuôi em bé thật cực dù nhà Đan Khê thật giàu không thiếu một thứ gì cả. Thế thì ngày xưa lúc nhặt em từ gốc trúc, nhỏ bé và yếu ớt như con mèo, làm sao mà cô nuôi em được trong cảnh chùa thanh tịnh và quá đổi mộc mạc này? Hẳn là cô phải đổ bao công sức để bây giờ em xinh xắn, tóc dài, da trắng, học giỏi và hát hay nhất trường thế này. Công ơn trời biển đó em phải làm gì để đáp đền cho xứng đáng đây? Thời gian trôi qua, rồi cô sẽ già như sư bà. Rồi em sẽ lớn lên như cô giáo em bây giờ. Em sẽ làm cô giáo để phụng dưỡng cô Diệu Thanh lúc cô không thể ngồi đan lát mây tre để kiếm tiền nuôi em nữa. Em nguyện như thế và cố gắng thực hiện ước nguyện này”.*

Cô giáo đưa tay lên sửa lại gọng kiếng. Tay cô bỗng chạm vào giọt nước mắt lạnh lạnh trên má. Chưa có một bài văn nào làm cô chạnh lòng đến vậy. Những bộn bề ngày thơ, đáng yêu làm cô bồi hồi. Thật quá quyết, cô ghi điểm mười đỏ chót, tròn xinh vào khung điểm.

H.T.T.



## Người Mẹ

Vạn ngày lặn lội phong sương  
Dặm trường đêm bước đoạn trường đêm phen  
Chợ đời oằn gánh truân chuyên  
Chiều tà nắng úa đê lên mái đầu  
Chút duyên phụ nữ tàn mau  
Ngân ngơ son phấn bạc màu sắc hương  
Nuôi con tât bật sớm hôm  
Xuân thì đánh rớt dọc đường còn đầu  
Bàn hàn dồn tụ ao sâu  
Một tay tát cạn cơ cầu qua trướng  
Khi bầy chim sáo lớn khôn  
Ngoảnh nhìn thôi đã héo hon thân cò  
Bao nhiêu năm - Một chuyến đò  
Chưa đầy bảy chục nắm mỗ gọi tên  
Tìm đâu giữa cõi lặng im  
Bóng hình người mẹ bỏ quên đời mình  
Thương chồng số mạng mỏng manh  
Thương đàn con nhỏ lênh đênh giữa vờn  
Thuyền nhà lạc lõng trùng khơi  
Khòm lưng chèo chống quyết bơi đến cùng  
Nhớ nhung dâng sóng cuộn lòng  
Ngậm ngùi nhìn khói nhang hong gió lửa  
Gởi hồn theo tới hư vô  
Ước mong gặp lại thuở xưa một lần  
Ngoài kia chợ vẫn họp đông  
Trên tay ảnh mẹ bệnh bông như mây  
Thời gian từng phút hao gầy  
Mà sao thương tiếc vẫn đầy Mẹ ơi!



# *Người Đàn Bà Khoác Tấm Voan Mỏng*

Truyện ngắn



Có câu thành ngữ của một dân tộc nào đó nói rằng: *“Mọi chuyện bắt đầu từ đàn bà”*. Nhưng xin đừng nghĩ: *“Mọi chuyện bắt đầu từ cái mu rùa”* là dị bản của câu thành ngữ ở trên. Câu này mới xuất hiện gần đây ở làng Chồi rồi loang ra khắp tỉnh Hòa Giang này. Vâng! Mọi chuyện bắt đầu từ cái mu rùa...

Mu rùa chính là cái gò Quy Sơn ở phía sau làng Chồi. Xưa nay vốn là chốn yên bình. Nơi chỉ dành để cho lũ trẻ đến chăn trâu và thả diều. Người ta gọi là gò chứ thực ra đó là một hòn núi khá cao, hình con rùa với cái mu vồng lên, nổi bật trên nền trời. Con rùa khổng lồ này có cái cổ dài như cổ rắn, đầu ngoẹo vào phía trong làng. Lại một nổi: mu rùa thì bằng đất, cổ và đầu lại bằng đá, nhẽ ra thì phải là ngược lại.

Trên đỉnh mu rùa mọc một cây cổ thụ khá lớn đã rộng ruột, có lẽ thuộc họ hàng nhà đa, không biết là giống đa gì. Thế nhưng, có một ông nhà văn, vốn cũng người sinh ra ở làng Chồi đã gọi phéng nó là cây dùa. Ông ta viết hẳn một bài tùy bút nói dông, nói dài về “cây dùa làng Chồi”. Ấy thế mà thành tên cho cái cây ấy thật. Bây giờ xa gần người ta vẫn gọi đó là cây dùa. “Dùa” chứ không phải “Rùa”, khác nhau mỗi cái uốn lưỡi. Dưới gốc cây dùa là một cụm đá lô xô, trông xa cứ như những cái gai lồm chồm trên lưng khủng long.

Câu chuyện xảy ra vào một buổi chiều tà đầu thu. Trên đỉnh Quy Sơn, ở cụm đá lô xô dưới gốc cây dùa bỗng xuất hiện một người đàn bà. Chẳng hiểu chị ta ở đâu đến? Đến từ bao giờ? Chị ta ăn mặc chỉ khác bà Ê - va mỗi tấm khăn voan mỏng khoác trùm lên tấm thân. Tấm voan mỏng như tờ nhện đương nhiên là không phải để che kín hết mọi đường cong nét lượn trên cơ thể thanh xuân của chị ta, nhưng nó lại có tác dụng trùm phủ đi những gì dung tục. Người đàn bà với dáng hình đẹp như một người mẫu hoặc một vũ nữ ba - lê. Chị ta đến ngồi lặng phắc trên phiến đá. Hai tay như đang ôm con trong lòng. “Con” của chị ta là một chiếc lá úa có màu đỏ da cam, không biết đó là lá gì? Người đàn bà ngoẹo đầu về phía chiếc lá, dịu dàng như là đang hát nựng con bằng những lời ru. Dường như chị ta không cất thành lời, người ta chỉ nhìn thấy một làn điệu ru con nào đó qua

cái dáng âu yếm của chị ta với “đứa con lá” của mình. Rất có thể người đàn bà cũng đang hát ru bằng lời, nhưng âm thanh ở cung bậc quá trầm, trầm đến nỗi... đã đông đặc lại trong không gian... Người đàn bà cứ ngồi lặng yên ở một tư thế như vậy ở trên đỉnh gò cao, trông chẳng khác gì một pho tượng nữ thần với những đường cong huyền diệu in trên nền trời chiều. Đứng ở dưới chân gò nhìn lên, người ta thấy tấm voan mỏng bay uốn éo, mờ ảo, lấp lánh ánh hoàng hôn như thực, như hư...

Cũng thấy bảo có ai đó đã tò mò leo đến gần chỗ người đàn bà rồi tả lại rằng: tấm voan ấy mỏng lắm. Mỏng như không khí, như chẳng có gì. Toàn bộ cơ thể đẹp mê hồn của chị ta lồ lộ hiện ra: từ cặp vú tròn trịa, nõn nà với hai đầu vú nhỏ nhắn, đờ hồng. Cái cổ trắng ngần với những nét ngần thanh tao. Vòng eo thiên thần và cặp đùi thon đẹp cùng những bóng dáng ẩn hiện, lấp lánh dưới những nếp voan... Rất có thể đây đúng là một nghệ sĩ ba - lê hay diễn viên múa ở một đoàn nghệ thuật nào đó nên mọi dáng nét của chị ta từ đường uốn thân hình đến vẻ cong của những ngón tay đều như gợi thành văn diệu.

Chị ta đang diên hay đang mơ mộng? Chị ta ôm chiếc lá hay đang ôm đứa con màu da cam của mình? Chị ta đang ôm một nỗi đau hay đang ôm một niềm hạnh phúc? Hay là chị ta đang ôm ấp trái tim cong queo của mình và ru trong gió ngàn...?

Hoàng hôn dần dần sẫm lại trong một màu tím ảo huyền. Dáng người đàn bà ngồi ôm con nỗi bật trên nền trời như khắc họa một phong cảnh đầy vẻ liêu trai.

Thực ra thì chẳng có ai leo lên thật gần chỗ người đàn bà ngồi. Người ta chỉ đứng dưới chân gò mà ngược nhìn như những khán giả ngó lên sân khấu, cái sân khấu hình mu rùa... Cũng chẳng hiểu làm sao mà các “khán giả không phải mua vé» này lại nghiêm túc đến thế, cứ y như trong nhà hát vậy. Họ không ồn ào bàn tán, không hề tếu táo, không phun ra những cái vắn

khó nghe... Phải chăng nét đẹp từ thân hình người phụ nữ trên kia đã quy phục họ? Hay có một ma lực nào đó đã lấy đi hết của họ những trò ma quái từ cái lưới? Chỉ biết, cứ hễ đến dưới chân gò Quy Sơn là người mọi người đều lặng lẽ ngắm nhìn. Ra khỏi chân gò thì mồm vẫn cứ là mồm, lưỡi vẫn cứ là lưỡi, người ta lại bàn tán nhau đủ điều. Người bảo chị ta điên. Người bảo chị ta là thánh hiện hình, tiên giáng thế. Người nọ hỏi người kia. Song không ai biết lúc chị ta xuất hiện vào mỗi buổi chiều tà như thế nào? Không biết cả một ngày chị ta đã đi đâu? Đêm đến chị ta ở đâu? Ăn uống bằng gì? Nhưng cứ vào lúc mặt trời sắp lặn là chị ta xuất hiện với tám voan mỏng bay lật phật trên cao.

Thời gian người đàn bà khóa thân xuất hiện trên đỉnh gò Quy Sơn vào những buổi chiều tà như thế có lẽ phải tới vài tuần. Đến nỗi người dân trong vùng đã quen ngắm nhìn chị ta. Có thi sĩ nào đó đã làm một bài thơ về người đàn bà mặc voan mỏng, ôm chiếc lá. Rồi lại có một ông nhạc sĩ phổ bài thơ ấy thành ca khúc, dàn dựng rất công phu trên đài truyền hình của tỉnh Hòa Giang.

Và... còn có một chuyện nữa, đương nhiên phải xảy ra trước một khung cảnh như thế. Nó không thể không xảy ra trong cái thời mà tư tưởng con người ta được tự do đến vô hạn định như hiện nay. Vâng! Đó là chuyện mê tín dị đoan. Người ta loan truyền đi rằng: người đàn bà trên đỉnh Quy Sơn chính là bà Chúa Giếng làng Chòi giáng thế. Ai cũng biết bà Chúa Giếng làng Chòi vốn là một cô tiên. Theo truyền thuyết của dân làng thì cứ đúng vào đêm giao thừa hàng năm, bà lại về tắm ở giếng làng. Ai lấy được nước khi bà đang tắm thì sẽ có phúc, có lộc. Nước ấy gọi là nước “Tiên Đằm”. Con gái mới sinh ra mà được tắm nước tiên đằm thì lớn lên xinh đẹp duyên dáng, con trai sẽ thông minh, học giỏi. Các cụ bảo: làng Chòi ta có nhiều trai tài gái sắc, nổi tiếng trong vùng cũng là bởi có nguồn nước này đây! Chỉ lạ

một điều: Bà Chúa Giếng vốn rất kiêng kỵ gặp người. Từ xưa đến nay, người làng Chòi chẳng có ai nhìn rõ được linh nhan của bà. Bởi chỉ cần một tiếng động dù chỉ rất nhỏ thôi, là đang tấm mát mẽ đến mấy thì bà cũng biến thành một luồng hào quang rồi bay vụt đi. Bao nhiêu năm bà chơi ú tim với dân làng Chòi. Ấy thế mà nay không hiểu vì lẽ gì mà bà lại hiện ra lồ lộ giữa ban ngày ban mặt với thân hình thế này?

Hư thực chẳng biết đâu, nhưng khi có cái tin ấy thì người ta kéo đến gò Quy Sơn mỗi ngày một đông. Hàng trăm, rồi hàng ngàn người ùn ùn rủ nhau đến bên cái mu rùa... Có người ở xa tận Hà Nội, Hải Phòng, Hà Tây cũng com đùm, com gói lóc thóc đem theo cả võng, ghé pô - toi, thậm chí họ còn mang về đây cả giường gấp, đệm ứng dụng. Ôi chao! Chưa bao giờ cái làng Chòi hẻo lánh, bé nhỏ này lại đông vui, tấp nập đến như thế. Cả làng chật ních khách trọ. Các dịch vụ ăn uống, giải khát mở khắp dưới chân gò Quy Sơn. Người ta cho thuê chiếu nằm, thuê ghé ngồi, bán com hộp với giá cắt cổ. Làng Chòi bỗng dung trở thành một khu phố mái tranh ồn ào, náo nhiệt nhờ một người đàn bà cõi trường...

Thế rồi, có lẽ cũng như những vở kịch có lúc mở màn rồi cũng phải đến hồi kết thúc. Màn kịch ở gò Quy Sơn cơ chừng rơi vào cảnh hạ màn khi mà vào một buổi chiều, người đàn bà mặc voan mỏng bỗng dung không xuất hiện nữa. Dưới gốc cây dù chỉ còn lại những tảng đá lô xô. Khi hoàng hôn buông xuống thì nền trời đỏ quạch chỉ còn hiện lên cây và đá, những thứ dường như ít gây được ảo giác với con mắt loài người hơn là người ta cõi trường...

Việc người đàn bà khoác tấm voan mỏng không xuất hiện nữa trên đỉnh Quy Sơn tưởng như là chuyện đương nhiên. Ai dè nó lại là một cú sốc với khối người. Họ tiếc ngẩn tò te khi mất đi miếng mồi mắt quen thuộc. Có người từ xa nghe đồn thì háo

## HẠC THÀNH HOA

### *Như Nốt Nhạc Buồn*

*Sẽ ra sao với tháng ngày phía trước  
Tôi với em như hai nốt nhạc buồn  
Chỉ lên tiếng một lần khi tái ngộ  
Rồi âm thầm cứ ngân mãi trong sương...*

### *Dự Cảm Lúc Chia Tay*

*Rồi cũng vẫn chia tay nơi đã gặp  
Nước mắt vòng theo những bánh xe quay  
Ta chết đuối giữa niềm đau xa cách  
Tay vẫy gì? hay với một làn mây!*

hức, đi đến nơi bị chằng nên mặt ngấn tũn lại, nhần nhần, nhớ nhớ, răng lợi cứ nhe cả ra, mắt hấp ha hấp háy khi hỏi chuyện những người đã biết: có đúng là đã có người cưỡi truông ngồi trên kia không? Đúng! Con mẹ ấy ôm chiếc lá bàng? Không phải con mẹ mà là một cô gái. Gớm! Ông cứ bắt bẻ! Cứ có cái l... thì gọi là con mẹ tất. Nhưng mà thôi. Ủ! thì cô gái. Nàng tiên luôn đi. Nàng ta ôm chiếc lá bàng? Không rõ là chiếc lá gì nhưng màu đỏ! Hay là chiếc lá phong bay từ bên Canada sang? Không biết chừng! Thôi ông ơi! Tôi đùa thôi chứ tôi cam đoan đó là chiếc lá bàng. Ở quê tôi cũng có con mụ điên chuyên môn ôm một chiếc lá bàng rồi ru như là ru con. Mụ ấy có chồng bị nhiễm chất độc

màu da cam, nên lúa nào cũng toàn đẻ ra ếch ộp. Ông không tin à? Tôi cam đoan với ông một trăm phần trăm là ếch ộp. Đẻ ra một cái là chúng nhảy tòm xuống ao. Chết thật, thế mà các cha lắm tiền cứ thích gọi món đùi ếch tẩm bột. Không chừng đó là đùi trẻ con tẩm bột đấy ông ạ! Ông không tin à? Tùy ông. Người đàn bà ru chiếc lá bàng ở quê tôi bị điên vì năm lần đẻ ra toàn ếch... Ồ! Nhưng mà lạc đề bỏ nó rồi. Tôi đang hỏi chuyện ông về người đàn bà cõi trường ở đây cơ mà. Nghe nói cô ấy khoác một tấm voan trong suốt chứ? Ủ! Thế thì nhìn thấy tất cả nhì? Tất cả gì? Thì tất tần tật ấy, gớm, ông lại còn... ở xa nên chỉ nhìn thấy mờ ảo thôi. Mờ ảo thôi à? Ủ! Không khéo mờ ảo lại hay đấy. Nhưng ông này, tôi đồ chừng đấy chỉ là ảo ảnh thôi. Ảo ảnh là ảo ảnh thế nào! Tiếc thật, thế mà tôi không được xem. Không biết bao giờ cô ta lại xuất hiện nữa nhì? Có lẽ không bao giờ. Mản kịch hạ rồi. Hạ là hạ thế nào? Ủ thì ông cứ ở đó mà chờ. Tôi thì tôi cho là cái màn cõi trường này hạ thật rồi...

Ai cũng nghĩ như thế, ai cũng tưởng khi người đàn bà biến mất trên đỉnh Quy Sơn thì mọi chuyện cũng chấm hết. Nhưng mà không phải vậy, màn kịch này diễn ra không theo ý của khán giả đâu. Bây giờ mới vào giai đoạn gay cấn nhất, giật gân nhất. Mở màn cho đoạn cao trào này là việc cách một vài hôm sau khi người đàn bà biến mất thì có ai đó bỗng phát hiện ra rằng: Chị ta đã hóa đá.

**Người đàn bà hóa đá.** Tin này đã gây chấn động không chỉ ở làng Chồi, không chỉ ở tỉnh Hòa Giang mà vang đi ra khắp nước. Nó ồn ào hơn nhiều so với vụ “cua mặt người” mà báo “Tiến Bộ” đã làm xôn xao dư luận năm nào. Tác động của nó cũng vượt xa cái tin vườn chữa bách bệnh ở Long An gần đây. Đương nhiên là các tờ báo nhạy cảm hàng đầu của đất nước đã không bỏ qua cái tin đáng giá ngàn vàng này. Họ cho đăng trên trang nhất các tấm ảnh khối đá hình người ôm con với đủ các



góc độ. Kèm theo là bài viết cùng hàng tít rất đậm và dài dòng kiểu báo tây: “*Người hóa đá - hòn đá hình người ôm con - ôm con chứ không phải bông con như nàng tô thị ở Lạng Sơn*”. “*Hóa đá trong hiện tại - duy vật và duy tâm thách thức nhau ở gò Mu Rùa*”. “*Núi mu rùa với sự lạ sắp được xét công nhận kỷ lục Guinness thế giới*”. Tất nhiên, nếu gọi là tên thì gò Quy Sơn và núi Mu Rùa khác xa nhau. Nhưng cũng nên thông cảm cho các nhà báo, nhà đài vì đường từ làng Chồi đến trụ sở các quý báo ở tận thủ đô cũng khá xa. Với lại, những gì sai chính tả ở các báo ở trung ương, cũng đã được các báo địa phương cải chính lại ngay sau đây. Vấn đề là các bài báo ấy đã gây ra được những cuộc náo động hiếm thấy trong dư luận, khiến cho các nhà nghiên cứu ngồi chỗ nào cũng thấy... nóng đít.

Và thế là, một đội ngũ rất đông các nhà sử học, dân tộc học, ngôn ngữ học. Tóm lại, gồm các nhà khoa học thuộc “phe” khoa học xã hội nhân văn, toàn các cụ già khụ đầu hói, mắt đeo kính hàng chục đi - ốp. Các cụ ậm ạch vác những cái bụng chình ình đi đến “núi Mu Rùa”. Sau hơn một tuần các cụ ấy về thì nhiều tạp chí thuộc lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn bắt đầu in những bài viết về sự kiện người hóa đá ở làng Chồi. Bài nào cũng thấy có ý tứ khiêu khích các nhà vật lý học, hóa học... Cuối cùng thì các “thầy” ở lĩnh vực khoa học tự nhiên cũng không thể ngồi im. Sao lại ngồi im khi mà một phụ nữ đẹp như thế bỗng đứng lại hóa thành đá. Cần phải nghiên cứu xem những yếu tố cần thiết để cho chất **người** hóa thành chất **đá** có những điều kiện nào? Đã là khoa học thì không thể có cái gì gọi là phi lý được.

Nhưng xem ra, vấn đề được mọi người cho là chân lý và đúng đắn nhất trong việc giải tỏa các cuộc cãi vã nhau giữa các nhà khoa học hóa ra lại rất đơn giản: Xét nghiệm xem tảng đá ấy có đúng là do người hóa ra không? Một mẫu nhỏ của khối đá ấy ngay sau đó được đem về Hà Nội xét nghiệm bằng phương pháp

đồng vị phóng xạ. Thế nhưng, kết quả xem ra không mấy tin tưởng. Muốn chắc ăn, người ta đã gửi mẫu đá đó sang Viện hàn lâm khoa học Vương quốc Anh. Tất nhiên, việc xét nghiệm mang tầm cỡ quốc tế này đâu phải chuyện đùa. Về khoản tiền nong thì đã có nhà nước lo. Nhưng phải có những thủ tục cần thiết cũng mang tầm quốc tế và một khoảng thời gian chẳng ngắn ngủi gì. Những cái đầu nóng và đầy tính năng động ở làng Chôi và tỉnh Hòa Giang thời buổi kinh tế thị trường mới mở cửa ở cả vi mô lẫn vĩ mô đều không thể cứ ngồi đây mà chờ kết quả xét nghiệm gửi về từ các ngài Ăng - lê. Người ta bắt đầu động não.

Ở phân vi mô, các cụ ở làng Chôi bàn nhau lập đền thờ. Bởi xưa nay miếu Bà Chúa Giếng ở gốc cây đa làng chỉ to hơn cái tổ chim bồ câu một tẹo. Làng nghèo, lấy đâu ra tiền mà xây to. Nhưng bây giờ thì có cơ hội rồi. Cần phải xây ngay một cái đền to như cái đền Suối Mỡ ấy. Không, mình xây sau thì phải xây to hơn, đẹp hơn. Nhiều cuộc họp các cụ được triệu tập để thành lập ban xây dựng, ban điều hành đền thờ và quản lý quỹ công đức... sắp có. Các cụ tính “cua trong hang” đâu tiền đóng góp xây dựng đền thờ Bà Chúa Giếng được khoảng trên bốn tỷ đồng. Nhiều cụ lè lưỡi ngán ngại không biết tiêu thế nào cho hết bốn tỷ ấy. Vội lại, có chắc được đến thế không? Cụ tổ trưởng tổ các cụ của làng Chôi nói rằng: Bốn tỷ chỉ là một ước tính khiêm tốn chứ riêng hội đồng hương Hòa Giang ở ba nơi: thành phố Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai đã được ba tỷ rồi. Nếu vận động được Việt kiều ở nước ngoài gửi đô - la về nữa thì số tiền thu cho xây dựng ngôi đền sẽ không biết bao nhiêu mà kể. Vấn đề cần bàn xem là nên vận động các đối tác bằng cách nào. Bây giờ cứ mỗi bước đi là tiền. Một bài quảng cáo phát trên truyền hình cũng phải tính đến tiền triệu. Ai trả cho các khoản đó? Theo các cụ thì ta cứ nên dùng kế sách: “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Cũng may là “nhà nước” từ cấp

xã, cấp huyện đến cấp tỉnh xem ra đều hăng hái cả. Giám đốc sở văn hóa tỉnh Hòa Giang truyền đạt với các cấp dưới lời của một lãnh đạo tỉnh, nói rằng: “Cả nước trước đây chỉ có một nòng Tô Thị thì đã bị đập nát đem nung vôi rồi. Có đắp lại thì cũng chỉ là cục xi măng thôi. Người đàn bà hóa đá ở Quy Sơn bây giờ trở thành độc nhất vô nhị không ở đâu có. Đầu tư vào đây là vớ bẫm đấy!”. Sau đó, ông này đã chỉ thị rất cụ thể cho từng cơ quan chuyên môn của sở phải trực tiếp xuống làng Chòi, người thì đào bới, tìm kiếm cổ vật, chướng tích dưới lòng đất, người thì “đào bới” kho trí nhớ của cái cụ già nhất làng Chòi để tìm ra những cái gọi là... văn hóa phi vật thể. Ông giao chỉ tiêu cho từng bộ phận phải tìm kiếm được những gì, số lượng là bao nhiêu. Cứ như ông là người nặn ra cái đất làng Chòi và để ra các cụ già nhất của làng không bằng. Ông ra lệnh như đinh đóng cột với Giám đốc Bảo tàng tỉnh Hoà Giang: “Muốn gì thì gì, ông phải tìm đủ mọi chứng lý để Bộ văn hóa xếp hạng di tích cho gò Quy Sơn ở làng Chòi. Nếu không tôi cách chức ông!”. Các nhà kiến trúc cũng phải bắt tay ngay vào khảo cứu, xây dựng một bản thiết kế kiến trúc hạ tầng cho khu di tích Quy Sơn, trong đó phải có đề án xây dựng hệ thống cáp treo du lịch. Bây giờ cáp treo là một của du lịch ở những địa bàn miền núi. Ông yêu cầu trong vòng nửa tháng các nhà kiến trúc phải trình dự án và kèm theo một sa bàn đắp nổi để triển lãm cho nhân dân góp ý. Ông nhắc nhở cấp dưới rằng: Việc gì thì cũng phải “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Vậy là người ta đã tính đến chuyện đưa gò Quy Sơn lên thành một khu du lịch tầm cỡ quốc gia. Công việc được xúc tiến nhanh đến chóng mặt. Gần như cả làng Chòi bị đào bới tung hoành cả lên. Có lẽ B.52 của Mỹ trước đây rải thảm cũng chỉ đến nước này là cùng. Không một mét vuông đất chỗ nào được yên. Dân làng Chòi khổ nhất là các cụ già và trẻ trâu. Trẻ trâu thì không

còn chỗ chần trâu vì gò Quy Sơn bị cấm tuyệt đối không được đến thả trâu nữa. Với lại, nó bị đào bới lên toàn hầm với hố, trâu vào đấy có mà thụt xuống, rồi què cẳng không biết chừng. Các cụ già làng Chòi thì luôn được mời lên Ủy ban xã để ăn đặc sản và “khai ra” những chuyện từ thời củ lý, cu lý. Phần lớn các cụ đều lắm cảm, chuyện nọ sợ chuyện kia cả rồi. Có cụ bảo rằng: Năm ngoái, có một tướng lĩnh của cụ Đề Thám đến tuyển mộ Nghĩa quân ở gò Quy Sơn. Cán bộ bảo tàng cãi: Cụ nhằm thế nào chứ năm ngoái thế nào được ạ! Ông cụ quát tướng lên: Tôi già chín mươi tôi lại còn nói sai với anh à? Thế rồi cụ đổi, bỏ về. Van nài thế nào cũng không suy chuyển được lòng tự ái của người già. Thực tình thì các cụ không những ù đầu về việc trả lời phỏng vấn. Khổ sở vì ngồi lâu liên tục bị mót đái, xón cả ra quần mà không dám xin ra. Nhưng cực hình nhất có lẽ là chuyện các cụ phải nuốt chửng những món đặc sản dai ngoách mà nói một cách công bằng thì người ta đã mất công mất của mua từ thành phố về toàn thứ quý hóa để chiêu đãi các cụ. Lỗi ở chỗ các cụ chẳng còn cái răng nào.

Chẳng biết kết quả rồi người ta đã đào bới được gì ở làng Chòi và cái gò Quy Sơn vốn là thánh địa của lũ trẻ trâu ấy? Báo chí thỉnh thoảng đưa tin các nhà khảo cổ đào được một cái chôn bát có những vết máu đĩa, xác định niên đại vào khoảng cuối triều Trần, đầu triều Lê. Mấy mảnh sành và một cái chum vỡ vẫn dùng đựng nước tiểu ở một nhà dân nào đó không xác định được niên đại. Một vật thể bằng đồng đã gỉ xanh không còn hình dạng để đoán định là vật gì. Về niên đại chỉ có thể xác định bằng phương pháp đồng vị phóng xạ. Người ta bàn nhau: xác định bằng đồng vị phóng xạ thì phải có tiền tỷ chứ ít gì? Mà biết đâu đấy chỉ là cái mảnh đồng nát mà người ta vừa vứt đi vài chục năm, thậm chí vài năm nay thì sao? Riêng phần văn hóa phi vật thể tưởng khó tìm thì hóa ra lại rất dễ: bảo rằng các cụ kể lại vua

Đức Phật dạy: “Người có làm lỗi mà không tự sám hối để mau chấm dứt tâm tạo tội ấy, thì tội lỗi càng chồng chất vào thân như nước chảy về biển, dần dần trở nên sâu rộng. Nếu người có tội mà tự nhận biết tội, bỏ ác làm lành thì tội lỗi tự diệt, như bệnh được đỡ mờ hôi dần dần sẽ khỏi bệnh”.

KINH “TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG”

nhà Mạc thất trận đi qua nghi chân, đóng đô vài ngày ở gò Quy Sơn, vua ăn ở chỗ này, ngủ ở chỗ kia, đi vệ sinh ở đâu đó thì ai mà cãi được! Bởi các cụ là ai? Là cụ A, cụ B không rõ nữa! Nghe cụ C hay cụ D kể lại thế. Các cụ mà người ta nói thì đã nằm sâu dưới ba tấc đất từ tám hoánh nào rồi.

Câu chuyện còn sẽ đi đến đâu nếu như kết quả xét nghiệm mẫu đá gửi từ Anh quốc về chậm đi vài ba tháng? May mà mọi thứ vẫn còn ở trên giấy. Nhưng mà dù chỉ ở trên giấy thôi cũng đã ngốn của nhà nước mất vài chục tỷ đồng. Kết quả xét nghiệm từ Viện Hàn lâm khoa học Vương quốc Anh cho hay: Mẫu đá có niên đại 2.850.000 năm. Hẳn lúc ấy chị chàng kia chưa thể sinh ra để mà hóa đá.

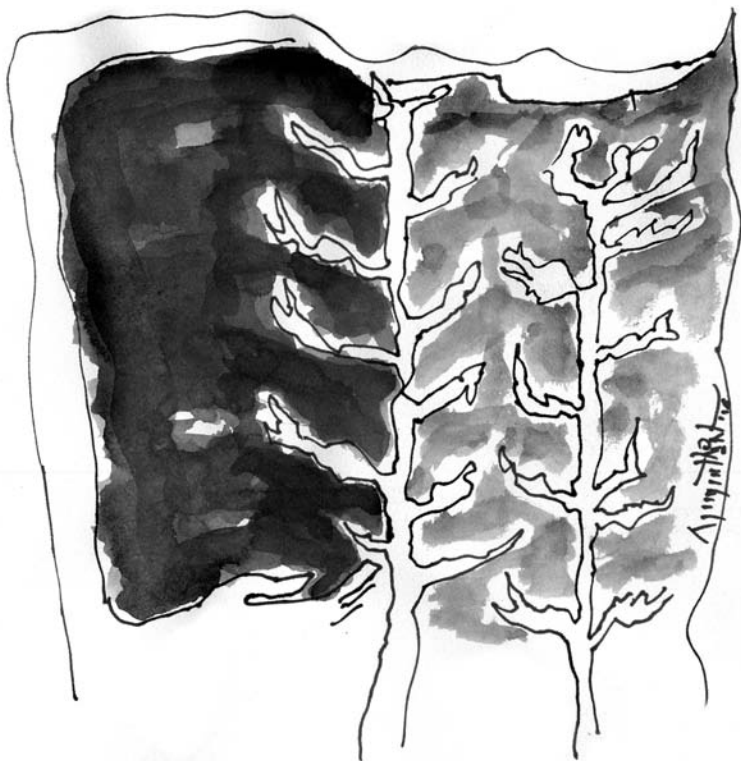
Màn kịch ở gò Quy Sơn đã kết thúc. Một kiểu kết thúc khá ngoạn mục mà ít người có thể nghĩ ra. Ấy là vào một buổi chiều tà, người đàn bà kia bỗng lại xuất hiện đứng ở chỗ cũ, sau gần hai tháng trời chị ta mất tăm. Xuất hiện một cách đột ngột như là đá đã hóa ra chị ta vậy.

Cũng lại khoả thân, trùm voan, ôm chiếc lá...

Chị ta đang điên hay là đang mơ mộng? Chị ta ôm chiếc lá hay ôm đứa con màu da cam của mình? Chị ta đang ôm nỗi đau hay ôm một niềm hạnh phúc? Hay chị ta đang ôm ấp trái tim cong queo của mình mà ru trong giấc ngàn...

N.Q.Đ

## Lời Rêu



*Ai đi qua xa vắng  
bỏ chiều run một mình  
Giọt cà phê máu mặn  
nổi nhớ đầy quên sinh  
Mười hai năm tỉnh giấc  
trắng đôi bờ tóc đen.*

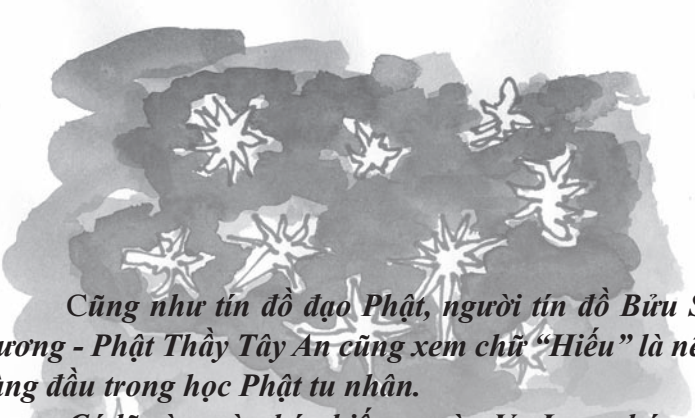
*Dáng tinh cầu vỡ nát  
đôi tay nào ru đêm  
Uống cùng nhau một giọt  
đắng cay nào chia đôi  
Chung một niềm đơn độc  
riêng môi đời pha phối.*

*Say dùm nhau một giọt  
chút nồng thơm cuối đời  
Vướng dùm nhau sợi tóc  
ràng buộc trời sinh đôi.  
Cơn mưa chìm nước mắt  
phủ kín đời chia hai.*

*Thời gian chung đã mất  
tháng ngày riêng cũng phai  
Ngày mai ta bỏ đi  
trần gian xin trả lại  
Đá tảng nào vô tri  
chết một đời rêu dại.*

*Chỉ còn trong bóng tối  
dấu tay nào trên tay  
Tiếng im trong lời nói  
mây quên trời tóc bay.*

## **“Hiếu Đạo” Của Bửu Sơn Kỳ Hương**



**Cũng như tín đồ đạo Phật, người tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương - Phật Thầy Tây An cũng xem chữ “Hiếu” là nền tảng hàng đầu trong học Phật tu nhân.**

**Có lẽ vào mùa báo hiếu – mùa Vu Lan, chúng ta đến bất cứ chùa nào cũng đều thấy, người ta trao và gắn lên ngực áo cho những ai còn có mẹ một bông hồng đỏ, một bông hồng trắng nếu ai đó đã không còn mẹ. Với người tín đồ Phật Thầy Tây An thì không có lệ này nhưng vẫn tổ chức đại lễ tại chùa hay ở nhà cầu siêu cho ông bà cha mẹ, cho đồng đạo, cầu quốc thái dân an, cũng cúng cơm chay, cũng làm phước, phát chẩn hay giúp đỡ người nghèo hoạn nạn, cơ nhỡ.**

Hằng ngày, vào mỗi bữa cơm, người tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương trước khi ăn cơm chính đều dùng ba miếng cơm lạt tượng trưng cho sự chay tịnh đồng thời có ba câu nguyện như sau:

1. Nhứt nguyện giải trừ tam nghiệp chướng;
2. Nhi báo bổ quân ân phụ mẫu;
3. Tam cầu trực vãng Tây phương Tịnh độ.

Ở đây chúng tôi không đi sâu luận bàn hay diễn giải ý nghĩa của câu nguyện thứ nhất và thứ ba mà trao đổi một vài điều ở câu nguyện thứ hai.



Người tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương được đức Phật Thầy Tây An răn dạy và hành theo Tứ đại trọng ân, trong đó ân đất nước, ân tổ tiên cha mẹ rất được coi trọng mà phải luôn chú tâm gìn giữ. Vì vậy đạo hiếu luôn được coi trọng hàng đầu. Việc chăm lo phụng dưỡng cha mẹ khi còn tại thế phải thật đầy đủ chu đáo từ tinh thần đến miếng cơm manh áo, không được phiền lòng cha mẹ; con cái phải biết nghe lời dạy dỗ phải trái từ cha mẹ ông bà. Tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương tu tại gia, cư sĩ tín đồ hằng ngày phải tự làm ăn tự tu học, vì thế cái nhân đạo phải được rèn dũa một cách thường xuyên. Nói trong câu nguyên thứ hai là nói đến “Quân ân và phụ mẫu”. Ở đây có hai điều cốt yếu đó là ân vua, nói rộng ra đó ân đất nước đã cho chúng ta mọi thứ sự bình an hạnh phúc, mọi điều để được tự do, được sống làm ăn trong cộng đồng xã hội, để tu tâm rèn tính. Ân cha mẹ đã sinh thành dưỡng dục cho ta có được thân thể khỏe mạnh, có tư duy trong sáng, có đạo đức hiền từ và hướng ta đến việc biết phục vụ gia đình, cho nhân sinh xã hội, biết tu tâm dưỡng tánh để thành người tốt cho gia đình và cộng đồng xã hội.

Trước đây người đàn ông tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương - Phật Thầy Tây An, thường để tóc và bới đằng sau gáy, nhưng trong thời buổi hiện đại chỉ còn có các cụ cao niên để tóc bới còn lớp trẻ thì ít bởi nhiều lý do còn phục vụ nhiều mặt công việc trong xã hội. Việc để tóc dài của người cư sĩ tín đồ nam giới có nhiều ý nghĩa sâu xa. Điều này có thể nói theo hai ý: Thứ nhất là trong câu Thầy dạy: *Đi tu đầu tóc không cần phải cạo – miễn cho rồi cái đạo làm người*. Tuy nhiên ý thứ hai là toàn vẹn hơn, xuất phát từ lời nói của đức Khổng Tử:

***“Thân thể phát phụ thọ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương hiếu chi thủy dã. Lập thân hành đạo, dương danh vụ hậu thế, dĩ hiển phụ mẫu, hiếu chi chung dã”***. Có nghĩa là: ***Thân thể tóc da là thứ nhận của cha mẹ, không dám làm tổn thương đó là bắt đầu lòng hiếu thảo vậy. Lập thân, làm điều***

***đúng đạo nêu tiếng tăm cho đời sau để làm vẻ vang cho cha mẹ là phần sau của sự hiếu thảo vậy.*** Việc để tóc búi của các cụ cư sĩ tín đồ xuất từ điều này. Chính vì vậy mà đạo hiếu không chỉ là lời nói mà là sự thực hành trong tu tập hằng ngày. Việc để tóc cần có sự trân trọng, trang nghiêm không thể đại khái... Ta có thể thấy việc bới tóc, ăn mặc nghiêm túc gọn gàng đúng với tâm thế của một người cư sĩ dù khi tu tập trong chùa hay khi tham gia các hoạt động ngoài xã hội. Việc để tóc bới gọn gàng là thể hiện lòng hiếu thảo của người cư sĩ đối với cha mẹ. Biết làm điều đạo đức, biết học Phật, hành nhân đạo là một sự báo hiếu cho tổ tiên cha mẹ....

Mỗi khi cha mẹ ốm đau, nếu là trọng bệnh, người tín đồ viết trên tờ giấy nhỏ gồm tên tuổi, năm sanh, pháp danh, quê quán... Rồi mang đến gởi từng nhà anh em tín đồ để vào giờ công phu hằng ngày, nhờ họ cầu trên mười phương chư Phật gia hộ cho người thân cha mẹ của mình được tai qua nạn khỏi, tật bệnh tiêu trừ, cầu ít nhất là ba hôm. Theo lời dạy của các bậc tiền hiền, việc nhờ đến đồng đạo cầu nguyện khi cha mẹ ốm đau, trọng bệnh là điều rất cần thiết, bởi vì đức độ của bản thân từng người không cao dày, mà cần có sự trợ duyên công đức của nhiều người thì người thân của chúng ta mới được thọ hưởng bao công đức ấy.

Nói đến đạo hiếu của người đệ tử đạo Phật là việc không phải đâu xa mà chính việc học Phật và hành theo nhân đạo hằng ngày. Với tâm hiếu đạo của mỗi người con, chúng ta luôn nhớ cầu nguyện cho ông bà cha mẹ, đó là điều mà mỗi tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương - Phật Thầy Tây An luôn nhớ hằng ngày. Mùa báo hiếu đã về, với tấm lòng hiếu kính của mình, cầu mười phương chư Phật gia hộ và trợ duyên cho cha mẹ tại đường tăng long phước thọ; thành tâm cầu nguyện cầu cho phụ mẫu quá khứ trực vãng Tây phương Tịnh độ.

N.V.K

# Theo mẹ đi chùa

Nguyễn Văn Kỳ

Sáng rằm theo mẹ lên chùa  
Nghe lời kinh giảng vui đùa cỏ hoa  
Khói hương nhè nhè chan hòa  
Tiếng kinh trầm bổng cõi là Tây phương.

Bồ đề một cội trong vườn  
Lòng nghe thanh thảo cung đường bình yên  
Vứt đi bao thứ ưu phiền  
Phật đài trước mặt nghiệp duyên dữ lành.

Nhẹ nhàng lời mẹ thanh thanh  
Chắp tay cung kính con hành lễ vui  
Tràng nâu lễ bái nguyện lời  
Thanh bình an lạc nụ cười thiện tâm.

Giống bồ đề được gieo mầm  
Lớn thành cây vững vàng âm cuộc đời  
Con đi đâu biết bao nơi  
Chiều nghe chuông nguyện nhớ lời mẹ khuyên.

Sống trong đời sống nghiệp duyên  
Đồng xanh cây cỏ, gió nghiêng trong chiều  
Quê hương đẹp biết bao nhiêu  
Sống quê lơ lửng đỡ nhiều phù sa.

Nhớ xưa quang gánh mẹ già  
Một sương hai nắng nụ hoa thắm nồng  
Chuông ngân nghe giữa mệnh mông  
Cánh cò chiều nhẹ rắng hồng đường xưa.

## *Khúc thêm cho Huyền Châu*

*Hạnh phúc tôi từ những ngày nước lớn  
Trời mưa mau tay vuốt mặt khôn cùng  
Bầy sẻ cũ hom hem chiều ngói xám  
Trời xanh xao chân ngõ cũng không về  
Cây mộng nở từng ngón tay lá nõn  
Nôi tương tư cỏ ẩm thịt da người*



Tôi hiu hắt từ mắt em ngắt tạnh  
Môi thâm khô từ thuở định xin hôn  
Ngày tháng hạ khi không mà trở rét  
Em khi không mà trở mặt điều ngoa  
Tay trông ngón hương đưa mùi tóc mẹ  
Ngọn me xa theo ký ức rì rào

Chiều qua đó chân ai còn riu rít  
Lời ai say cho trời đất lại gần  
Kỷ niệm tôi từ những ngày vỡ tiếng  
Nhấn nha gom từng cọng thiết tha rơi  
Con để nhỏ lớn lên dăm tiếng hát  
Khi đêm về ru giọng đón đau hơn

Cây niên thiếu cũng thui mầm trong sáng  
Lá oan khiên lá tả mái hiên người  
Tôi è người từ những người cả gió  
Con để buồn tự tử giữa đêm sương  
Bầy sẻ cũ cũng qua đời lặng lẽ  
Ngọn me xưa già khộm tiếc thương hờ

Em ở đó bờ sông còn ẩm cát  
Con sóng tình vỗ mãi một âm quên.

D.T.L

## *Người Đàn Bà Đuổi Theo Vàng Trắng*

Nắng đỏ hói hả lên chóp tháp Hải đăng, phủ vàng mái nhà lô xô cao thấp phía dưới chân đồi, len lỏi qua kẽ lá, làm cho buổi chiều khô cứng, hầm hập và Thư muốn phát sốt. Thư đưa chiếc máy ảnh hờ hững chụp vài cảnh vật phía xa. Thư như trôi đi trong không gian đầy áp kỷ niệm. Ký ức tưởng ngủ yên bỗng ào ạt cuộn quay về. Như con sóng dưới kia làm chòng chành chiếc thuyền chài ai neo bên bến. Thư nhớ lắm ngày xưa.

Nhà Thư nằm vắt vẻo ngay khúc quanh lối mòn trên sườn đồi, dẫn đến đỉnh núi có ngọn Hải đăng. Ngôi nhà bé tẹo mà chứa những bốn người và một cái quây tạp hóa. Đêm. Cả nhà nằm sắp hàng ngủ trên một chiếc chiếu cũ mềm, trải lên nền nhà. Sáng.



Mẹ đẹp nó để có chỗ đi lại và bày cái bàn ăn nhỏ. Vách nhà sau là sườn núi. Ba đã ra sức đục đẽo một khoảng bằng phẳng, đủ để mẹ kê bếp lò nấu ăn. Khói bếp chen qua kẽ vách bay lên bầu trời thoáng đặng. Một ít khói bếp lì lợm bám riết vách bếp, nhuộm đen một góc. Mỗi khi trời mưa, nước từ trên núi tràn xuống, dội lên mái nhà những tiếng rền âm ỉ và cuốn trôi khói bếp dọc vách bếp xuống nền nhà nhớp nháp, bắn thiu. Lúc ấy, hàng hóa của mẹ ẩm mốc vì hơi nước. Mọi thứ trở nên ủ dột. Những cái bao bì ni lông phai màu. Còn đường đậu, muối... như có ai rưới vào đấy một lớp nước mỏng mảnh, biến chúng thành nổi khổ cơm áo của mẹ.

Tuổi thơ Thu quần quanh trong không gian chật hẹp nhưng mênh mê tình yêu thương của ba mẹ. Những ngày sống tưởng là khắc khoải vì cái ăn, cái mặc, chỗ ở nhưng là khoảng đời đẹp nhất của Thu. Những buổi đến trường phải leo dốc rồi tụt dốc với cái bụng rỗng nhưng hoa lá ven sườn đồi như thức ăn nuôi Thu chóng lớn. Chúng thổi vào hồn Thu cảm xúc dạt dào, nổi vui thuần khiết, để lại trong trái tim bé nhỏ đây ắp kỷ niệm và bây giờ đã trở thành tài sản quý báu vô cùng.

Mọi thứ kết thúc chóng vánh, tàn nhẫn khi Thu mười ba tuổi. Một chiếc xe khách đã tông vào em trai Thu khi nó đứng sát bên lề nhà. Thằng bé không kịp kêu lên tiếng nào. Thân thể lập tức bị biến dạng thành hình người không có bề dày. Mẹ gào lên thảm thiết, đánh rơi mớ hàng hóa đang bán xuống nền nhà. Những hạt đậu xanh tung tóe, vương vãi tựa như hy vọng của cuộc sống bị ném tan tác. Hạnh phúc biến khỏi ngôi nhà từ đó. Ba Thu không còn là người đàn ông hiền lành, cần cù, chăm chỉ làm việc, vun vén cuộc sống gia đình. Thời gian của ba bấy giờ dành cho việc la cà ở quán rượu. Ba chỉ trở về khi đêm gần tàn, người ướt nồng nặc hơi men. Ba đánh thức nỗi đau bằng giọng lè nhè cay độc: “*Con đàn bà thói tha! Có đưa con trai mà giữ cũng không xong, để nó chết thảm như thế. Đồ thói tha!...*” Hoặc là: “*Mụ vợ chết tiệt! Cút khỏi*

*mắt tao, đồ ăn hại*". Ba cũng không buông tha Thu: *"Đồ vô dụng! Cút hết! Cút hết!"* Trăm ngàn câu khác nữa ba phun ra như nọc độc ám ảnh, giết chết dần mòn người đàn bà bất hạnh.

Đêm đêm, nằm ôm Thu trong lòng, nước mắt mẹ tuôn ướt đầm một mảng tóc Thu, rõ xuống môi mặt đấng như nước biển ngày trở gió. Mẹ rót vào tai Thu lời thở than đều đều như cầu kinh sám hối: *"Lỗi tại mẹ tất cả. Nếu mẹ cương quyết khuyên ba con đi dời nhà về khu tái định cư khi chính quyền hợp dân yêu cầu giải tỏa khu vực này để làm cho con đường trở nên thông thoáng và tránh nguy hiểm cho người dân. Lỗi tại mẹ! Mẹ không chịu khuyên ba con rằng dù tiền đền bù chưa thỏa đáng nhưng về chỗ ở mới đất rộng hơn và chắc chắn em con không chết thảm. Con ơi! Mẹ nhu nhược quá! Tất cả lỗi tại mẹ!"*. Thu sụt sùi khóc theo nhưng lúc ấy chưa hiểu hết những điều mẹ nói. Phải mất một thời gian dài Thu mới nhận ra cuộc sống có quá nhiều điều cay nghiệt khôn lường.

Nhưng rồi mẹ Thu cũng chấm dứt nỗi đau của mình trong cơn mê sảng. Đêm đó, trăng tròn vành vạnh, nằm vắt vẻo bên ngọn hải đăng tỏa ánh sáng vàng ẻo lên cây cỏ, dát một lớp bạc long lánh lên mặt biển nhấp nhô con sóng nhỏ. Trăng cứ trôi chập chờn. Mẹ cứ đuổi theo vàng trăng thu. Hai bàn tay mẹ đưa ra phía trước, mái tóc búi gọn bị gió hất tung, bay dạt toi tả sau lưng. Mẹ ngửa mặt hứng lấy dòng sáng huyền hoặc. Ánh trăng dịu dàng cuộn lấy mẹ bằng một làn sáng mỏng mảnh. Bộ đồ bạc màu bỗng chốc lấp lánh như dẹt bằng tơ vàng rực rỡ. Mẹ đẹp tuyệt! Thu buột miệng kêu lên. Mẹ không nghe thấy. Bà cứ đuổi theo vàng trăng đến sát mí nước. Trăng tinh nghịch nhích ra xa. Mẹ lấn tới, lấn tới. Nước biển cũng không chịu thua, dâng lên ngang cườm chân mẹ, cao dần lên gối rồi đến tận cổ. Thu hải hùng gào thét: *"Mẹ ơi! Quay lại đi mẹ! Mẹ ơi!"*. Nhưng mẹ Thu không còn nghe thấy gì nữa. Hình ảnh cuối cùng mãi mãi giày xéo Thu là mái tóc mẹ trôi nhấp nhô giữa hai bàn tay ngửa ra, từ từ chìm dần giữa đại dương bao la, vô tận.



Sau cái chết của mẹ, ba Thu bỏ đi biệt xứ. Bà ngoại và dì Út từ Sài Gòn ra thu xếp mọi việc rồi mang Thu theo. Thu được ở trong căn phòng trên tầng hai của mẹ ngày xưa. Bà ngoại bảo mọi thứ vẫn còn y nguyên như trước khi mẹ bỏ nhà theo ba. Chiếc tủ gỗ đầy ắp những bộ đồ đẹp của mẹ thuở đó, giờ sực nức mùi long não. Ngoại vẫn giữ chúng với hy vọng mẹ sẽ quay về khi cuộc sống quá quẩn bách. Những quyển sách xin màu đứng lặng lẽ trên chiếc kệ nâu đã phủ mờ mờ một lớp bụi thời gian. Trên chiếc bàn học, một tấm lịch bé xíu có in hình mười hai con giáp cách điệu cũng đã úa màu. Cái lọ hoa rỗng. Cạnh đó là tấm ảnh của mẹ đang ôm cặp, mẹ đẹp như một thiên thần áo trắng. Vật làm Thu chú ý nhất là cây đàn guitar treo trên tường. Nó nằm bất động lâu lắm rồi. Về hờn tủi lộ trên những sợi dây đàn. Khi Thu rụt rè bấm nhẹ lên đó. Một âm thanh trầm đục, ngán ngẩn vang lên, xoáy vào lòng Thu và ngoại nổi đau rất lạ. Bà không đứng vững nữa, phải ngồi xuống chiếc giường cũ kỹ, ôm lấy mặt. Còn Thu, Thu đến bên cửa sổ nhìn xuống con đường nhộn nhịp dưới kia mong bắt gặp một tiếng cười để làm giảm đi nỗi buồn canh cánh trong lòng.

Bây giờ, ngoại và Thu căm giận ba lắm. Ngoại bảo rằng ba đã quên mẹ từng là một tiểu thư danh giá, đã từng là một tay đàn nữ nổi tiếng của trường đại học. Mẹ xinh đẹp, tài năng. Có biết bao người si mê mẹ. Vậy mà mẹ chọn một gã sinh viên nghèo kiết xác, mồ côi cha mẹ. Ba đã phải bỏ học giữa chừng vì không đủ tiền đóng học phí. Không có tiền để thuê một chỗ trọ cố định, phải trọ nhờ những người bạn cùng khóa. Ba phải làm đủ thứ nghề để có cơm ăn áo mặc.

Vậy mà mẹ yêu ba! Mẹ rời bỏ tổ ấm của mình để đi xây một cái tổ trên sườn núi. Cái tổ chênh vênh như cái tổ chim. Gió bão cuộc đời đã vùi dập không thương tiếc. Để bây giờ Thu đau đau nhớ thương một thời tuổi nhỏ bên mẹ. Dù ngoại và dì Út hết mực yêu thương Thu nhưng Thu vẫn có cảm giác mình đang lớn dần

trong một cái lồng son rực rỡ, được bao bọc bằng phương tiện xa hoa. Thư tốt nghiệp Đại học Ngân hàng, có việc làm ổn định. Vậy mà Thư vẫn thèm lấm một ngày được nằm gối đầu lên tay mẹ, úp mặt vào ngực mẹ để tìm lại chút bình yên tuổi nhỏ. Hôm nay, ngày giỗ mẹ, Thư và dì Út về thăm chôn cũ. Mọi thứ đã đổi thay. Ngôi nhà xưa không còn dấu tích như thể chưa từng có trên cõi đời này. Thư buồn lắm! Hai dì cháu trở về khách sạn. Trong lúc dì Út say ngủ, Thư đi ra bờ biển, chỗ có cây cờ đen. Nơi mà ngày xưa tóc mẹ trôi bồng bênh giữa đôi bàn tay ngửa lên cầu xin tình yêu và hạnh phúc.

Đêm nay, biển cũng tràn ngập ánh trăng thu như ngày mẹ rượt đuổi vàng trắng ra phía khơi xa. Chỗ có cây cờ đen phấp phới, nước xoáy như có ai cầm cái dầm khuấy nước cuộn thành vòng xoắn. Bọt biển tung trắng xóa. Cây cờ đen lạnh lùng bay phàn phật như lưỡi hái tử thần ẩn sâu đầu đó, báo trước sự chết chóc rình rập. Vậy mà ngày đó mẹ thân nhiên lao ra, mang theo tình yêu hòa vào biển, trải rộng khắp nơi. Thư khom người vốc một bùm nước đưa lên môi. Vị mặn tê đầu lưỡi. Có phải nước mắt mẹ đã làm cho nước biển ra nông nổi? Thư nhớ đến Lam, người Thư yêu say đắm. Anh đã giúp Thư hiểu vì sao mẹ đuổi theo hạnh phúc, dù tình yêu không chân, dễ vỡ như những quả bóng bay. Và, trong tình yêu, vật chất mãi mãi chẳng có giá trị gì hết! Bởi Thư cũng yêu một người nghèo. Sẵn sàng rời bỏ cái lồng son rực rỡ để đuổi theo tình yêu. Thư cũng sẵn sàng sống đời khốn khó và sẵn sàng đuổi theo vàng trắng như mẹ, nếu tình yêu tan vỡ.

... “*Cháu à! Chỗ này nguy hiểm lắm! Đêm đã khuya. Con gái ở chỗ vắng không tiện đâu. Về đi cháu!*”. Thư giật mình quay lại. Một người đàn ông tóc hoa râm, mặc bộ đồng phục người cứu hộ đã đứng cạnh Thư từ lúc nào. Khuôn mặt rất quen! Chính là ba! Vẻ già nua hằn rõ trên những nếp nhăn chẳng chịt ở vàng trán, đuôi mắt và đôi môi khô héo. Đôi môi ngày xưa tuôn ra những mũi tên

## ***Vọng Phu***

*Ru con khàn giọng ầu ơ  
Qua hơi thở mẹ bài thơ đạt dào  
Con ơi, con ngủ cho mau  
Trời xa đổ giọt nắng đào ngát ngây  
Gió chiều phát ngọn heo may  
“Vĩ dầu tình bậu...” sầu lay lắt sầu!  
Cha con giờ biết nơi nào  
Có chôn chân trước nỗi đau giang hồ?  
Ru con câu hát ơ hò  
Gọi hồn ngựa cũ đường xưa quay về  
Ta chờ ai bạc tóc thề  
Soi gương nhan sắc mà tê tái lòng.  
Ru con kẻo kẹt vông buồn  
Ru con lãng đãng tình gần tình xa.  
Bồng con tựa cửa ngóng cha  
Cũng mơ hóa đá trắng tà vọng phu  
Nghìn trùng sóng nước phiêu du  
Hỏi chàng có biết thiên thu tình người?*

NGUYỄN THỊ MÂY

tâm độc giết chết tình yêu và làm Thu mồ côi mẹ. Nhưng nhìn bộ đồ đồng phục của người cứu hộ khoác trên người ba làm tim Thu nhói buốt. Thu chợt hiểu vì sao ba mặc nó và đêm đêm đi dọc bờ biển để canh giữ sự sống, tình yêu và hạnh phúc của bất kỳ ai đến với biển. Bao nhiêu căm giận bỗng chốc vỡ tan như bọt biển. Thu ngã vào vòng tay mở rộng của người cứu hộ, thắm thì: “*Ba ơi!*”.

Trên cao, vầng trăng ngần ngơ nhìn biển đêm hiền hòa lặng sóng.

N.T.M

PHẠM VĂN SAU

# *Hiếu Đạo, Hiếu Đồi*



Hồi mới quen, ... trong tôi ý niệm về giàu nghèo rất mơ hồ, qua những lần lân la, thân cận giờ mới biết:

-Nhà con Huệ giàu lắm Mạ ơi! Còn vì răng mà mình lại nghèo xơ xác?

-Ừ, ở đời mà con! Giàu nghèo đều có số cả. Muốn cải lại số, con phải ráng chăm học, và phải biết hoàn thiện mình như anh Hòa con. Nhưng mình nghèo mà đâu có hèn, “Đói cho sạch, rách cho thơm” Nghèo nhưng “biết giữ lòng vui, giữ tâm hồn cho được trong sạch và đem hết nghị lực ra mà làm việc”. Khấp cái thành phố này ai mà không biết, nghe gia đình hẳn còn có nhà ở bên Tây nữa đó con! Đã giàu mà còn có chữ, có nghĩa tình nữa, thấy anh Hòa con có chí học hành, muốn đứng lên vực dậy cái nghèo khó của gia đình, bằng cách huy động bạn bè cho con tới học trong đó có cả Huệ. Giàu như rứa mới nên giàu, mới sang. - Ba nó làm Đoàn trưởng Đoàn Phật tử chùa Phú Lâu. Tháng trước lễ Vu lan, trong bài giảng ông kể lại ngài Mục Kiền Liên báo hiếu đã xuống tận âm ty tìm mẹ, qua mười hai cửa địa ngục, chứng kiến bà Thanh Đề mẹ ngài, cũng như bao nhiêu người khác đang chịu nghiệp báo luân hồi. Cảnh Ngài rót nước mắt khi dâng cơm, nhìn mẹ đói mà ăn không được, vì cứ mỗi lần muống cơm chưa kịp dứt vào miệng, tự dung bốc lửa.

*Sống chưa hẳn đã là còn*

*Chết đâu đã hết những tồn tại đâu*

Đang nói lửng câu, tưởng hết lời, như chợt nhớ ra bà tiếp:

-Trong mười bốn điều Phật dạy, tội lỗi lớn nhất của đời người là bất hiếu. Nhưng lỡ có bất hiếu không thôi, cũng chỉ đem đến một tiếc hận, lương tâm giày vò trong đoạn đời còn lại, nhất là khi đối tượng không còn nữa. Trái lại nó còn níu theo hệ lụy nhân quả, phải gánh hết tất cả những hậu quả do mình làm. Mạ kể cho con nghe một câu chuyện:

- Một ông nọ có người cha về già run rẩy. Sợ cha mình mỗi lần ăn cơm vụng về làm bể, ông đã dùng gáo dừa khô thế chén. Nhân một hôm đi làm về thấy đứa con mình ngồi chăm chỉ gọt sạch cái gáo dừa, ông bèn hỏi : - Con làm chi rứa ? Đứa nhỏ hí hửng trả lời : - Dạ, con làm để dành cho ba sau này, khi ba già như ông nội.

- Nghĩa là răng mạ ?

- Nghĩa là nhân nào quả nấy, xưa ông đối xử với cha mình ra rắng? Giờ con đối xử với ông như rứa. Bà nói tiếp :

- Ông ngoại con là thầy thuốc mắt sớm lúc mạ mới sáu tuổi. Với mạ cũng chỉ tiếc cho bản thân là không còn dịp thỏa bản phận, để tỏ lòng mình thôi, chứ không có gì để nói. Nhưng mạ còn may mắn là còn mẹ. Bà thuộc dòng Tôn nữ, dù gì cũng là danh gia vọng tộc, lỡ thương ông ngoại trái ý gia đình, giờ phải chịu cảnh góa bụa lao đao, may mà còn bà để mạ còn dịp mà báo hiếu tri ân. Cho nên câu treo trên vách ba con viết rất hay, làm phương châm cho cả nhà :

*Sống thật đẹp*

*Như chưa từng được sống đẹp*

*Nhờ mai sau*

*Mộng đời đỡ đau bên mồ lạnh.*

- Dù mới chín tuổi, còn nhỏ chưa hiểu thấu, thương mạ, con phải thương mạ của mạ, bà ngoại giờ cũng đã hơn tám mươi, đôi lúc lắm cảm, con đừng giận hờn quá đáng sinh chuyện khó lòng. Hơn nữa người già tính đã xếp nếp không dễ gì thay đổi. Có những lúc cử chỉ và lời nói của con tuy là đúng thật, nhưng lỡ không phù hợp làm ngoại không vừa ý. Trước mặt ngoại, mạ cũng đâu có dám bênh con. E sợ lỗi đạo với người.

- Trước khi chấm dứt bài giảng ông Đoàn trưởng còn nói: - Ai! Ai trong chúng ta là người bất hạnh mẹ cha đã mất sớm. Lát nữa, ngay khi vừa về nhà, hãy đốt nén nhang lòng, trầm ngâm

trước di ảnh mẹ (cha).- Và ai? May mắn còn cha mẹ hãy tự thưởng cho mình. Chạy gấp về sà vào lòng Người bằng vòng tay siết chặt, với một nụ hôn thật bền cho thấy sự sống đã đời.

Vu Lan (2499) vừa qua, Trung thu (1955) lại đến... Giàu có cũng khác.

Hôm qua, sau khi Huệ bẻ miếng bánh bằng ngón tay cho tôi ăn, bánh lạ kỳ, làm bằng cái thứ gì? Sao mà ngon hết biết, còn hứa hôm nay, ra bờ xiên Đập Đá sông Hương, cho những nửa cái nguyên nữa. Và tối nay, không giống như những đêm trước, ngồi nhìn trăng sao mà vòng vo tam quốc, hay thoảng ngắm nhìn làn gió phớt gọn, thành những con sóng lăn tăn lướt thướt, kéo mình lên mặt sông như mặt hồ phẳng lặng, mà nói chuyện thu phong.

Nhìn gói bánh Huệ vừa mở ra, tôi liếc mắt mà trong lòng tự nhiên trách người cắt bánh -Sao bàn tay nào quá ư vụng về không khéo? Đã chia bốn góc tư, lệch nhau thấy rõ. Nhưng đến khi Huệ lại chia phần tôi những hai góc lớn, tôi lại thầm nghĩ: Không phải phân đều, chia sòng phẳng đã là cái hay. Cái ngon hôm qua hiện về tự dung vị, khứu giác siết chặt, mà sinh lòng, tôi nghe ngực mình đang đánh trống thùng. Cầm miếng bánh, giống như đã lên kế vạch định từ trước, còn nhờ bóng tối đồng lõa; đợi lúc Huệ đang lẳng đặng nhìn bầu trời, tôi nâng hai tay lên miệng cắn, nhai ngòm ngoàm, với tay phải thọc vào rút ra, rồi lại thọc vào như xiếc. Thế là hai cái góc tư bánh được kín yên trong túi, nước miếng thêm cứ vữa ra, phải mấy lần che miệng rón rén kín ăn như con gái.

Tôi cố kềm chế sự thèm thuồng và giữ nguyên để đem về càng nhiều càng tốt. Vì rằng hôm qua thầy cô có giảng về ý nghĩa Trung thu là cái Tết của trẻ thơ, cái Tết của con cái hiếu thuận đối với cha mẹ. Như vậy: Món ngon vật lạ này, mà mình chưa từng nếm thử, còn làm cho bà vui: Con của bà được người ta quý mến đến như rứa. Cho nên hôm đó tôi chỉ nóng lòng mong

sao về sớm. Vừa tới nhà hí hửng ra vẽ quan trọng, tôi gọi giật ngược:

- Mạ! Ăn bánh Trung thu mạ, ngon lắm mạ ơi.

- Tưởng gì? Ở đâu mà có? Của con Huệ cho chứ gì? Sao không cùng ăn với nó cho hết, chứ đem về nhà làm gì? Người ta coi thường còn cười cho.

- Ngon lắm mạ ơi, phần con, con đem về hết luôn mà nó đâu có biết.

Tôi hùng chí bèn đem chuyện ra kể, khi mạ vuốt tóc rồi ôm tôi vào lòng mà nghe giọng bà lạc hẳn đi:

- Tôi nghiệp con tôi, con ăn đi! Ngon mà, Mạ biết, nhưng lần sau đừng có mà làm chuyện lén lút như rứa. Ăn đồng bàn đồ bát với người ta, học ăn, học nói, học gói, học mở. Miếng ăn nó thật sự quý, cũng chỉ biết dùng nơi nuôi năng lượng xác thân. Nhưng cũng là miếng tội tàn. Mất ăn một miếng lợn gan lên đầu “Một miếng giữa làng, bằng một sàng trong bếp”.

Tôi cắt ngang : -Là răng mạ ?

- Răng ở trong miệng, chứ răng ở mô! Cái chi cũng hỏi. Nghĩa là ăn trong nhà, trong bếp, dù ních tức bụng, canh hông cũng không ai hay biết, chứ ăn giữa chốn đông người, phải giữ gìn ý tứ vì dễ bị đánh giá. Sống để mà ăn, hay ăn để mà sống? Cứ mãi chăm hãm vô miếng ăn, loại người chỉ biết có mình, còn ăn để sống là loại người thiên về tinh thần, phải ăn để đủ nuôi năng lượng, có sức mà sống, loại người thích hưởng những thú vui tao nhã thanh cao, và biết nhai cả thức uống kể cả nước trắng, cũng để thưởng thức cái vị thanh đạm. Bà tiếp :

- Nó được trân trọng nơi chỗ chia cơm xẻ áo, nhường nhịn nhau, cũng miếng bánh mà mạ phải rầy con, miếng ăn trong hời hộp, lần sau đừng làm như rứa quen tật. Rồi đây có những cái của chung lớn hơn, nhất là lớn gấp vạn lần, lớn đến nỗi đưa đầy lòng tham đến mất danh dự, tù đày, hoặc như có trót lọt, cũng



làm cho lương tâm nếu không  
cẩn rứt, thì cũng cứ mãi âu lo  
không yên ổn, vu vơ nầy mâm  
lo lắng và sợ hãi. Ăn cũng khó  
mà tiêu.

- Nhưng hôm nay khen  
con, miếng ăn của đứa con  
trong nhà mang tiếng hư ăn,  
miếng ăn này làm cho mẹ phải  
rớt nước mắt vì những tự hào  
và kiêu hãnh, nghe được nơi  
đứa con mình cái hiểu thuận,  
mẹ đã sung sướng đến mức  
lòng, - Dù muốn tốt đẹp cho  
con hơn, mẹ có khuyên con  
đừng làm như rứa. Nhưng con  
vẫn có quyền làm như rứa. Vì  
đây, trong cái chung đã có cái  
riêng, cái phần riêng của con  
rồi. Con cứ ăn đi! Với cái hiểu  
đã sẵn trong lòng con, có ít ăn  
ít, có nhiều chia nhiều, chia  
cái thuận, cái thảo với hai em.  
- Hôm nay không ngờ mẹ lại  
được một câu chuyện vui, rất  
là dễ thương. Lát nữa có đông  
đủ, mẹ sẽ đem ra khoe, cho cả  
nhà mừng và kiêu hãnh

-Mẹ cắn một miếng với  
con, răng mà mẹ lại khóc?

Trong ghen ngào sung

## *Hoa Nâu*

*Lệ đen*

*Roi lửng!*

*Giọt buồn*

*Ngập ngừng*

*Giọt nhẹ*

*Xói tuôn khối sầu*

*Hạt tròn!*

*Roi vẽ Hoa Nâu*

*Loang,*

*Trên thớ ngọt*

*Hương sầu lặng thính*

*Ngừng rơi!*

*Trót xé niềm tin*

*Trời ơi! Hồ thắm!*

*Khối tình âm u*

*Buồn này!*

*Nâu,*

*Đến mấy thu?*

*Đen,*

*Như mở xác*

*Nằm thừ đáy tim*

*Cố nhân!*

*Đâu nữa mà tìm?*

*Đốt hương tư lự*

*Nghe mình*

*Về đâu?*

**Phạm Văn Sau (1966)**

sướng, mạ ôm hôn tôi đến mấy lần, bà giục:

- Con cứ ăn đi, mạ đã ăn rồi. Ăn cái hương ý nghĩa của ngày Trung thu. Ăn cái vị của lòng hiếu thảo. Nhưng mạ khóc vì sung sướng, khóc vì ba mạ không khả năng thỏa đáng cho tụi con, dù chỉ là nhu cầu thiết yếu như người ta thôi, ba mạ và anh chị con bây giờ ráng hết sức, cũng chỉ đủ cho các con no để có sức khỏe, mà còn lo học hành. Để được ăn mớ chữ, mớ nghĩa cho bằng người ta rứa là quý. Chứ trên đời này vật thực gì ăn được, để nuôi sống ta, lại không ngon? Tùy lúc, tùy thời, tùy nơi, tùy thứ, nhất là lúc sức khỏe có mà lại đang đói. - Mạ kể cho con nghe câu chuyện Trang Quỳnh (khoảng kỷ 16) cho Chúa ăn Mâm Đá. Bình thường Chúa rất nể Quỳnh, mà Quỳnh lại ưa chơi xỏ. Nhân cơ hội nghe Chúa than với Quỳnh: - Ăn gì cũng không biết ngon, Quỳnh bèn xỏ Chúa, bằng cách mời về nhà dùng thử món Mâm Đá.

Nghe khoe món ngon vật lạ Chúa theo Quỳnh: Qua thật sớm với điều kiện chưa được điểm tâm. Chuẩn bị vào tiệc Quỳnh đã sẵn một cái nồi lớn, nắp vung được đậy thật kín, bên trong chỉ có mấy cục đá lớn, và nước lúc nào cũng sôi sùng sục, Quỳnh thì đắc ý tùm tùm nín cười, Chúa thì đã chờ từ sáng sớm, cứ đi tới đi lui. Chờ cho đến trưa, bao nhiêu lần than đói, bấy nhiêu lần châm nước, và lúc nào Chúa có hỏi, cũng chỉ thấy một mực sột sắn nghe Quỳnh trình:

-Dạ sấp! Dạ sấp! Dạ, thưa sấp chín.

Quỳnh thì cà lăm chữ “sấp”, Chúa thì cứ thúc hỏi vì đói rã ruột (vì chưa từng đói bao giờ), đến độ hết chịu đựng nổi Chúa bèn yêu cầu: - Có gì ăn tạm. Quỳnh bảo:

- Nhà chỉ có hông com nguội còn lại từ đêm qua, com dân đã làm sao mà chúa ăn được. Xin Chúa ráng chờ! - Chờ cho tí nữa, tí nữa... tí nữa sấp chín rồi.

Cứ sấp chín, rồi sấp chín. Chúa chờ hết nổi, bèn yêu cầu

mang ra ăn tạm. Quỳnh vẫn giả vờ một mực chối từ, vì rằng cơm thì cơm nguội còn món ăn dân gian làm sao hợp khẩu vị đấng quân vương. Nhưng Chúa đã đòi quá thì Quỳnh chiều. Gia nhân mang ra một hông cơm nguội, với một lọ tương. Gặp lúc đói quá Chúa hí hửng ngấu nghiến xoi ngon lành. Còn hỏi :

- Món gì? Tại sao trong nhân gian còn có thể có những món ăn ngon như thế này! Lại giấu ta? Ta là Chúa mà chưa được một lần được thưởng thức bao giờ... Mạ sợ tôi không hiểu nên Bà giải thích thêm :

- Con ạ, vua chúa mỗi ngày chưa thấy đói, đã cả hàng trăm món, la liệt trên bàn chực sẵn, làm răng mà không ngán ? Liên liếp thấy cảnh ê hề như rúa, từ năm này qua tháng nọ còn gì là ngon?- Hôm nay món tương chúa khen ngon đáo để là ngon thật, ngon vì lạ miệng chưa hề ăn.

Tôi chen ngang: -Nghe tới tương mà ngán tới cổ

Mạ bỏ mặc, nói tiếp cho hợp với giải trình:

- Bánh Trung Thu là một món quý hiếm, đặc tiền nhưng chỉ lên ngôi vào dịp Tết Trung Thu, là cái Tết của trẻ thơ. Bánh, con cái mua về làm quà thân tộc, ông bà cha mẹ các bậc trưởng thượng, nhà thơ, nhà văn, thầy cô... mới đúng nghĩa, chứ không ai đem biếu chôn công đường để cầu cạnh chút tước quan, khác với tết Nguyên đán là ở chỗ đó. Đừng kém hiểu biết hoặc vô tình. Trước là tội lỗi với các vị ngồi trên bàn thờ, sau là làm vẩn đục cái hồn trong sáng của trẻ thơ, đang chiêm ngưỡng những biểu tượng đẹp: Cha mẹ mình đang trang trọng cung kính ưu ái cấp Trưởng thượng của gia đình

Đêm rằm Trung thu, cúng tổ tiên đặc biệt chỉ dùng thứ “Bánh Hiếu Thuận” này thôi. Sau khi cúng chia phần riêng cho mỗi cháu nhỏ xong, trang trọng mời trước là các Trưởng thượng ông bà cha mẹ, con cháu, hay mời bạn bè thân quý xóm giềng cùng thưởng thức bên chén trà, giữa mùa thu nhâm nhi mà ngắm,

trắng thu tuy hơi lạnh lẽo nhưng lại vắng vặc không ngờ, đẹp và lãng mạn vô cùng. Nhưng “ăn lấy vị, chứ đâu phải ăn kiểu lấy bì mà mang”, (nhiều, ít tùy hậu trường tính tiếp) - Ăn để thưởng thức, ăn mà để còn thèm, vì nó đâu phải loại thực phẩm ăn no. Nhưng một ai đó thử mà ăn no với loại bánh quý này, tức khác sẽ biết.

- Đưa con ăn no thử coi có bị gì không? Sợ không có mà ăn.

- Đúng vì con không phải là chúa, và chúa khen tương ngon vì chúa không phải là con. - Từ ngày chơi với con Huệ, Mạ thấy con được cái hiểu thuận ngày hôm nay, hẳn tuy con nhà giàu có mà lại bình dân.

- Nhưng hẳn ngu lắm mạ.

- Đùng có mà nói bậy, cái tật nói trạng, nói ba sàm không bỏ, con còn ngu hơn nó là đặng khác, hẳn nhu mì, khôn khéo còn rộng lòng nữa.

Mạ còn nức nở khen, vừa cười vừa trêu đùa tôi:

- Hẳn đã đẹp người, lại đẹp nét, rất dễ thương, ai cũng khen như rứa. - Có ưng hẳn không? Mạ nói mạ hẳn gả cho.

Tôi vùng vắng giã nảy như con gà bị cắt tiết đậm chân đàn đạch: - Con không chịu mô. Hứa ở vậy trọn đời để mời mạ ở với con.

Mạ nhòen miệng cười thách bảo: Mi ngon! Thề thốt lảng-Mắng yêu rồi phì cười.

Thế gian dâu bể cuộc đời ....

(Trong “Trên đời không ai ngu như mi”/ Trích truyện dài “KHUNG CỬA HỌC TRÒ” của Phạm Văn Sáu)

## *Trăng*

*Trăng lên huyền diệu  
chim hát trên mỏ  
mùa thu - mùa thu  
cười nụ trái khô  
mùa sương trên vai*

*Trên cao phố lẽ mặt trời  
cây nghiêng hàng dựng rã rời chim bay  
nghe chùng gió cuộn đầu đây  
bãi xa tiếng quạ dăng đầy nước sông.*

*Ta về người đi buồn không mùa  
mùa hoa trắng cho lòng nhớ em  
con tàu than hú ga đêm  
cây cao bóng lẽ buồn trên hồ cầm.*

*Anh còn bạo động thâm tâm  
sương trên vai tượng buồn cầm nín chiều  
gửi đóa hoa về người yêu  
nhớ em đau đón cho nhiều tâm tay.*

*Anh ngời qua một đêm nay  
đêm trên hàm rượu với cây kèn đồng.*

# CẢNH ĐỜI MỘT NGƯỜI MẸ

◊ Lời: Hoàng Nhưث

Phổ nhạc: Giác An

Boléro ♩ = 78



Thời chiến tranh loạn ly, một người thân đơn côi nương nhờ cô nhi  
... ông trao bà câu yêu thương, hai người chung sống



viên. Vào tuổi lưng chừng xuân, xin được ra xã  
vội. Rồi đến khi thọ thai, ông này thay đổi



hội lo tự thân vươn lên, đi kiếm kế mưu sinh.  
lòng, nên vội vàng ra ...



Chợt có người đàn ... .. đi khiến thân bà lẻ loi.



Thân bơ vơ bị mang tiếng đời, bao nỗi khổ đau thị



phi, nên đi tìm lên phố thị. Trên đôi vai nặng quang

gánh, luôn cam chịu gian khó, dưỡng nuôi con mong rằng đứa con mình được nên người.

Thằng bé nay đã lớn, khi mùa thi đang ... thức nên mùa thi năm

qua, đua đòi theo chúng bạn. Bị rớt một lần sau thi đậu cao rồi rành, về báo cho mẹ

thi, tin buồn lan đến bà nên bệnh bà tăng thêm, bà ước muốn con vui nhưng buồn đau ngỡ ngàng, nay mẹ hiền đã ...

ngaoan. Rồi đứa con tình ... .. mất tiếc thương càng xót

xa! Đừng để khi mẹ đi mới đến ơn đáp

tình, mâm vàng dâng trăm món cũng không tròn nghĩa nhân.

## *Mưa mặt nạ*



Chiều hôm ấy, gió thổi mạnh qua làng, lá rụng rào rào, rào rào, con đường đất không còn là con đường nữa, con đường mang mặt nạ lá, nhiều áng mây bay nhanh trên bầu trời và bầu trời liên tục đổi mặt nạ của mình...



Chiều hôm ấy, gió không chỉ đưa lá về làng, không chỉ đưa mây về làng, không chỉ đưa chuồn chuồn về làng, nhưng dẫu sao đi nữa, chiều hôm ấy lá bay linh loạn đủ màu sắc, lá bạc lấp lánh, lá đỏ hùng hực như lửa, lá vàng như cá lượn, lá xanh như én bay, một trận mưa lá.

Tiếp sau trận mưa lá ấy, chiều hôm ấy, là một trận mưa mặt nạ, những chiếc mặt nạ bay tứ tung, làm bằng chất liệu gì không rõ, trông tựa như da người, mà có thể đó chính là da người, một cầu vồng muôn màu đang vỡ muôn nghìn mảnh và bay tứ tung, xé không gian làng ra thành từng phiến màu nhỏ xíu.

Mặt nạ đủ loại đang bay, đang nhảy múa, đang chơi đùa, đang cười, đang khóc, đang hóa trang cho gió, cho nắng, cho cát bụi, cho vận mệnh chiều hôm ấy, cho linh hồn xa xưa, cho linh hồn sắp tới.

Có những chiếc thuyền màu mốc, thuyền đỏ hay thuyền trắng hồng, có những chiếc nửa xanh nhạt, nửa trắng hồng, phân đôi bằng một lần dọc từ chóp trán đến tận cằm, có những chiếc đa sắc hơn với da mặt tím, đuôi mắt xanh, miệng đỏ, mày đen và những nét viền vàng.

Dân làng tranh nhau nhặt mặt nạ và biết đâu, mặt nạ cũng đang tranh nhau nhặt con người, dưới cơn mưa ảo, dân làng tranh nhau nhặt cái ảo như thể đang nhặt vàng, nhặt bạc, như thể đang nhặt lên những giấc mơ, những khát vọng, những mảnh vụn của bóng tối trong đáy sâu tâm thức, hoặc đang nhặt những cơn điên, những phiêu lưu vô định.

Có vô số mặt nạ, nào giai nhân, anh hùng, yêu ma, nào ác bá, chồn cáo, công hầu, nào chim, cá, bướm, nào bé con, lão tiều, hề, nào người hầu, gian thần, đạo tặc, nào thiên nữ tán hoa, nào ca diếp vi tiếu...

Có cả mặt nạ của trinh tiết, mặt nạ của ái ân, mặt nạ của từ bi, mặt nạ của cứu rỗi, có cả mặt nạ của mặt nạ, mặt nạ của hư

không, mặt nạ của chân lý, mặt nạ của giải thoát...

Liệu có mặt nạ của nửa này nửa nọ, mặt nạ của cả này lẫn kia chứ, liệu có mặt nạ của sắc và không chứ, có chứ, mặt nạ của nửa mê nửa tỉnh, nửa thiện nửa ác, cả cười lẫn khóc, cả yêu lẫn hận, mặt nạ mà, trong siêu thị của mặt nạ cái gì cũng có nhưng mà người mua là bạn thì người bán cũng là bạn.

Vậy là, chiều hôm ấy dân làng bội thu và thay vì bội thu lúa vàng thì bội thu mặt nạ, có người ướm mặt nạ lên mặt và đeo ngay, mặt nào cũng vừa vặn như được đo sẵn, chẳng lẽ khuôn mặt ta sinh ra là để cho mặt nạ, và gió định mệnh sẽ thổi mặt nạ ta cần đến cho ta như thổi phấn hoa đi, và đeo mặt nạ là thụ phấn sao, đeo mặt nạ có phải là tự đốt sáng mình lên như đom đóm để từ chối làm côn trùng sâu bọ, hay từ chối làm con người bản nhiên thì cũng vậy chớ gì, có người không đeo ngay mà đem mặt nạ về nhà, không chỉ một chiếc mà nhiều chiếc, cả mặt nạ tốt lẫn xấu, nhưng mặt nạ là mặt nạ, làm gì có tốt xấu kia chứ, mặt nạ là vô sai biệt mà.

*Rõ là mặt ấy mặt này chứ ai (Nguyễn Du)*

Ai cũng tươi cười như ngày lễ hội, tưởng như họ trở lại thành trẻ thơ khi đeo mặt nạ vào, lạ thật đấy, thường ngày thì hầu như không ai biết cười.

Đó là thôn làng không biết cười.

Thôn làng ấy không biết cười đâu, hoặc có khi biết nhưng đã quên rồi, đó là thôn làng đã lãng quên nụ cười, mỗi trú xứ trên thế gian này đều lãng quên một vài thứ, và ở đây người ta quên mất nụ cười, có thể thôi.

Tôi tình cờ có mặt trong làng từ mấy hôm trước, đến làng theo lời mời của một chàng trai mà tôi tình cờ gặp bên thác T.

Đến làng tôi chơi đi, Man nói làng của Man rất buồn và Man là người rất trầm lặng, làng của tôi buồn thật đấy nhưng anh đến đi, biết đâu làng sẽ thay đổi, tôi chẳng có khả năng thay đổi

điều gì hết, tôi là một con người tưởng tượng, đó là điều chúng tôi cần, làng chúng tôi thiếu cái ấy, cái gọi là tưởng tượng ấy.

Có một thành phố buồn, buồn thảm đến nỗi nó quên mất tên mình rồi, S.Rushdie mở đầu một quyển sách như thế, làng của Man buồn hơn thế nữa, nó không có tên để mà nhớ hay quên, ở đó, người ta đặt tên cho mọi thứ, trừ quê quán của mình.

Tôi hỏi Man, làng của anh buồn quá, tại sao vậy, Man im lặng hồi lâu mới đáp, hình như buồn là điều tự nhiên, đứa bé ra khỏi lòng mẹ không cười bao giờ, cười phải học, phải được sáng tạo, dân làng tôi không sáng tạo điều gì, lần đầu tiên tôi nghe một điều như thế.

Chiều hôm ấy, tôi đang đi lang thang trong làng thì gặp trận mưa lá và mưa mặt nạ, tôi giơ tay hứng lấy hai chiếc mặt nạ, trắng và đen, trên nền mặt nạ thuần trắng, chỉ vẽ một giọt lệ hồng, long lanh và đẹp mê hồn, tôi chỉ cầm mà ngắm giọt lệ hoàn hảo ấy, không hề ướm lên mặt mình, nhưng làm sao tôi biết thế nào là một giọt lệ hoàn hảo chứ, thật rõ vớ vẩn.

Chiếc còn lại thì có màu nền đen huyền và trên đó chỉ vẽ một nụ cười trắng, một nụ cười tuyệt vời tinh khôi, thì cứ cho là như vậy đi đâu ta không biết thế nào là tinh khôi, nhưng tôi hy vọng có lần nào đó trong đời tôi sẽ đạt đến nụ cười này, trong đời sống chứ không phải là trên mặt nạ.

Cả hai chiếc là một loại mặt nạ kép, áp vào nhau mà bay, tôi tách một chiếc đưa cho Man, Man không nhặt một mặt nạ nào, tôi cảm thấy lo sợ, anh nói.

Tôi ở nhà Man, tối hôm ấy, chúng tôi uống rượu, nhìn hai chiếc mặt nạ khóc cười treo trên vách và trò chuyện.

Chưa từng thấy mặt nạ ở đâu mà đẹp đến thế, đẹp thì có đẹp nhưng tôi không hiểu mặt nạ dùng để làm gì, vô dụng, trái lại, nó được dùng rất ưu ái mọi lúc mọi nơi, xưa cũng thế mà nay cũng thế.

Có lẽ vậy nhưng không phải ở làng này, làng này buồn ủ buồn ê có lẽ vì nó không biết nói dối, không biết phát minh ra cái thực nào khác ngoài cái thực mà nó nhìn thấy, tôi e rằng trận mưa mặt nạ chiều nay sẽ biến cái làng tôi.

Tôi cảm thấy nỗi âu lo của Man lây sang tôi, tình bạn chúng tôi vừa mới gặp đã vô cùng thân thiết.

Có một cô gái trong làng Man rất yêu, mười sáu tuổi, tên là Hồ.

Nàng là Hồ, anh biết không, là nơi tôi có thể tắm những giấc mơ, nỗi buồn, cái nhìn, niềm đam mê, lời ca hát, nàng là Hồ, nhỏ bé mà menh mông, trong trẻo mà sâu thẳm, mơ hồ mà hiện tiền. Hồ, không thanh âm nào đáng yêu hơn, nàng là Hồ, và tôi là cơn gió thổi qua lòng nàng.

Bài thơ tình của anh tuyệt diệu, tôi làm thơ sao, đó chỉ là cảm tưởng Hồ, thì thơ là cảm tưởng mà.

Sáng hôm qua, Man vào rừng lấy củi, tôi có đi theo.

Dù hẹn hò với Hồ, anh vẫn để tôi bên cạnh, cứ như tôi là cái bóng của anh, hai người hôn nhau trước mặt tôi.

Hồ là một cô gái duyên dáng, nhẹ nhàng như lá, nàng gọi lên trong tâm tưởng ta một cái hồ trong vắt, có lẽ do đôi mắt nàng quá trong. Có một suối nước trong gần đó, em vào suối đi, Man bảo nàng, và nàng khỏa thân, vào suối, nằm trôi trên suối như một dáng thuyền trắng mộng.

Nhớ lại cái đẹp mà tôi được dự lãm hôm qua, tôi lo ngại nhìn Man qua ánh nến,

Hồ có nhặt một chiếc mặt nạ nào không, không biết nữa, cô ấy quá ngây thơ, có thể không biết mặt nạ là gì, và có thể đã nhặt phải một chiếc ghê gớm nào đó, có quá nhiều mặt nạ, nào là hồ mị, nào là hoa yêu, nào là thị mầu, nào thị hên, nào là người điên, rồi kỹ nữ, rồi đạo cô...

Hồi chiều, tôi thoáng nhìn thấy Hồ, nhưng rồi sau đó nàng

biến mất, khó mà tôi có thể tự tha thứ cho mình nếu như điều gì đó không hay xảy đến cho nàng, không có gì đâu, có lẽ ở nàng, mặt nạ chỉ là mặt nạ.

Người phát minh một gương mặt cho chính mình/  
Phía sau nó/ Người sống, chết, và hồi sinh/ Bao nhiêu lần/ Gương mặt người ngày hôm nay/ Có nhiều vết nhăn của chính gương mặt ấy/ Còn những vết nhăn của người thì nào có mặt mày.

Có tiếng bước chân trên lá ngoài ngõ, Man đứng phắt dậy, bước nhanh ra cổng, tôi đi theo anh.

Trước mặt chúng tôi là một cô gái đeo mặt nạ hồ nguyệt cô cực kỳ xinh đẹp, có thể nhận ra hồ nguyệt cô vì hai vành tai nhọn mượt lông của loài hồ và đôi mắt sâu thẳm như đêm. Man và cô gái nhìn nhau, cả hai đều ngượng ngập, bối rối.

Cô là, em là Hồ đây mà, em gỡ mặt nạ ra đi, không được, từ khi đeo mặt

### **Mặt nạ khóc**

*Ta chờ ta đợi  
ta chờ ta đợi  
giọt giọt nóng hôi  
không có người chơi  
lang thang đêm tối  
ta thêm sinh sôi,  
mà hoan lạc đời.*

### **Mặt nạ cười**

*Các bạn ta ơi  
các bạn ta ơi  
oang oang ca hát  
sóng trào biển khơi,  
Ta là mặt nạ  
Ta là mặt nạ  
bay mưa vào đời,  
đi tìm người chơi  
thèm dâng cuộn sóng.*

**NHẬT CHIÊU**

nạ rồi, em không tài nào gỡ ra được nữa, nó dính liền da mặt em và trở thành làn da em mất rồi.

Trời ơi, em có sao không, không đau chứ, không đau gì cả, thế còn những người khác, hình như ai đeo mặt nạ vào thì cũng vậy, các bạn em đều như em, đều trở thành người mặt nạ, biến thành vượn trắng, rắn xanh, hay yêu cá, hàng xóm có kẻ thành ma cà rồng, thành hề, có người thành người dơi, cô gái mèo, tôn ngộ không...

Gương mặt Man vốn trầm tĩnh giờ đây đổi màu, tái xanh và bồn chồn, tuy mặt nạ của em rất đẹp, nhưng em có còn là em nữa không, em sợ lắm nên chạy vội đến đây, em không biết đang đeo phải mặt nạ gì. Man cũng không rõ, tôi bảo họ đấy là mặt nạ hồ nguyệt cô, là ai vậy, một con cáo tu luyện ngàn năm ngậm ngọc mà hóa thành một cô gái đẹp, rồi bị lừa tình mà mất ngọc, phải trở lại kiếp hồ xưa, vậy đây là một mặt nạ hồ ly, thì đã sao, nhưng Hồ của anh thì không phải là hồ ly, nhìn cô ấy xem.

Man nhìn Hồ như lần đầu tiên anh nhìn thấy nàng, Hồ à, em có chắc là em vẫn cảm thấy bình thường chứ, thì em vẫn thế thôi, có phải mặt nạ này đẹp hơn gương mặt cũ của em không, ai cũng nói là nó quá đẹp, một tuyệt thế giai nhân, còn em thì chỉ là một cô gái bình thường.

Đôi mắt em tuyệt đẹp, sáng lấp lánh, anh khen đôi mắt em hay một đôi mắt hồ, em ghen à, nhưng ghen với ai, ghen với chính em ư, mặt nạ là mặt nạ, không phải là em, em là em, và anh chỉ nhìn thấy có em mà thôi, nhưng từ đêm nay, giữa chúng ta bao giờ cũng là một mặt nạ xinh đẹp, anh biết không.

Hồ nói đúng, vẻ đẹp siêu phàm của mặt nạ đã hoàn toàn che lấp nhan sắc thuần hậu của nàng, ánh mắt của Man từ đây chỉ còn tiếp xúc với cái lớp mê hồn ấy, cái ảo ảnh rất thực ấy, gương mặt xưa của Hồ chỉ còn lại trong ký ức, nhưng Man ơi, ký ức liệu còn lại bao lâu, gương mặt mới của Hồ không thể che

được, môn môn, gọi tình, tỏa ngời một ánh hồng như đang chiếu  
dọi một ánh lửa thu hút thiêu thân, một khi đã quen rồi, có lẽ Hồ  
sẽ tự hào với nhan sắc mới này, khi đã quen rồi, có lẽ Man sẽ say  
sưa với nhan sắc mới này, còn xuân thu cũ ai hay làm gì.

Dưới ánh trăng, ngõ trúc bỗng xuất hiện anh hề, một gương  
mặt nhiều màu nhất thế gian, với cái cười vô tận. Hồ nói, anh  
hàng xóm của em đấy, từ khi mang mặt nạ hề, cứ ca hát suốt,  
trước đây thì ngay cả nói năng cũng lười, quả nhiên anh hề vừa  
đi vừa hát.

*Trăng là mặt nạ của đêm u/ hay đêm chính là mặt nạ/ u u  
u u/ Trăng là mặt nạ của hồ u/ hay hồ chính là mặt nạ/ u u u u,  
Mưa là mặt nạ của mây u/ hay mây chính là mặt nạ/ u u u u,  
Khóc là mặt nạ của cười u/ hay cười chính là mặt nạ / u u u,  
Xác là mặt nạ của hồn u/ hay hồn chính là mặt nạ/ u u u u,*

Tôi bắt chuyện với anh hề, chào anh hề, bài hát của anh  
hay quá.

Chào người xa lạ, u u u/u nghĩa là gì/ hư hư hư hư/ u là  
hư u/ hư là u u và anh hề bỏ đi, lại hát.

*Mặt nào mặt thật/ hê hê hê hê/ Mặt nào mặt nạ/ hê hê hê  
hê/ Mặt trái mặt phải/ hê hê hê hê/ Mặt ấy mặt này/ hê hê hê  
hê...*

Hồ đặt một bàn tay lên vai Man mà lay mạnh, anh ta đã  
xúc phạm đến em mà anh không làm gì u. Nét mặt Man lộ vẻ  
ngạc nhiên thấy rõ, sao cơ, anh ta chỉ hát thôi mà, anh không  
nghe rõ lời hát của anh ta sao, lại hát nữa đấy, nghe đi, trăng là  
mặt nạ của hồ u, hay hồ chính là mặt nạ, chẳng phải là anh ta  
đang réo gọi tên em ra mà mắng u.

Nếu em bắt bẻ một bài ca thì tất cả bài ca trên thế gian  
này đều xúc phạm ai đó, nhưng Hồ ơi, trước đây em đâu có như  
thế, là do em đeo mặt nạ u, cái mặt nạ xinh đẹp khôn kiếp này  
đã đốt cháy mặt thật của em rồi, nhưng kệ nó đi, em vẫn là Hồ,

**334.** Người sống đời phóng dật, ái tăng như dây leo.  
Nhảy đời này đời khác, như vượn tham quả rừng.

**335.** Ai sống trong đời này, bị ái dục buộc ràng  
Sầu khổ sẽ tăng trưởng, như cỏ Bi gặp mưa

KINH PHÁP CÚ

anh biết không, sao anh lại phải hồ nghi, hờ em, nhưng mà, anh ơi, em bắt đầu không tin mình lắm nữa, có gì đó trong em đang bắt đầu vỡ vụn, anh phải canh chừng em đấy, phải sẵn sàng cứu giúp em, em sợ lắm.

Khi chúng tôi vào trong nhà thì không còn cháy ánh nến nào, nhưng trong bóng tối có hai vật sáng lấp lánh lượn bay, đó là hai chiếc mặt nạ khóc và cười mà tôi và Man đã treo trên vách, giờ đang rập rờn nhảy múa và tỏa sáng trong bóng đêm. Nhìn thấy chúng tôi, chúng đồng thanh nhao nhao lên tiếng, hu hu, ha ha, vừa kêu khóc, vừa cười ran, vừa ca hát.

Lượn lờ bay nhảy một hồi, chúng chập vào nhau làm một, bất ngờ bay vút qua cửa sổ trong đêm tối mà biến mất.

Đường như Hồ đang lao vào Man, ôm ghì lấy anh như chụp lấy con mồi, tôi nghe những tiếng hỗn hển, rên rỉ lạ thường của cô gái, tôi cảm thấy không gian có mùi xạ hương nhưng không chắc, biết đâu chỉ là tưởng tượng.

Không biết chuyện gì đang xảy ra và sẽ xảy ra trong làng này với những người mặt nạ, tôi sẽ ở lại với họ hay là cao chạy xa bay, nhưng trước hết, tôi nằm xuống giường cố dỗ giấc ngủ.

Mà sao khó thể, liệu có ngủ được không trong tiếng kêu gào cuồng dại của Hồ, đó là tiếng kêu của ái ân hay của một điều gì khác.

Không biết.

N.C



## TRƯỜNG VĨNH CHẤN



### TRƯỜNG VĨNH CHẤN

- Sinh năm 1948, An Giang.
- Dược sĩ - tốt nghiệp đại học Dược khoa SG (1971). Về hưu năm 2013.
- Sở thích: Văn chương, nhiếp ảnh, du lịch. Thường trú: 533, Phạm Thế Hiển, P. 4, Q. 8, TP. HCM.

## *Bến Bờ Xưa Cũ*

Tôi sinh năm 1948 ở xã Phú Nhuận, tỉnh Gia Định, nay là quận Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh. Má tôi kể năm tôi lên 4 tuổi, gia đình dọn về ở đường Yên Đổ (nay là đường Lý Chính Thắng) quận 3, cạnh bên khu vực bến tắm ngựa. Địa danh này rộng chừng vài héc ta, một mặt sát cạnh đường, một mặt là con kênh Nhiêu Lộc.

Nơi đây có đình Xuân Hòa có từ thời Pháp thuộc, sau này được công nhận là di tích lịch sử cấp thành phố. Tôi vẫn còn nhớ mỗi năm vào dịp cúng đình, bọn trẻ cùng xóm chúng tôi kéo nhau đi coi hát bội, và đó cũng là một hình thức nghệ thuật dân gian đầu tiên được ghi nhớ trong đời. Sau này, lớn lên, đi nhiều

nơi, có lúc được xem hát bội với nhiều cảm xúc, nhớ nhung ...

Nhà tôi ở sát kênh Nhiêu Lộc. Kênh này lúc đó khá rộng và có trồng rau muống ở nhiều nơi dọc theo con kênh. Phía sau nhà tôi là một cây cầu gỗ dài chừng 4 mét dẫn đến cái cầu tôm lộ thiên. Chiều chiều, nước lớn, tôi hay ra đó, nằm rạp trên cây cầu gỗ lót ván để dùng tay với bắt những chú bọ rùa ngộ nghĩnh nhiều màu sắc đậu đây đó trên lá rau muống - một trò chơi hứng thú của tuổi thơ. Rồi một hôm, do cố vươn người xuống đám rau muống, tôi rơi xuống nước. Rất may mắn là má tôi chạy ra kịp, nắm lỗ tai tôi kéo lên giúp con trai bà thoát chết. Một kỷ niệm khó quên!

Hơn 60 năm sau, năm 2016, tôi tìm về nơi này và thấy rằng cảnh cũ đã thay đổi quá nhiều. Chỗ nhà tôi ở năm xưa, cây cầu ván gỗ sau nhà,... đã biến mất. Thay vào đó là nhiều lớp nhà san sát, nhiều ngõ hẻm đan nhau đến bờ kênh. Giờ đây, con kênh Nhiêu Lộc đã được tái cấu trúc lại với kè bê tông vững chắc cùng hai con đường tráng nhựa lớn rất đẹp dọc theo hai bờ kênh được đặt tên là Hoàng Sa và Trường Sa. Dừng chân đứng lại ngắm nhìn cảnh vật nơi đây trong ít phút, tôi ngân nga nghĩ “đúng là một bến bờ cũ đã xa mờ”.

Sau đó chừng hai năm, cả gia đình lại dọn đi nơi khác trong thành phố Sài Gòn. Có cả thấy 6 lần như vậy, mỗi nơi lại có chuyện đáng nhắc nhớ riêng.

Tôi lớn lên trong gia đình có tám anh em. Ba tôi, quê ở Long Xuyên - An Giang lên Sài Gòn lập nghiệp từ năm 18 tuổi, suốt đời là một công nhân kỹ thuật cho những hãng lớn như SEGI, BGI... Còn má tôi, quê ở Biên Hòa - Đồng Nai, ít học, chỉ biết nội trợ lo cơm nước và nuôi con ăn học.

Tôi nhớ vào thời chiến tranh trước năm 1975, vào mỗi buổi chiều tối, khi thấp nhang bàn ông Thiên, bà đều lâm râm cầu nguyện đất nước sớm hòa bình. Bà hay nói sẵn sàng chịu khó

khăn, thiếu thốn miễn là hết đánh nhau. Có lẽ đa phần các bà mẹ Việt Nam hồi thời đó đều ước mong như vậy.



NỤ CƯỜI CỦA MẸ

Riêng tôi, sau này ra trường rồi vào đời, đi công tác xa nhà nhiều năm liền. Nhiều khi buồn nhớ nhà là tôi nhớ nhất những món má nấu cho ăn suốt thời trai trẻ. Nhớ món thịt kho tàu hột vịt ngon hết biết, nhớ món khô cá sặc trộn xoài hấp dẫn, nhớ món canh khổ qua dồn thịt “bá cháy”, nhớ món lạp xưởng, hột vịt muối giản đơn, thơm ngon ăn hoài không ngán .v.v...

Nhớ có mấy năm gia đình gặp kinh tế khó khăn, cứ đến ngày 20 hằng tháng là nhà hết tiền đi chợ hay chi tiêu là bà mở tủ đưa tôi mấy món tư trang vàng vòng để đi đến tiệm cầm đồ vay một số tiền đủ chi dùng cho đến hết tháng. Rồi đến kỳ lương mới, ba tôi lãnh đem về là má tôi trích ra một số đến tiệm cầm đồ trả tiền lời và chuộc lại mấy món đã đưa ra. Cứ như vậy dài dài cho đến lúc vượt qua túng bần...

Ôi, những năm tháng cũ khó khăn đã xa mờ!

Năm nay má tôi đã 94 tuổi, những lúc khỏe khoắn, bà đều vào bếp nấu ăn cho cả gia đình. Thỉnh thoảng, tôi ghé qua thăm bà thì thường được bà hỏi “thằng Hai muốn ăn gì, má nấu?”. Nhưng rất hiếm khi tôi yêu cầu vì muốn rằng má tôi nghỉ ngơi, chuyên bếp núc để mấy đứa nhỏ trong nhà lo.

Còn gì vui hơn khi thấy má mình vui khỏe!

T.V.C (5/6/2016)

*Mộ Khúc Tháng Bảy*

*Tháng bảy  
tháng cúng cô hồn xú sở  
mùa Ân thương! \*  
tưởng nhớ những con người đã khuất  
vì quê hương chết thảm chẳng toàn thân  
da thịt nát đã hóa xanh thành bụi cát  
mà hồn ai vất vưởng lạnh chiều hoang?...*



Về thăm quê gặp tiết trời ủa nắng  
tôi lang thang lạc giữa đôi hoang xơ xác  
lối cũ tiêu điều hoa cỏ rữ chong chơ  
nhìn những nắm mộ gió cày trơ sỏi đá  
bốn mươi năm sót lại nắm xương khô  
bốn mươi năm còn đọng máu sa trường  
hương huyết lệ!  
ý thức hệ một thời như độc dược  
mê hồn ai bày cuộc chiến tương tàn?  
ai đói khổ, ai thân phơi trận mạc?  
ai vinh danh, ai quyền quý cao sang?  
xin hãy mở lòng hàn gấn vết thương đau  
xin hãy mở lòng cho đất Mẹ tươi xanh màu tuổi trẻ...

Tháng bảy  
tháng gọi hồn sương khói  
khấp nẻo tìm về sườn ảm khúc oan khiên  
đạo bãi tha ma chạnh lòng buốt nhói  
ôi, những nắm mồ vô chủ  
mộ chỉ đề ngày... tháng... chẳng đề tên  
thấp nén nhang buồn  
tôi đứng lặng giữa hoàng hôn  
rừng âm u gió hát...Hồn tử sĩ ru thương! \*\*  
bởi một lẽ ai cũng ngầm tự hiểu:  
-Mồ, những người không có “khẩu” ở quê hương!

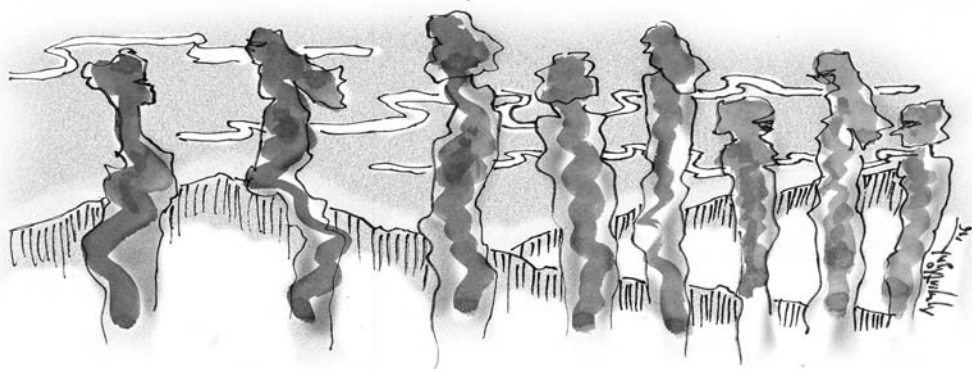
(\*) Mùa Ân thương: Mùa “”Tứ ân” báo hiếu, nhà Phật.

(\*\*) Hồn Tử sĩ: Nhạc Lưu Hữu Phước  
Chiều Quy Nhơn, thăm nghĩa trang...

Ngày 14 tháng 07 năm Ất Mùi(2015)

Nguyễn Ngọc Thơ

## Tổng Ôn Binh Ở Đất Hòa Đồng



1.

Huyện Gò Công Đông thuộc tỉnh Tiền Giang ngày nay là vùng đất Hòa Đồng xưa. Theo lời người cổ cựu kể lại: Bậc tiền hiền đến khẩn hoang vùng đất này vốn “*ra sông sợ đũa, lên rừng sợ ma!*”, dịch bệnh và gió thiêng nước độc đã cướp đi bao sinh linh oan trái. Chết oan là trái với lẽ công bình.

Trong dân gian tin rằng, người có hồn và vía. Chẳng phải tự nhiên người ta gọi “*ba hồn, chín vía*”. Hỏi bậc “*lão lai tài tặn*” trong làng, mới biết: Nam bảy vía, nữ chín vía. Vía là phách, là xác thân sau khi chết sẽ tan rã mục nát, làm bạn giun dế và trở về cát bụi. Người bình đẳng trong việc sở hữu hồn, ai cũng có ba hồn. Người chết, một hồn quanh quẩn nơi xảy ra sự chết; một hồn vương vữu ở mồ mã và một hồn đi theo phán quan đến địa ngục để đối mặt với những gì đã làm chón trần gian, trong phiên “*xét công luận tội*”. Cho nên, người chết bờ bụi, sông suối... chết không nhà, hồn lẻ loi chẳng nơi nương tựa, trở thành cô hồn gần nghĩa với âm binh, với người khuất mặt khuất

mày... đói khát, tụ tập gây nhiễu loạn cho người sống. Cụ Tố Như đã nói trong “Văn Chiêu hồn”:

*Mỗi người một nghiệp khác nhau  
Hồn xiêu phách tán biết đâu bây giờ?  
Hoặc là ẩn ngang bờ dọc bụi,  
Hoặc là nương ngọn suối chân mây,  
Hoặc là bụi cỏ bóng cây,  
Hoặc nơi quán nợ cầu này bơ vơ...*

Muốn yên, người sống tổ chức cúng tống ôn binh, có nơi gọi tống cô hồn, có miệt gọi tống quái. Thực ra “tống quái” không mang ý nghĩa là “tống khứ chuyện xui xẻo” như ta thường nghĩ, mà mang ý nghĩa là tiễn đưa những người bạn lên đường bình an, như là Trình Giảo Kim “tống tửu” Đồn Hùng Tín trước lúc ra pháp trường vậy! Ở đây, dân gian tin rằng đầu tháng Bảy âm lịch là thời điểm mở cửa địa ngục cho các vong lên dương gian gặp người thân, từ giữa tháng Bảy trở đi, là thời điểm “tống biệt” các chư vị vong linh về bốn xứ. Thế là lễ “tống quái” được cử hành!

Tùy nơi, người ta chọn và định ngày cúng tống cô hồn. Người Hòa Đồng lấy ngày mười sáu, tháng bảy âm lịch làm mốc cúng hằng năm và, cúng tống cô hồn của họ không giống lễ cúng Phóng Diệm Khẩu. Việc cúng là việc chung của mọi người chớ chẳng riêng ai, họ cử một người có uy tín trong xóm đứng ra tổ chức. Tôi nhớ lại!

## 2.

Năm đó, chú Bảy được cô bác trong xóm Long Bình giao việc sắp xếp việc cúng lễ. Cánh đàn ông đồn bốn cây chuối lột lấy thân ràng buộc chắc chắn, những thanh tre kết lại thành khung con tàu. Cánh đàn bà khuấy hồ dán giấy đủ màu sắc lên khung, trông sặc sỡ. Tôi nghĩ trong bụng, chắc là ma quỷ, cô hồn, âm binh phen này thích lắm.

Chú Bảy đặt mấy hình nhơn tay cầm dầm chèo nấn bằng đất sét ở trước mũi và sau lái. Rồi, nào vải, nào quần áo, nào nón....đủ thứ cho người dùng được treo khắp lòng tàu. Tôi ngắm nghía con tàu sẵn sàng xuất bến, chớ muôn hồn oan khuất về cõi hư vô! \*

Miếng đất nhà chị Năm cặp sát mé sông được chú Bảy chọn làm nơi hành lễ. Mỗi nhà trong xóm tùy điều kiện có thể, hùn nhau mang vật phẩm đến đậu nhau cúng. Người bung đầu heo, gà luộc, xôi, bánh, trái cây... gạo, muối, nước, nhang đèn, giấy tiền vàng bạc... Nhất là, chú Bảy không quên năm miếng lá bùa trừ tà của thầy Ba Cùm ở núi Két mà, thàng trước thím Bảy khăn gói đi thỉnh.

Chú Bảy khẩn vái, mọi người quỳ lạy và thầm nói lời tống tiễn cô hồn thượng lộ bình an, một ra đi không trở lại. Nhang tàn, tất cả các vật cúng được cô bác xếp vào tàu. Chú Bảy cất tiếng hô vang dội như người chiến binh hô xung trận, những chàng trai lực lưỡng trong xóm dang tay khiêng con tàu xuống bến sông. Chú Bảy rót chén rượu rắc đều trước mũi tàu và mọi người đẩy con tàu trôi theo dòng nước giữa những hạt mưa ngâu rớt lâm thâm ướt mặt người!

Mọi người quay trở vô nhà, cảm thấy lòng nhẹ nhõm, nói cười rôm rả như vừa trút gánh âu lo, xui xẻo, bệnh tật... theo con tàu chở khẳm đám cô hồn!

3.

Tôi có đôi chút băn khoăn, không biết số thực phẩm trên tàu theo tàu trôi về đâu? Bụng hơi tiêng tiếc. Thím Bảy có lẽ hiểu ý, nói:

- Dẫn ba đầu sáu tay, hay bọn cô hồn sống cũng chả đũa nào dám bọ rượu thịt trên tàu. Đám cô hồn chết ở trên tàu nó bẻ lợi tay lìa căng.

- Vậy, bỏ đồ luôn hả thím?



Chú Bảy cầm chén rượu bước xuống nhà sau.

- Để bỏ sao bây!

Chú nói rằng, bà con lo cúng tống ôn binh trên này, chớ phía dưới khúc cua sông chòi thằng Đực, tụi giữ trâu ba đời đang đứng chụm nhum đợi tàu.

Tôi không hiểu, hỏi chú: “Tụi nó đợi chi chú?”

- Đợi ngoắc tàu vô lấy rượu thịt, chớ đợi chi!

Thấy tôi bán tín bán nghi, chú cười:

- Đám ôn binh trên tàu, hễ thấy tụi nó kêu là tàu queo vô!

Tôi hỏi leo: “Chú thấy bao giờ chưa?”

\*

Đời nội, đời tía cho tới đời qua, đều đi bạn giữ trâu nhà hội đồng Trâm bên Đồng Sơn. Hồi đó, nhà giàu nuôi trâu phồn, có phồn mấy trăm con. Qua lùa trâu sang miệt Bãi Hồ, theo người lớn tuổi nói đó là cái bãi để cạp kéo xác người về ăn. Ngủ chờ, đêm nào qua cũng nghe tiếng người khóc, tiếng cạp gầm gừ, tiếng binh khí đánh nhau... hé mí nóp ngó trời đen như mực, gió sột soạt suốt canh thâu... Thịnh thoảng giật mình vì rầm rập bước chân hành quân lên phía rạch Tân Đông. Mãi sau này, hương chức làng cùng cô bác trong vùng cúng tống ôn binh thì qua mới biết. Đoạn sông này, từng là bãi chiến trường đẫm máu giữa quân Tây Sơn và Nguyễn Ánh chém giết nhau.

Bọn giữ trâu và qua đón tàu, giựt đồ ăn thức uống của bọn cô hồn. Qua đứng dang chun trên đầu ngọn bấp dừ, bọn kia đứng dưới mé nước. Tàu trôi ra hướng cửa Tiểu, qua hô lớn: “Dừng lại! Dừng lại!”. Tàu đương xuôi dòng ngon lành, qua có cảm giác hình như nó khựng lại, rồi nó cà dưng, cà dưng... nước đầy, nó chẳng trôi. Bỗng có tiếng hét của đứa nào đó:

- Quay mũi, chạp vô bờ, tao biểu!

Chờ lâu, bù mắt lá chắn ngứa mình ngứa mảy phát ghét. Bọn qua bơi ra sông, nắm đầu tàu kéo vô mé...

NGUYỄN HOÀNG ĐÔNG

## *Nhân quả*

*Khi con chim còn sống, nó ăn kiến  
Khi con chim chết, kiến ăn nó!  
Vì vậy, đừng nhục mạ, đừng làm khổ bất cứ ai  
trong đời sống này.  
Bạn có thể đầy quyền lực ngày hôm nay,  
Nhưng đừng quên rằng,  
Thời gian còn nhiều quyền lực hơn bạn.  
Một cây có thể làm được hàng triệu que diêm,  
Nhưng một que diêm cũng có thể thiêu hủy được  
hàng triệu cây.  
Hãy là người tốt và làm những điều tốt.  
(suru tâm)*

Dân mình dù sống cảnh đói cơm hay rách áo, dù no đủ hay giàu sang đều mang tâm thức “lá lành đùm lá rách” hoặc luôn nhớ “Nhiều điều phủ lấy giá gương...” đối với người sống cũng như người đã khuất. Đùm người cơ nhỡ, bọc vong linh vất vương lẻ loi! Vì thế ở những vùng đất đã xây dựng chùa chiền thì người chủ sự lễ tống quái chính là vị sư trụ trì chùa làng. Vị này sẽ ngồi giàn, kiết ấn Cam Lò, đọc thần chú Đại Bi Tâm Đà La Ni, dẫn vong về chùa nghe kinh siêu độ.

Cúng tống ôn binh, một biểu hiện rất người trong cõi tạm này. Người Nam bộ có thể nói “bỏ qua” chớ không nói “tha thứ”, dẫu kẻ ấy từng là lũ cô hồn hãm hại mình!

C.Đ.T

## *Giữa Cõi Cô Hồn*

*Ta. Cô hồn sống lạc loài tháng Bảy  
Sống như bay, thân nhẹ như bông  
Hồn rải rác từ thiên thu tụ lại  
Quả táo già, rụng cuống thối như không*

\*

*Ta lưu lạc không còn nơi trú ngụ  
Bới vết hằn năm tháng chẳng liền da  
Sống. Đi. Đứng – vẫn mãi ôm tư lự  
Mà cõi người đã vắng bóng người ta*

\*

*Cũng đôi lúc ta trở thành Đại thánh  
Quây tung trời nên mắc đọa nhân gian  
Làm khí giộc tiếng hú gào lạnh lạnh  
Như hồn hoang khô lạnh mãi lang thang*

\*

*Rằm tháng Bảy cô hồn ôm thiết bâng  
Sống lạc loài nên giá vũ đặng vân  
Bằng hữu hê! Ta chào ôm các đảng*

(Trích từ tập Thơ Hoàng Yên Dy, NXB VĂN HÓA - VĂN NGHỆ - 2016)

## *Miếu Sáo Trâu*



1.

- Chào ông!

Thầy cai giật mình, ngược mắt thấy lồng chim sáo trâu treo xiên nhà. Thầy chưa kịp phản ứng.

- Con c...(!?)

Cô Hai quần ống thấp ống cao, từ dưới bếp chạy hót hơ hót hã ra thêm hàng ba gạch cửa.

- Thôi chết rồi! Chết rồi... Thầy cai bỏ qua cho em! Con sáo mắc dịch, m... ấ... c...

Cô thở hồn hển, thở đứt hơi, rớt tiếng... bộ ngực căng cứng phồng lên xẹp xuống theo nhịp hồn hển.

Thầy cai đứng như trời trồng, mắt ngó chết trân bộ ngực cô Hai thiếu điều rớt răng... quên giận!

\*

- Bộ em giỡn mặt qua hả? Lần nào cũng “bị” là, “bị” mần sao?

Thầy cai nổi thầu lậu, mặt quạu giống mặt thợ thiến trâu.  
Tiếng sáo trâu nói liên tục:

- Hôi lắm!Thúi lắm!

Mà thiệt, cô Hai lúc nào cũng cố tình mần mình mẩy hôi hám, mùi lợm giọng khiến ai ngửi đều muốn nôn... Sống thời buổi làng xóm bất ổn, lòng người bất an... đành mượn giả che thật.

Thầy cai cầm cây gậy, dợm đứng dậy ra hàng ba nhà đập con sáo. Cô Hai kịp thời ấn vai thầy cai ngồi xuống ghé.

- Chấp nhất chi thú vật nói tiếng người. Thầy quá bộ tới thăm, em mừng lắm! Chuyện xui xẻo, thầy tưởng em không buồn sao?

Nắng ban trưa liếm chun thầy cai khi nhảy qua vách trống trơn đầu song.

- Về đi cha nội! Về đi cha nội! Về...

Sáo trâu nhả tiếng khàn và đục như lời thúc giục từ cõi âm.  
Da thầy cai nổi ốc!

Mấy canh giờ chìm trong thời khắc ỡm ờ bốn cột, cô Hai thấy đã đủ và đến lúc đuổi thầy cai. Như thể thiệt thà và ngây thơ, cô Hai trật dây lưng, kéo quần xệ mí cho thầy cai ngó cái “bị” cho đỡ hậm hực. Thấy mới tin, thầy cai thấy “cục đờ lòm” nên vui trong bụng: “Tưởng con hai nó trát, nào dè nó thiệt!”.

Thầy cai đứng dậy phủi đít, nắm tay cô Hai thay lời từ giả.

- Chào ông! Chào ông!

Tiếng sáo trâu đu theo lỗ tai thầy cai ra tới ngõ. Bực cái mình, thầy chẳng thèm giữ ý giữ từ:

- Ông!Ông... cái con c...!?

Cô Hai tủm tủm cười nhìn con sáo trâu, rồi quày quả xuống bệp cát gỏi bông gòn, hắt đổ chén nước bông mào gà đỏ chót!

2.

Ông Ba Thịnh, tíu cô Hai cùng một vài người anh em bạn, ngắm nghía đám chim sáo vừa bầy bắt ở cù lao An Hóa; họ muốn lựa trong số chim sáo rừng này, chọn một con tập nói tiếng người.

Người bạn trung niên nói với ông Ba:

- Bầy chim sáo dù sáo đen (sáo trâu), sáo nâu, sáo sậu (cà cưỡng) bầy lúc con nước ươn, bữa nay con nước nhảy, tui thấy nên dẹp bầy và chọn số chim sáo mình đang nắm trong tay.

- Được đó chú Ba!

Chàng trai trẻ Tân Thạch lên tiếng.

Ông Ba hiểu cái khó không phải dạy chim sáo nói tiếng người mà, cái khó là chọn ra được con sáo ưng ý. Chọn con có đủ yếu tố bộ óc tiếp thu nhanh và thích lặp đi lặp lại theo phản xạ bắt chước có điều kiện. Việc này, không ai qua nổi lão Minh. Trong đám chim sáo xây lổ cổ, lão Minh chọn ra con sáo trâu chưa tàn điều thuốc. Nó đầu to, mỏ, móng cực đẹp; chun căng bự, lông đuôi ngắn, cuống lông đuôi to, dáng linh hoạt... anh em hôm đó, ai nhìn cũng thích.

Chàng trai trẻ Tân Thạch nhận luyện tập sáo trâu nói được tiếng người trong một thời gian sớm nhất, trước khi ông Ba dời vợ con lánh qua xứ khác và anh em gia nhập nghĩa binh Thủ Khoa Huân.

Lão Minh nói với chàng trai trẻ:

- Người xưa truyền rằng: “Cha mỏ vàng chun vàng, mẹ mỏ vàng chun cước”. Mỏ vàng là cái màu của “Thỏ” trong ngũ hành. “Thỏ” đây chỉ sự nhẫn nhục và bao dung như lòng đất mẹ. Khi đất mẹ bị xâm lấn thì cái “dũng” liền xuất đầu lộ diện. Cái dũng mãnh ở cha, cái thông minh ở mẹ khi kết hợp khác chi song

kiếm hợp bích, lo chi chẳng thành!

- Ông nói vậy, sao ông chọn sáo trâu này mỏ trắng?

Chàng trai trẻ thắc mắc.

- Ta không theo lời người xưa vì, tình hình hiện nay ta chưa cần sự dũng mãnh và thông minh. Cái ta cần kíp bây giờ là sáo trâu nhanh chóng nói được tiếng người. Việc này, sáo trâu mỏ trắng vượt trội hơn sáo trâu mỏ vàng, vì mỏ trắng là màu của hành “Kim”. Trong ngũ hành, thì Kim khắc Mộc, Mộc lại được sinh ra từ Thủy. Nên Kim sẽ có sức chống đỡ với những sức mạnh bên ngoài đến từ con đường thủy vậy...

Lão Minh không muốn nói thêm suy nghĩ của mình nữa, người trung niên chêm vô:

- Lý sao lão không chọn sáo sậu? Tui thấy sáo sậu nhạy nói hơn sáo trâu, nó huýt gió tài tình dù chưa biết nói!

Ông Ba rút chén trà mời lão Minh. Hoa dứa rụng trắng đất cù lao, hơi mát phả từ những bóng râm của vườn cây ăn trái dịu lòng người.

Lão Minh nói chậm rãi:

- Ta không chọn cà cưỡng tức sáo sậu bởi, nó hay nói chớ không nói hay, bắt chước tiếng động và nói tía lia suốt ngày, có khi nó chẳng biết nó nói cái gì. Còn sáo nâu, làm biếng ăn no thích nằm, tính hung dữ.

Rồi lão nói chắc nịch:

- Trong ba sáo đó, sáo trâu hợp tình cảnh bây giờ và hơn hẳn kể cả nhông, vẹt chẳng thể bùong!

\*

Chàng trai trẻ mang sáo trâu về quê Tân Thạch, chàng nhớ những gì lão Minh bí mật chỉ riêng để chàng tập luyện thành công sáo trâu nói người trong vòng năm sáu tháng. Chàng nhớ lời lão dặn lúc xuống ghe:

- Nhớ chọc tức nó xù mào, khi sáo trâu xù mào nó sẽ nói

lời người dạy vì, thấy kẻ lạ nó phát ghét!

3.

Nửa đêm, má con cô Hai ôm sáo trâu sang sông Tiền, bỏ xứ Trúc Giang tới tá túc đất An Khương. Mấy tháng đầu yên ổn, từ lúc thầy cai lui tới thả dê tuy có phiền nhưng chưa phức tạp và hiểm nguy. Dù sao thì, con sáo trâu cũng đủ sức nói lời người can ngăn sự trâng tráo, sàm sỡ của thầy cai đối với cô chủ.

Sau ngày nghĩa binh Thủ Khoa Huân san bằng đồn giặc Tây ở Bình Cách bình địa, bọn vong nô làm chỉ điểm sùng sục tối ngày, truy tìm người theo ông Thủ khoa. Gia đình má bị chúng chỉ điểm và điều tra. Thầy cai bị tên tri huyện Chợ Gạo lột chức và thái hồi. Má không liên lạc được tía và bạn tía. Nghe thiên hạ phong phanh ông Thủ khoa cùng nghĩa binh đã rút về miệt Thuộc Nhiều và có lẽ, xuống An Giang. Má con cô hai và sáo trâu quyết định trốn khỏi An Khương.

- Má! Chị Hai! Giặc... giặc... C... h... a... y...

Sáo trâu bay phía trước dò đường, cảnh giới nó la bài hãi!

Đương lòn qua đám rừng trâm bầu chạy cặp hướng Tịnh Hà, má con cô Hai khựng lại khi nghe tiếng la của sáo trâu. Muộn rồi, lũ người Việt theo Tây ập đến bắt trời thúc ké và lôi kéo má con như lôi kéo súc vật.

Trời chưa sáng tỏ, thằng sếp chỉ huy phùng mang trợn mắt ra lệnh đám lính tiếp tục hành hạ thân xác má con cô Hai. Bất thần, từ cảnh mạn trắng sáo trâu vỗ cánh lao vút tựa mũi tên bay thẳng mặt kẻ thù, nó dùng móng chun sắt của đôi chun dững mãnh đâm mù hai mắt thằng sếp, máu trào xối xả và đôi chun nó dính tòn teng!

- M... á! C... hị...

Chúng bút đứt đầu và xé sáo trâu từng mảnh!

Về sau, nghe nói xác má con cô Hai lũ giặc liệng xuống sông Bảo Định chỗ giáp nước.



“... Binh tướng nó hãy đóng sông Bến Nghé, ai làm cho bốn phía mây đen/ Ông cha ta còn ở đất Đồng Nai, ai cứu đặng một phường con đỡ/ Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh cũng đều khen/ Thác mà ưng đền miếu để thờ, tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ.

Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh muôn kiếp nguyện được trả thù kia.

Sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã rành rành một chữ âm đũ đền công đó.

Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân.

Cây nhang nghĩa khí thấp nên thơm, cảm bởi một câu vương thổ.

Hỡi ơi!

Có linh xin hưởng”.

(TRÍCH “VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC -

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU)

\*

Đoạn đường từ chợ Hòa Tịnh đến chợ An Khương, nơi ngã ba queo về làng Trung Hóa huyện Chợ Gạo xưa kia, người sở tại lập miếu thờ sáo trâu, tục gọi “Miếu sáo trâu”. Trải qua mấy trăm năm, bao lần nhiều lượt đường mở rộng, người làm đường không biết hoặc vô tình ủi sập... Dấu mất, tích còn! Có lẽ, nhờ miệng đời truyền miệng?

Người thạo chuyện, ngửa mặt than:

- Thú nói tiếng người. Người thì ngược lại!?

C.T.H

# MẸ CỦA CON

◊ Nhạc: **Giác An**  
Lời: **Nguyễn Công Khanh**

Boléro ♩ = 70

Mẹ hồi con đang về tìm lại dĩ vãng xưa, thành phố đang lên  
đèn con đường xưa hát hiu. Ngậm ngùi con nhớ ngác, ngôi nhà vẫn còn  
đây, mẹ hiện giờ ở đâu? Ôi người mẹ của con. Qua bao nhiêu  
năm bây giờ con mới hiểu tình mẹ là thiêng liêng, tình mẹ là bao  
la cho đời con tất cả. Từng ngày qua con sống trong lụa  
gấm, đâu biết bao thăng trầm đi qua đời mẹ yêu!  
Một nén hương tâm thành dâng về mẹ kính yêu, được thành thời tâm  
hồn cho lòng con bớt đau. Dù thời gian trôi mãi ơn người vẫn còn  
đây! Người mẹ hiền của con nhớ thương hoài không người!

(Địa chỉ nghe bài hát: <http://Youtube/Mẹ Của Con/Nguyễn Công Quốc>)

## *Mưa Cồn Cỏ*

*bay bay. bay bay. bay bay  
sợi lụa thưa nhớ. sợi lay lắt buồn*

*sợi đừu hiu rụng bến sông  
sợi tan tác rụng xuống lòng tịch liêu*

*cồn hoang. lều cỏ. mưa chiều  
cồn nghe rụng tiếng chim kêu ngoài ghềnh*

*một mình. khói thuốc lênh đênh  
một mình với bóng chênh vênh. một mình*

*bó tay. im sững ngồi nhìn  
ngoài mưa về đủ bóng hình xa xưa.*



*Thăm Mẹ*



*Con về gửi mẹ nén nhang  
Lòng nghe quặn thắt cỏ hoang phủ đầy  
Hắt hiu bóng mẹ - mộ gầy!  
Đôi hàng mi ướt, mắt cay khói buồn.*

*Trách mình chữ hiếu chưa vương  
Phận con lơ đãng tội muôn vạn phần  
Theo đời đôi ngã phong trần  
Trắng tay - tay trắng xoay dần tháng năm.*

*Chấp tay hương khói thì thăm  
Đôi lời con trẻ ngày thăm mẹ hiền...*

## ***Gánh Hàng Rong***

*Ở nơi đây ngày từng ngày trôi chậm  
Con chim buồn không hót đón bình minh  
Ở đây gánh hàng rong, rao khăn giông  
Nắng hay mưa em làm lũ một mình*

*Trời sinh ra định phần riêng số phận  
Phận em nghèo nên chịu lắm nỗi đau  
Ngón tay gầy ôm cuộc tình lận đận  
Sợi tóc mai theo năm tháng bạc màu*

*Đêm mới biết vì sao nào sáng nhất  
Trên đời cao chiều xuống thấy mây bay  
Đường mưu sinh dẫu nhọc nhằn khổn khổ  
Hạnh phúc ta nào đâu phải mượn vay*

*Gánh hàng rong em thấp niềm hy vọng  
Cho con thơ thơm sách vở đến trường  
Còn quanh đây những tranh giành cao thấp  
Khi người với người sống thiếu tình thương*

*Em hãy ngồi uống cùng ta ly rượu  
Mấy ngàn năm đâu dễ gặp tri âm  
Mòn môi chân mang trên mình sông núi  
Bởi cuộc đời là những áng phù vân!*

## *Hãy Làm Ngay Khi Có Thể*



Tôi quen một người bạn văn, vốn là một nhà giáo - lớn hơn tôi bảy tuổi, nhưng là chỗ anh em rất thân tình; anh vẫn thường về quê ăn giỗ - ghé nhà rủ tôi cùng đi, nhưng tôi chưa “có duyên ăn giỗ” với anh! Đến tuổi 74, anh có ba tác phẩm đã xuất bản: Hai tập tản văn và một tập thơ. Anh còn có bản thảo một tập thơ rất mong được giới thiệu, nhất là khi anh cảm thấy sức khỏe không ổn định! Anh có lần tâm sự với tôi, nhưng có lẽ vì công việc đa đoan - những người con anh không mấy quan tâm. Tôi chắc tất cả đều nghĩ: Hãy cứ từ từ đến cuối năm thông thả, sẽ in - đâu cần gì vội? (và nghĩ thêm, đó chỉ là... chuyện “vui chơi” thôi mà - nhưng tôi biết, với anh, là một trong những niềm vui và hạnh phúc của đời sống còn lại của anh...).

Sau đó không lâu - anh ngã bệnh. Lúc anh đang nằm trong phòng hồi sức cấp cứu, người con trai trưởng của anh gửi mail (và phone) cho tôi, cho biết cậu ấy đang gấp rút in tập thơ cho cha trước ngày ông mất. Cậu còn cho biết, cha cậu muốn nhờ tôi viết vài lời giới thiệu cho tập thơ cuối này của ông (...).

Dĩ nhiên là tôi rất xúc động, và hân hạnh nhận lời - tôi đã đọc 30 bài thơ trong một giờ, và viết mấy trang trong một giờ tiếp theo, như được chia sẻ, tâm tình cùng anh, trong lúc anh còn đang bất tỉnh - để kịp gửi kèm tác phẩm xin giấy phép! Tập thơ đã được nhà xuất bản thông cảm “duyet đọc” trong một ngày - tiến hành in ấn trong vài ngày sau đó. Tập thơ trình bày khá xinh xắn đã được hoàn tất với sự nỗ lực của gia đình và người bạn họa sĩ nhận thực hiện - nhưng tiếc thay, anh đã “ra đi” trước đó vài ngày, chưa kịp nhìn thấy được bìa sách - “đứa con” tâm huyết của mình như thế nào.

Tôi chuyển nơi ở, đến sống nơi “*Xóm Rèn*” để trông nhà giúp cho vợ chồng đứa con trai út đi dạy xa - đã hơn hai năm nay. Xóm nhỏ, quây quần chỉ mười hai nóc nhà, như một khu biệt lập, yên tĩnh - xanh mát bởi nhiều bóng cây và bờ tre tiếp giáp khu ruộng phía cuối xóm. Tôi nghỉ lao động từ khi phát hiện bệnh tim nặng, chỉ nằm nhà đọc sách báo - cho vui thôi! Đọc mỗi, tôi đi thơ thẩn trong xóm, ghé nhà này - nhà nọ, trò chuyện cho qua ngày! Ngôi nhà tôi thường ghé lại chơi lâu, là nhà của vợ chồng người nông dân chỉ cách nhà con tôi hai căn, có bà mẹ già trên 80 bị bệnh hen suyễn... Bà luôn có mặt ở nhà, dâu vợ chồng ông ta luôn vắng mặt từ sáng. Cô con gái út thợ may, ra hành nghề ở quán may đầu hẻm. Ba đứa con trai nhỏ đi học hay đi chơi mãi đến trưa mới về.

Một buổi sáng, khoảng hơn 7 giờ, tôi ghé lại, đã thấy bà ngồi ở chiếc ghé bên cửa thường ngày vẫn ngồi, mỗi khi nằm đã mỏi và buồn! Tôi hỏi bà đã ăn sáng chưa - bà cho biết đang ngồi

chờ có đũa nào về mua. Tôi nói sẽ đi mua giúp - bà không chịu. Hơn 8 giờ, tôi lại lần sang, thấy nhà vắng - không có thức gì ăn đặt sẵn trên bàn như mọi khi. Có lẽ vợ chồng người nông dân ra đồng sớm, còn cô cháu nội chắc cũng quên bà luôn. Lần này tôi kêu đi mua giúp - bà đồng ý, vì đói! Khi tôi vội về nhà mặc thêm chiếc quần dài, bà đưa cho tôi “cuốn tiền lẻ” đã cầm sẵn nơi tay từ sáng đã “ướt nhão”! Tôi không nhận, vì nghĩ chỉ năm sáu ngàn đồng bạc bánh xèo - là bà ăn no rồi. Tôi vẫn thường mang bánh và trái cây đã cúng ở các bàn thờ, sang chia cho bà - bà vui vẻ nhận, để dành ăn dần!

Bánh xèo hết. Bánh ướt và bánh hủi cũng hết. Còn bà bán xôi ngồi trông khách. Tôi hỏi thăm - được bà ta cho biết “Anh chị Hai vẫn thường mua cho bà già năm ngàn, bà ấy ăn hết!”. Tôi mua năm ngàn, mang về cho bà. Bà vui vẻ mở hộp xôi - ăn vội vàng...

Ba ngày sau, vào khoảng hơn 6 giờ chiều, cô cháu nội thợ may vào buổi gọi bà dậy ăn cơm - thì bà đã không còn dậy ăn được nữa rồi: Bà đã ra đi lúc nào, cả nhà không ai hay biết - ở tuổi 86. Khi tôi sang thắp hương cho bà - người con trai trưởng nông dân kể: “Tôi định đi sửa chiếc máy quạt cho phòng bà đỡ nóng - nhưng quạt còn bỏ góc phòng đây, chưa đi kịp...”. Người vợ tiếp lời: “Tôi định mua vài mét vải mỏng màu xám, đưa cho con may cho bà bộ áo quần rộng - mặc cho mát, thoải mái, mà chưa kịp...”.

Tôi đã có nhiều dịp đến thăm, phúng điếu cho những người quen thân trong thị xã khi họ mất - đã thường nghe, vợ (hay chồng) con, hoặc những người thân trong gia đình, khóc kể về những chuyện đã khiến họ hối tiếc vì “chưa kịp làm” cho người ra đi! Xem ra, những việc “chưa kịp” ấy cho người ra đi, cũng chẳng đòi hỏi tốn kém gì, (hay thời gian nhiều), nhưng họ đã “có thói quen” hẹn lần lữa - cho đến ngày, vĩnh viễn không



*Đệ nhất giác ngộ:  
Thế gian vô thường,  
Quốc độ nguy thuy.  
Tứ đại khổ không,  
Ngũ ấm vô ngã.  
Sanh diệt biến dị,  
Hư nguy vô chủ.  
Tâm thị ác nguyên,  
Hình vi tội tấu.  
Như thị quán sát,  
Tiệm ly sanh tử.*

(Điều thứ nhất, giác ngộ rằng cuộc đời là vô thường, vũ trụ mong manh tạm bợ. Sự cấu tạo của bốn đại là trống rỗng và có tác dụng gây đau khổ, tập hợp năm ấm là vô ngã, sinh diệt thay đổi không ngừng, không thực và không có chủ thể. Tâm ta là cội nguồn phát sinh điều ác, thân ta là nơi tích tụ tội lỗi. Quán chiếu như thế dần dần thoát ly sanh tử).

(KINH BÁT ĐẠI NHƠN GIÁC)

còn có dịp để làm nữa! Và ngòi khóc than... Chẳng hạn một lần ghé thăm, gửi một món quà nhỏ nhân ngày sinh nhật, hay gặp nhau để nói đôi lời chia sẻ từ ái - nhưng họ đã không thể thực hiện được, vì “*mới đó, mà anh (hay chị - ông - bà) ấy đã không còn!*”

Cuộc sống không dài lâu - bền chắc, như ta thường nghĩ. Những việc gì cần làm cho ta, cho người thân, cho bạn bè (...) hôm nay - nếu có thể, chúng ta nên làm ngay - không hẹn ngày! Câu “nhật tụng” từ thời tiểu học đã được nhìn thấy, đã đọc là “*Việc đáng làm hôm nay, không nên để ngày mai*” rất dễ nhớ - mà ít người chịu làm, để rồi có khi, suốt đời ân hận... Nicolas đã từng kêu lên: “*Hãy nhanh lên: Thời gian trốn chạy và lôi kéo cả ta theo!*”.

Để sử dụng “quỹ thời gian” eo hẹp của đời người được tốt đẹp, viên mãn - Đức Phật đã khuyên dạy: “*Thường quan sát tự thân, không làm việc không đáng, việc đáng gắng chuyên làm, thì lậu tập dần tiêu tan!*” (Phẩm Pakinnakavaggo - PC 293). Nếu biết nghe và làm theo lời Đức Phật dạy, thì tôi tin rằng - đời này ta được vui, và đời sau cũng sẽ được vui vậy!

M.V.L

*Con Cài Hoa Đỏ*

*Mười sáu năm về trước  
Khi còn Mẹ bên đời  
Ngực con cài hoa đỏ  
Lòng tràn ngập niềm vui*

*Mẹ cho con bầu trời  
Với một triền mây trắng  
Mẹ cho con ánh nắng  
Rắc trên đường con đi*

*Biết bao điều nghĩ suy  
Khi hoa hồng hóa trắng  
Đêm nay trong thình lặng  
Ngỡ Mẹ về bên con.*

*Sông Đưa Mẹ Về Đâu*

*Con gọi mẹ giữa trời  
tiếng con vang vào núi  
tiếng con lan vào mây  
mẹ nơi nào chẳng thấy?*

*Dòng sông buồn ngừng chảy  
bờ lau buồn không lay  
lá rơi buồn trên tay  
con rơi buồn...  
ngày tháng.*

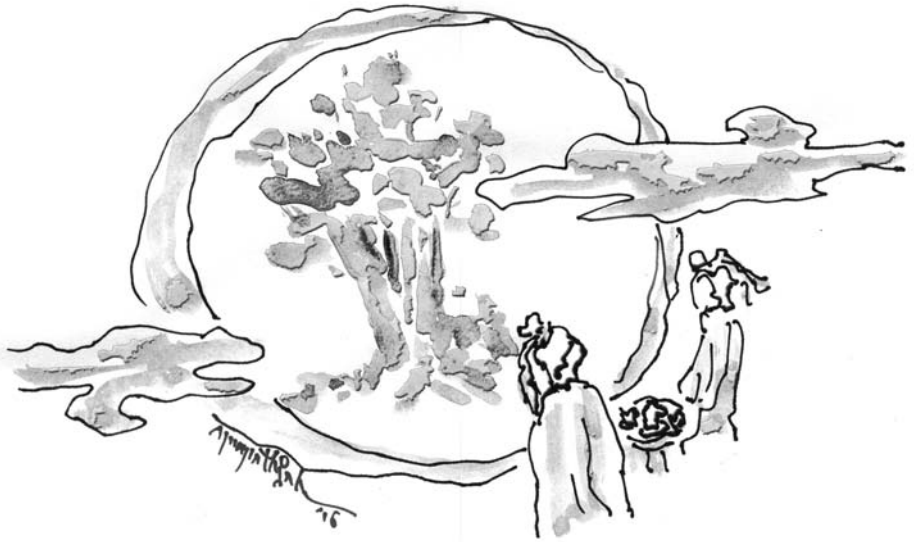
*Một lần qua sông vắng  
chỉ mình con mà thôi  
bờ cỏ lau sương trắng  
khóc đưa mẹ bên đò.*

*Mặt trời chiều đóm dáng  
nhuộm tím phía chân mây  
con vẫn là con đây  
giữa dòng đời... gọi mẹ.*

*Lạc giữa dòng chơi vơi  
vụng tay chèo lội ngược  
bơi mà không biết được  
thành hay bại giữa đời?*

*Con gió về rất khẽ  
cánh bèo buồn... lặng trôi  
mẹ hãy ngủ bên đò  
cho tình con... tình thức!!!*

## *Vịnh Nguyệt Thi*



Đêm càng khuya. Mưa đã tạnh. Chuyện sôi nổi, rôm rả của nam phụ lão ấu đón Trung thu từ đầu hôm đã biến mất. Phantran vẫn còn tiếc rẻ... Ước gì giờ này là đầu hôm, việc tổ chức sẽ vui hơn nữa! Vừa tính đóng cửa đi ngủ, nhưng bên kia đường vẫn còn hai cụ dáng vẻ uy nghi tiên phong đạo cốt, oai phong lẫm liệt. Cả hai đang uống trà ngắm trăng ngâm thơ, một cụ kêu:

- Chú em! Qua đây chơi với lão chút xíu cho vui rồi ngủ!

Hình như có một hấp lực nào có cuốn hút mình nên Phantran gật đầu liền:

- Thưa cụ! Cháu vâng ạ!

Phantran vừa qua đường, một trong hai cụ kéo ghế mời ngồi:

- Chú em đừng ngại, hãy ngồi nói chuyện tí xíu rồi về mà!

Phantran liền nói:

- Thưa cháu chưa từng quen biết nhị vị tiền bối, xin cho cháu được vô phép hỏi quý tánh đại danh của hai cụ ạ?

- Hi... Chú em khôn dữ a! Chưa tự giới thiệu mà hỏi lão trước! Được, nhưng mà lão già quá rồi, tên họ hình như quên mất, chỉ biết quê hương có núi Tản Viên và sông Đà! Thiên hạ thường gọi lão phu là Tản Đà tiên sinh đó. Hi hi!

Cụ còn lại cũng tự giới thiệu:

- Còn tớ thì đi thi không bao giờ đậu cử nhân, bách tính thường gọi tớ là bác Tú Xương đó. Hi hi!

- Thưa... Còn tiểu tử vốn bất hiếu vì chẳng làm được theo mong ước của song thân, do đó tên tuổi không dám nhắc đến rất ư là hổ thẹn, nên tiểu tử dùng họ Phan của phụ thân và họ Trần của mẫu thân làm hiệu là Phantran vậy!

Hai cụ khen:

- Hay lắm á! Tuổi trẻ đời nay ít ra cũng còn sót một chút khí phách. Nào, bây giờ chúng ta mỗi người ngâm một bài thơ có ý về trăng đi và uống một chung trà nhé!

Cụ Tản nhìn trăng nói:

- Lão phu buồn bực chuyện đời thế thái nhân tình, thôi thì “ngâm” một bài về chị Hằng, chú Cuội nhé!

*“Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi,*

*Trần thế em nay chán nửa rồi!*

*Cung Quế có ai ngồi đó chửa ?*

*Cành đa xin chị nhắc lên chơi.*

*Có bầu có bạn, can chi tủi,*

*Cùng gió cùng mây, thế mới vui.  
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,  
Tựa nhau nhìn xuống thế gian cười!” ...*

Phantran và cụ Tú vỗ tay khen. Cả ba uống tuần trà ban sơ. Đến lượt cụ Tú nói:

- Tớ cũng thế, chuyện đời toàn là cỗi vô thường. Tớ gặp cậu em này sao mà gần giống như chuyện của mình. Tớ “hát” thơ một bài nhé!

*“Trời không chớp bể với mưa nguồn  
Đêm nào đêm nao tớ cũng buồn  
Bối rối tình duyên cơn gió thoảng  
Nhạt phèo quang cánh bóng trăng sông  
Khăn khăn áo áo rày thêm chuyện  
Bút bút nghiên nghiên khéo đỡ tuồng  
Ngủ quách sự đời thay kẻ thức  
Chùa đâu sang sáng đã hồi chuông!” ...*

Phantran và cụ Tấn vỗ tay khen ngợi, uống tuần trà thứ hai. Đến lượt mình, Phantran kinh hãi liền nói:

- Bẩm nhị vị tiền bối, xin tha cho tiểu tử ạ! Tiểu tử không dám vô lễ đánh trống qua cửa nhà sấm ạ! Gặp nhị vị nửa đêm sao giống gặp ma quá hà! Hic, hic, hic!!

- Không được! Hay dở gì cũng phải một bài hoặc vài câu. Nếu làm không ra, ta đổ nhà mi chạy thoát khỏi tay ta! Có làm hay không thì bảo?

-Ồi... Chết tiểu tử rồi! HUUUU... Nửa đêm giờ tí canh ba, gặp nhị vị tiền bối cái kiểu như thế này, tiểu tử làm sao có được cái yên-sĩ-phi-lý-thuần mà làm! HUUUU! Tiểu tử lỡ dại post ở blog web, giờ xin “tụng” thơ lại áh!

- Được! Mà tựa gì ?
- Thưa... “Hôn trăng” ạ!
- Tụng nhanh lên!

- Vâng ạ... HUUUU...!  
“Hẹn thề năm ấy những vần thơ  
Tình đầu xa xăm vẫn đợi chờ  
Từng đêm trắng sáng bên nhau thức  
Đếm những vì sao bao mộng mơ  
Người đầu trăng đầy hẹn giờ  
Nôn nao ngày đến đêm mờ mờ sương  
Bóng em đã tỏ bên đường  
Nhìn em vừa gặp đã dường như yêu  
Thế gian một nét diễm kiều  
Đất bằng đã nở những chiều đầy hoa  
Ước nguyện gắn bó đôi ta  
Sóng tình đã dậy ai mà cấm ngăn?  
Hàn Mặc khi xưa đã bán trăng  
Ta mua nhưng nhắn với em rằng:  
Treo lên nhìn ngắm qua mây gió  
Hôn tẩm thân ngà có biết chăng?” ...

Hai cụ vỗ tay khen hay, cả hai châm trà và cùng nói:

- Hảo tiểu tử! Nhưng nghe vô lý quá! Muốn hôn như vậy thì cái mỏ của mi phải dài lắm nên với thò tới trăng mà hôn lên thân ngà... Trà châm tam tuần... Tiểu tử dùng trà ngay!

Phantran tức mình liền trả treo:

- Thừa tướng tượng mà! Chẳng nhẽ cành đa mà quơ được người phàm đem lên cung Quảng hay sao ạ?

- Tiểu tử vô lễ! Dám nói trèo à? Hãy uống trà và mau túm áo, rồi theo ta về tiên cảnh để ta dạy dỗ mi lại!

Phantran sợ phát khiếp bỏ uống trà, thừa lúc hai cụ sơ ý, Phantran bèn ù té chạy băng qua đường nhưng đập nhằm phải vỏ chuối và té cái “ạch”! Lúc giật mình tỉnh dậy, nhìn đồng hồ thấy đã hơn 03 giờ sáng, toàn thân đầy mồ hôi ướt như tắm!!

P.T.D

## *Chân Dung Mẹ*

*Mẹ ngồi mong manh quá  
Mùa thu vàng chiếc lá  
Gió chiều nghiêng phía xa  
Khói lam ôm mái nhà*

*Từ độ về với cha  
Những ưu tư gằn lại  
Mẹ xa thời con gái  
Nhọc nhằn quen nếp vai*

*Đất nước thời chia hai  
Cha đi vào quân ngũ  
Mẹ cô liêu thiếu phụ  
Gửi buồn trong lời ru*

*Tháng năm trôi mịt mù  
Mẹ gầy như áo cũ  
Thời gian như loài thú  
Mẹ bây giờ mùa thu !*

*Mẹ giấu mây vào tóc  
Trắng chiều hương cỏ may  
Mẹ cười như nắng vậy  
Sao tự nhiên mắt...cay ?!*

(2016)



## *Mẹ Tôi*

*(Kỷ niệm ngày Mẹ tôi quy y Phật  
tại chùa Hoàng Pháp huyện Hóc Môn, TP.HCM, 2007)*

*Mẹ tôi hằng ngóng bên sông  
Xuân trôi biển biệt cha không trở về  
Sắc màu chinh chiến qua đi  
Cỏ cây vườn nội bốn bề hoang sơ  
Mẹ tôi chôn một giấc mơ  
Nuôi con giấu lệ, tiếng ru se lòng!*

*Rồi con mẹ cũng lớn khôn  
Đưa lưu lạc, đưa biển đông không về!  
Tượng buồn bóng đổ đường quê  
Trăng vàng võ rụng sau hè tịch liêu.  
Bếp lòng giờ tắt lửa yêu!  
Sâu in tóc trắng bóng chiều bay qua!*

*Thân cò nghiêng lá... nghiêng lá...  
Đời thắm lặng mẹ câu ca dao buồn!  
Cũng đành sợi nhớ sợi thương  
Mẹ tôi nhẹ gót vô thường bước đi!  
Dòng đời cát bụi lưu ly  
Mẹ là vàng sáng diệu kỳ đời con!*

*Câu thơ dâng Mẹ chưa tròn  
Chữ hiếu  
Quặn lòng con khóc  
Mẹ ơi!*

## *Lời Ca Của Gã Cùng Tử*



Dòng sông đen ngòm chảy quanh thành phố; lặng lẽ trôi bên những lâu đài và những căn nhà tối tăm xiêu vẹo; luồn dưới những cây cầu nhỏ bắc qua hai bờ rác rến. Ai người thức/ngủ bên sông. Đêm ngày lao xao tiếng nói, giọng cười, và đôi khi là tiếng gầm thét của bão giông, sấm chớp. Lang thang đầu ghềnh, cuối bãi. Vời vơi mắt nhìn trời xanh. Ngồi một chỗ lắng nghe sông dài chuyển động. Quyện theo gió vẫn là hương thơm quen thuộc từ đồng nội kéo về. Ôi, nhớ nụ cười của Cha.

Ngày con bỏ nhà đi hoang, Cha không buồn cản lối. Lặng lẽ ngó theo. Ngón tay điểm về đầu núi biếc có vàng trắng lơ lửng tầng không. Con ương ngạnh, hãnh tiến, không quay đầu. Ngày dài tháng rộng trời lẫn dòng đời cuộn sóng. Si mê khát ái chìm con ngập ngụa sinh lây. Chơi với chơi vui cũng chỉ níu được một ngón tay suôn. Dật dờ lê theo bóng mộng. Khóc tràn những giấc mơ hoa.

Thoạt khi tỉnh giấc, chỉ muốn quay về nũng nịu bên Cha, vùi một cái xoa đầu. Nhưng con đường, sao dài xa hun hút. Ôi là nhớ, mắt hiền Cha vẫn dõi theo. Không lời oán trách con hư. Nhấn nại ngón tay điểm nguyệt.

Bên dòng sông đen, nồng nặc vạn loại tử thi và rác rưởi, con đã nhiều lần buồn nôn, quay mặt. Thế nhân sao đầy tham lam, ngoa ngụy, cuồng si, hiểm ác...! Nhưng nhớ về Cha: đã từng chăm sóc, tắm rửa cho người học trò bệnh kiết lỵ té vào đồng phân và nước tiểu hôi hám; đã từng thu nhận kẻ gánh phân làm môn đồ thân cận; đã từng tận tụy xỏ kim vá áo giúp người học trò mù... Cha là bậc tôn quý, không nhòm gớm người bệnh, không phân biệt giàu/nghèo quý/tiện, từ ái bao dung với tất cả... thì một cùng tử vô minh bạt mạng như con có gì đáng hổ thẹn, đáng kiêu hãnh mà quay lưng với Cha, quay lưng với đời!

Ôi, thử tưởng tượng đời sống này không có Cha! Một khi trôi lãn, biết đâu neo về! Bầu trời sẽ tăm tối hơn. Dòng sông sẽ ngàu đục thêm. Và thế nhân, như những người mù quờ quạng, suốt đời bám víu vào những ngẫu tượng, cúi mình làm nô lệ cho những thần linh. Không có những cuộc tìm trăng thơ mộng. Không có những cuộc lang thang kỳ thú. Không có Cha, bóng đêm sẽ che lấp tất cả con đường...

Rồi từng ngày qua, con vẫn lê la bên dòng sông đen kịt, đặc quánh những tạp chất; nhưng con biết Cha vẫn tin yêu đưa con hoang nghịch; con biết Cha không bao giờ bỏ rơi con, vẫn từ hòa an nhẫn chờ đợi ngày con trở về... Và ở tận cùng sâu thẳm bản tâm, con thâm cảm như Cha từng dạy, rằng nơi một cùng tử lang bạt vẫn hàm tàng khả tính yêu thương và trí tuệ như Cha, rằng từ dòng sông đen ngịt kia, vẫn có thể sinh xuất những kỳ hoa dị thảo, và dù thế nào, vẫn có thể phản chiếu ánh vàng rực rỡ của vàng trắng bất diệt.

V.H.

## *Mưa... Tình*

*ừ mưa... mưa nữa đi cung  
mưa cho trái đất ướt rung rung người  
ở đây đã có một thời  
xin ta đừng khóc giữa trời yêu đương*

*mưa từ lâu... đã vô thường  
tình từ lâu... đã lụi đường con tim  
em đi phó xá nhún chòm  
ngày quên nắng đợi nỗi niềm giữa nghiêng*

*đêm về nghe nỗi oan khiên  
quàng vai cô độc rất riêng một mình!  
mỗi lần mưa mỗi mới tình  
lòng ta rất cũ lặng thình khóc thâm*

*thịt da từng tế bào bầm  
để nghe quá khứ ngấm ngấm lệ tuôn!*

## *Nghiệp*

*hạnh phúc treo tường nghe tích tắc  
đau khổ mỗi ngày lúc lắc trôi  
thời gian biến chuyển như canh bạc  
thành bại hình như sắp sẵn rồi*

*lòng người khôn nạn hơn ta tưởng  
nên chẳng còn chi để tiếc thương  
cõi mù mở mắt theo trăn hướng  
thấy một lần ranh giữa vô thường*

*ta từ một chỗ khoan dung đứng  
ngâm lại từ xa chốn Phật ngôi  
Niết Bàn sau khuấy mộ bia dựng  
cuối tận chân trời cuộc nổi trôi*

*phù sinh ngái ngủ nằm thêm thiếp  
bỗng thức thành linh hét thát thanh  
tuổi già chập chững đi gom nghiệp  
bất giác lượm lên một chữ hành.*

## Nhớ Những Tiếng Rao Đêm



Một buổi tối cuối tuần Sài Gòn mưa tầm tã, tôi đang ngồi buồn nẫu ruột và bỗng dung thèm “Giờ này mà có một chén chè đậu đen nấu nước dừa đường cát thì... hết ý!”. Nhưng thèm để bụng vậy thôi, chứ đã 10 giờ đêm mà trùm áo mưa, đạp xe ra phố tìm mua chè, chắc tôi không siêng làm chuyện này.

Tôi nhớ cách đây mấy chục năm, khi gia đình tôi còn ở quận 5, cũng vào những đêm mưa, khi chị em tôi thèm một món ăn vặt nào đó mà lười ra phố, chỉ cần kiên nhẫn ngồi nhà đợi, thế nào một lát cũng có những người gánh hàng rong đi ngang. Trong số đó, tôi thích nhất tiếng rao... “*Ai ăn chè đậu đen nước dừa đường cát hôn?*” của một cô bán chè. Chè đậu đen của cô rất ngon, ăn rất vừa miệng. Chẳng những thế, giọng rao của cô lạnh lót và rất ngọt ngào như những chén chè cô bán. Tôi ăn chè

của cô riết rồi đâm ghìên luôn tiếng rao. Những hôm cô có việc về quê, tạm nghỉ bán, tôi thấy buồn buồn, trong lòng hình như thiếu thiếu một cái gì đó!

Khác với tôi, hai bà chị lại ghìên hột vịt lộn của một chị bán hàng rong. Cứ khoảng 9 giờ tối, hai chị ra balcon đứng lóng ngóng. Chỉ cần nghe từ phía đầu phố tiếng rao “*Ai ăn hột vịt lộn hôn?*” là cặp mắt của các chị tôi sáng rỡ. Chờ cho chị gánh hàng rong tới gần nhà, các chị kêu lớn “*Vịt lộn!*”, rồi đặt tiền vô trong giỏ đã cột sẵn dây, nhẹ nhàng thả xuống sân. Chị bán hàng căn cứ theo số tiền, nhanh nhẹn để trứng lộn, rau răm, muối tiêu, chanh, ớt... vào giỏ, rồi quang gánh lên vai, vừa đi vừa tiếp tục rao “*Ai ăn hột vịt lộn hôn?*”...

Tôi để ý hình như các chị, các cô gánh hàng rong ngày xưa rất thích... “*hôn*”! Bằng chứng, thay vì rao “*Ai ăn chè đậu đen nước dừa đường cát không?*” thì họ lại rao “*Ai ăn chè đậu đen nước dừa đường cát hôn?*”. Từ “*hôn*” khi rao lên nghe ngọt ngào, êm ái hơn từ “*không*” nghe... hơi bị cộc lốc! Chúng tôi người bán hàng rong xưa cũng rất “*tâm lý*”, ngay cả trong câu rao hàng.

Nhưng chưa hẳn rao dài, có lớp có lang như chị bán hột vịt lộn và cô bán chè nói trên mới “*chiêu dụ*” được khách. Một khi con thèm về món ăn nào đó nổi dậy thì khách hàng sẵn sàng ủng hộ ngay chẳng cần biết người bán rao như thế nào. Tôi nhớ ba mẹ tôi lúc còn sống rất thích món chè mè đen của một chú bán hàng người Hoa tên chú Mẫn. Chú chỉ rao ba từ “*Chí mà phũ..ủ..*” thôi, đã thu hút biết bao khách hàng, trong đó có ba mẹ tôi. Tuy rao chè mè đen nhưng trên xe của chú Mẫn lại có tới ba loại chè: mè đen, đậu phụng, đậu xanh, ai thích loại gì mua loại đó.

Một bà cụ bán hàng rong cũng có tiếng rao cực ngắn nhưng hàng của bà cũng bán rất chạy. Đêm đêm, bà đẩy chiếc xe

đạp, phía yên sau là một bao nhựa to, vừa đi vừa rao “*Bắp đây..  
ây...*”. Bà con trong khu phố thương tình bà đã cao tuổi còn đi bán vất vả như vậy nên rất ủng hộ sản phẩm bắp luộc nóng hôi vừa thổi vừa ăn của bà...

Thời buổi kinh tế thị trường, các hàng ăn mọc lên như nấm, nhiều nơi tổ chức chợ đêm, trong đó có khu ẩm thực bán đủ các món ăn. Ở phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú nổi tiếng một khu phố gọi là “*phố ăn uống*” chuyên môn bán thức ăn thức uống vào ban đêm. Buổi tối, thêm món ăn gì cứ chịu khó đến đây là được thỏa mãn dạ dày ngay, từ cơm tấm, hủ tiếu, phở, chè, cháo đến sinh tố, bún măng, bún bò, bánh cuốn, bột chiên... không thiếu thứ gì. Thật phong phú!

Thế nhưng không phải ai cũng siêng đến các chợ đêm, các “*phố ăn uống*” nên những gánh hàng rong vẫn tồn tại theo thời gian, giúp người nghèo buôn bán kiếm sống qua ngày. Bên cạnh những tiếng rao mọc, những người bán hàng rong có điều kiện khá hơn một chút cũng đã “hiện đại hóa” việc rao hàng bằng cách thu tiếng rao vào băng, đĩa rồi phát lên đoạn băng đó ở những nơi họ đến bán. Điều này giúp cho họ giữ được phần nào sức khỏe trên những nẻo đường sinh nhai vì đỡ phải hụt hơi, khản giọng những khi trái gió trở trời.

Nhưng nói gì thì nói, nghe một tiếng rao mọc bằng chính giọng của người bán hàng rong vẫn thấy sinh động hơn, thích hơn nghe qua ampli, loa; cũng như nghe một ca sĩ hát live bao giờ cũng khoái hơn nghe hát nhép hoặc nghe qua băng, đĩa. Cho nên đến bây giờ đầu đã hai thứ tóc, tôi vẫn bồi hồi khi thỉnh thoảng nghe một người gánh hàng rong nào đó cất tiếng rao trong đêm “*Ai ăn chè đậu đen nước dừa đường cát hôn?*”. Nghe mà phát nhớ cô bán chè có giọng rao ngọt ngào, lạnh lớt ngày xưa quá!!

N.H.T



## *Về Thăm Mẹ*

*Con về thăm mẹ chiều nay  
Nhìn thân gầy yếu lòng ray rứt buồn  
Từ khi tuổi trẻ chân giòn  
Bôn ba mấy nẻo áo cơm cuộc đời*

*Bao lần vui giữa rong chơi  
Mấy lần con chợt nhớ thời xa xưa?  
Chậm buồn nhịp võng ru trưa  
Con đi mẹ đợi, nắng mưa mẹ chờ*

*Biển xô sóng cứ vỗ bờ  
Quê xa đường cũ bụi mờ cỏ lau  
Mẹ tôi giờ tóc trắng phau  
Ngồi im nghe nắng đổi màu thời gian*

*Tay trong tay mẹ dịu dàng  
Mà sao nước mắt chảy tràn lòng con!*

## *Tịnh Tâm*

*Vén mây để thấy nắng về  
Thấy trong hư ảo u mê chất chồng  
Nhớ lời thuyết giảng ghi lòng  
Mong về bờ giác, sen hồng tựa nương.*

*Bao năm đi gió về sương  
Chân mòn, xác rã, thịt xương mỗi nhừ  
Đi trong bóng tối sương mù  
Giữa đời hiu quạnh, Chân Như vẫn còn.*

*Ước ao hạt chuỗi xoay tròn  
Nhất tâm, thành kính, lòng con nguyện cầu  
Bụi trần phủi sạch trắng phau  
Tâm từ khởi dậy, ánh màu chân tu.*

## *Vu Lan*

*Hoa hồng đỏ, em cài trên áo  
Mùa Vu Lan hiếu đạo làm con  
Công Cha nghĩa Mẹ tựa non  
Một lòng hiếu thảo, vuông tròn trước sau.*

*Ân dưỡng dục thâm sâu vô lượng  
Nghĩa sanh thành vượt ngưỡng trời cao  
Nuôi con chẳng quản công lao  
Ngày đêm vất vả biết bao nhọc nhằn.*

*Mong con sáng như vàng trăng tỏ  
Dù Mẹ Cha có bỏ thân này  
Mồ hôi trút xuống ruộng đầy  
Chỉ mong con được tháng ngày yên vui.*

*Đời Cha Mẹ chôn vùi khao khát  
Cũng vì con tóc bạc lưng còng  
Mong con có nụ cười hồng  
Chim Bằng rộng cánh, sổ lồng tung bay.*

*Rằm tháng Bảy là ngày đại lễ  
Nhớ thâm ân cội rễ sinh thành  
Một lòng hướng thiện gieo lành  
Tích công góp đức lòng thành báo ân.*

## *Cho Những Ai Còn Mẹ*



Ở tuổi “lục thập hoa giáp” như tôi mà được sống với mẹ thì hơi hiếm!

Mẹ tôi là người học không nhiều, từ quê lên thành phố lận lộn thân cò, một gánh hai vai. Lo cho gia đình, lại lo cho bà ngoại và anh em ở quê khổ vì chiến tranh.

Ba tôi mất lúc mẹ mới 50. Mẹ ở vậy nuôi chúng tôi ăn học. Mẹ cùng tôi làm tất cả việc mà đàn ông phải làm như: xây bếp, trảng nền nhà, leo lên mái nhà chống dột, giữ nhà bị trộm rình... Biết bao gian khổ mẹ vượt qua để lèo lái con thuyền nhà tôi đến bến bờ hạnh phúc.

Bây giờ, bà vẫn tinh tường nhớ hết mọi việc, khỏe mạnh dù bao tử hơi yếu. Mẹ tôi không nói nhiều, chẳng dạy khôn dạy khéo như các bà mẹ khác. Cách làm việc, cách đối xử với bà con lối xóm, hiếu thảo với bà ngoại là bài học mà chị em nhà tôi thấm nhuần. Tôi biết ngày tôi xa mẹ cũng gần kề và tôi luôn trân trọng những giây phút còn được sống bên mẹ. Thương mẹ, tôi cố gắng làm cho bà vui bằng mọi cách. Hơn thế, tôi làm các việc tốt để hồi hướng cho mẹ khỏe, sống lâu. Tôi cũng chuẩn bị tinh thần cho ngày mà duyên phận mẹ con không còn.

Bạn cũng vậy, chúng ta cùng nhau mừng Vu Lan nha! Chúc Mẹ yêu khỏe mạnh, vui vẻ cùng con cháu. Nhớ lì xì tiền, vì người già thích có tiền để cho lại con cháu. Cảm ơn Trời Phật đã cho tôi hưởng niềm vui còn mẹ...

P.T.K

## *Em Đã Muôn Phương Cánh Lạc Loài*

*Từ thuở yêu em trắng mắt đời  
Nửa vầng hoang hoải ánh vàng rơi  
Nửa kia hóa nguyệt tương tư bóng  
Trên những tầng đêm buốt ngực trời*

*Em của ngày xưa của bề bàng  
Ta ôm thao thức đếm mùa sang  
Nỗi hanh hao gió từng thu tiếc  
Mây hững hờ trôi giấc mộng ngàn*

*Lối cũ ta về sương trắng bay  
Gót mòn lá cỏ xót hình hài  
Nụ hôn vàng vắt còn hơi ấm  
Em đã mười phương cánh lạc loài*

*Ngỡ tưởng tháng năm đã nhạt nhòa  
Mười năm và mộng đã trôi qua  
Lập đông gió buốt hồn ngoi ngóp  
Tiếng vọng miền xưa lại vỡ òa*

*Ngoảnh lại còn ta một góc ngời  
Thả trong chén đắng giấc mơ coi  
Uống cho hốc mắt đầy vui lệ  
Rót chuốc đêm tàn dĩ vãng trôi.*

## *Chợt Nhớ Quê Xa*

*Tình cờ đến thăm nhà bạn sớm hôm qua  
Đạo quanh sân vườn mắt tôi mờ lệ  
Lâu lắm rồi tôi như được trở về nhà  
Cả con mực cũng như quen hơi chủ  
Vẫy đuôi mừng nhường chỗ, mắt tôi cay!*

*Đứng tần ngần thật lâu nhìn đám mây trôi  
Nhớ sao là nhớ in như cảnh quê xa ngày ấy  
Nhớ đám lá mía xanh non bén ngót nút tận chân trời  
Lùng lững chiếc ghe vòm kỷ niệm  
Vén trời mây cho ngày xưa sống dậy.*

Bến sông tím lục bình dạt dờ trôi buổi trưa hè năm ấy  
Mẹ dắt díu hai con rời bỏ chốn yên bình  
Mẹ khóc ròng biết ngày tháng sẽ điêu linh  
Thằng bé trai năm tuổi ôm đũa em gái ba tuổi dỗ dành  
“Thôi, nín đi cưng! Sao cứ khóc hoài... còn khóc nữa!” ...

Mẹ bệnh nhiều phải vào nằm nhà thương thí  
Thập thò chờ bác sĩ khám bệnh xong, lên ra bếp nấu com (\*)  
Tối giấu hai con nằm chen chung giường bệnh  
Đau rát lòng nghe câu hỏi: “Cha chúng mất hay còn?”

Vừa khỏi bệnh mẹ không từ nan khó nhọc  
Chắt chiu từng manh áo miếng com, gượng gờ trong tiếng nấc  
Năn nỉ người ta chuộc đũa em út ba cho (\*\*)  
Người ta tử tế cứu con mình qua cơn thập tử nhất sinh  
Phải đền đáp cho vẹn tròn đạo nghĩa!  
Ôm đũa con út trong tay mắt ngậm ngùi rớm lệ  
Vây là từ đây, con ba đũa chung bầy.

Cám ơn những người bạn, cám ơn cơn mưa chiều hôm ấy  
Hơn sáu mươi năm tôi được chìm trong giấc ngủ quê nhà  
Đến thăm nhà bạn, nao lòng, nhớ lắm chốn quê xa  
Quê nhà bạn giống như in quê nhà tôi thuở nhỏ...

.....  
(\* ) Nhà thương thí Long Xuyên, có chỗ cho người nuôi bệnh nấu com.

(\*\* ) Má tôi bệnh nặng phải phẫu thuật, ba tôi đem cho đũa em gái út.

# QUÁN CHIẾU

◊ Thơ: Phạm Đông Hoàng

Nhạc: Đặng Phát

Chậm

The musical score is written on ten staves of a grand staff (treble clef). The key signature has two flats (B-flat and E-flat), and the time signature is 2/4. The tempo is marked 'Chậm' (Slow). The lyrics are written below the notes. The score includes various musical notations such as notes, rests, and dynamic markings.

Nỗi buồn như giọt nước Niềm vui như nắng chiều Xin  
qua đi phiền muộn Như con suối tình yêu Xin qua đi niềm  
vui Như đá sấu mong đợi Rồi ngàn năm xanh rêu Rồi  
ngàn năm diệu vợi. Nỗi buồn như giọt nắng Niềm  
vui như gió ngàn Hãy vươn lên cỏ mục Khi mưa chiều làm  
than Hãy quay về nước đọng Khi cát vàng khô khan Hoa  
nào trong cỏ rới Gió lùa hương thềm thang Nỗi  
buồn như gộp đá Niềm vui như phim đàn Lời ca trên cung  
mây Gọi mưa về trên lá Lời kinh trên thính không Gọi



chim về ca múa Tấu lên đi cung bậc Cho mưa về giòng  
 sông Nỗi buồn như cỏ úa Niềm vui như lá vàng Những  
 sớm mai yên lặng Những buổi chiều đi hoang Kia hư không hoa  
 dóm Tráng bên bờ không gian Cho ai lời cay đắng Cho  
 ai lời gian nan Nỗi buồn như sợi tóc Niềm  
 vui như dấu hài Bước qua đôi tường nhớ Sợi dãi sợi vắn  
 mưa Bước qua suối hồng xưa Nhật cảnh hoa trắng rụng Tim  
 sợi tóc đánh rơi Trên đôi núi chấp chùng Nỗi  
 buồn như rong rêu Niềm vui như sóng biển Hát lên đi trùng  
 dương Lời ca từ vô óc Hát lên đi rừng thông Rời  
 ngàn năm miền viễn Rời ngàn năm xanh rêu Rời ngàn năm lãng quên



# *Bồ Công Anh*

Người đi  
Biển cũng đi rồi  
Bờ xưa  
Con sóng  
Buồn vui xô bờ...

Người đi  
Hoa cỏ bơ vơ  
Buồn không?  
Gió nói  
Lời tơ môi mềm...

Người đi  
Nắng rải bên thềm  
Kìa ai đang đứng  
Giữa đêm  
Một mình.

---

**Nguyễn Hữu Tình**



Tập đoàn văn NHỮNG PHIẾN ĐOẠN

Mỗi phiến đoạn chỉ nhỏ xíu nhẹ như một làn hơi thở,  
dài như chiều dài một chiếc lá cỏ, hay như một vờn khói  
qua chiều thành thời...

Xin giới thiệu cùng cùng quý vị 3 phiến đoạn đầu:  
1. 2. và 3.

1.

*“Coming home...*

*Nothing*

*Looks familiar”*(\*)

**(Shane gilreath)**

Cơn gió nhẹ đầu chiều êm như một làn hơi thở khẽ lùa qua kẽ lá bước thành thoi vào căn phòng đột nát của người. Căn phòng bệnh hoạn - tương phản với tấm thân béo núc ních của người - xiêu vẹo trong những cơn mưa cuối mùa. Cơn gió đi thẳng vào phòng lục tung những trang viết vội còn đang để ngổn ngang trên bàn và trên cả nền nhà. Nhớn như đùa nghịch. Người ngồi im trong một góc phòng nhìn những trang bản thảo bay lang thang như những cánh bướm mùa xuân. Có lẽ giống những chiếc lá thu rơi vội thì hơn. Bất ngờ nó xốc tới túm lấy râu tóc của người xoắn lại thổi bù lên. Rồi bay qua cửa sau đi mất dạng. Người vẫn ngồi im nhìn mọi thứ trong phòng lúc này trông hệt như một khu vườn hoang sau cơn bão lớn. Ngổn ngang, rối bời. Có một chút hoang tàn xơ xác. Có một chút cô liêu hiu quạnh. Có một chút người. Và thêm một chút ngợm. Giấy tờ rác bụi vung vãi, mọi thứ lộn tung phèo cả lên. Trong sự lộn xộn ấy, người nhắm mắt, vẻ hân hoan tự sướng - tự tận hưởng một niềm vui đặc dị, một thứ lạc thú của riêng người... Sướng sướng. Lặng im. Mím cười... Người ngồi trong phòng. Khoảnh khắc một tuần trà mà như cả nghìn năm qua vội. Mạng nhện đã kịp giăng bám đầy râu tóc. Râu tóc người tua tủa như rễ si. Như rừng lá kim kết mảng trên người. Như cỏ hoang cuối mùa. Như đồng tranh ngủ muộn. Từng sợi từng sợi buông dài theo bao nhiêu năm tháng đã qua chợt đổ xuống chiều nay.

.....  
(\* ) Tạm dịch là: Về nhà - mọi thứ - dường như xa lạ

2.

Hoàng hôn bên dòng Nhau (\*) mỏng như từng sợi tóc dài vương trên gió. Chiều cuối đông đượm sâu, phẳng phất những mảng mây trời hơi hợt. Như bao chiều đã qua theo một kiếp người... Và từng kiếp người cứ mãi ra đi cho những chiều đông khép lại.

Quanh mình, dòng đời cuộn tròn theo từng phiến lá bay. Từng chiếc. Từng chiếc. Từng chiếc... Xếp vòng nối tiếp nhau xoay tròn giữa thình không, giữa những sợi mây buông chùng nhuộm hoàng hôn phố núi.

Lá theo mây/ Giăng sương lạnh/ Phủ dòng Nhau.

Mà dòng Nhau cứ trải từng đợt sóng trắng băng qua kẽ ghènh, khoả lên từng gộp đá. Màu trắng cứ bàng bạc giăng ngập cả buổi chiều như muốn giữ lại âm vang của sóng và cả bóng hình của sóng. Bọt sóng cứ tan mau, tiếng sóng cứ vỡ ròn rã miên man trôi qua bờ theo dòng cùng những cuộc vui bất tận.

Chiều ấy, người ngồi cùng dòng Nhau, sương chiều... và lá...

Vòng lá giữa lưng chùng trời mãi tung tăng cười...

Người nhìn lá/ Lang thang cười./ ...Cùng dòng Nhau.

Tiếng gió qua kẽ lá, tiếng gió qua dòng Nhau. Mỗi bước đi là mỗi tiếng cười. Hàng vạn tiếng cười thâm kết từ nghìn năm dường như tụ hội về trên dòng Nhau trong buổi chiều hôm ấy. Như bản hòa âm bất tận. Như một miền hồi ức buông dài. Như một triển mây trắng trôi dài...

.....  
(\* ) Nhau: là tên một dòng sông chảy ngang qua xã Sơn Giang, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Cảnh trí hai bên bờ sông rất ngoạn mục. Cây đẹp! Đá đẹp! Cảnh sắc cứ bông bông trong sương sớm, trong nắng và đặc biệt là vào lúc hoàng hôn khi những tia nắng cuối cùng của ngày vờn đuổi nhau trên mặt sóng nhấp nhô trượt qua mặt ghènh...

3.

... “Khúc Thụy du” - người viết tặng tôi một chiều mưa. Như một lần, phố nhỏ trời mưa, dòng tin nhắn rời tay người theo dòng mưa trôi về tôi: “Người đi mưa dài phố nhỏ/ Ngày mưa có phải nhớ người ?”

Một lần tiễn người đi, tôi lặng thầm bên bàn ngồi hát *Khúc Thụy du*. Phố heo may bất chợt đổ mưa. Mưa theo gió lang thang qua trời mang theo người để lại tôi - *giọt mưa khô* - bên cánh hồng tỉ muội.

...

Những cánh hồng - xa bàn tay chăm sóc của người - cứ mỗi ngày rụng dần. Người nói *lá rụng về cội* nhưng những cơn gió lạc loài cứ thổi tung những phiến lá cùng những cánh hoa nhỏ bé bay lang thang khắp phòng. Tôi nhẹ gom từng chiếc đặt dưới gốc hồng giờ chỉ còn tro thân. Lòng thầm nghĩ hoa cũng như người, có lẽ nó cũng đang buồn cho thân phận hẩm hiu của mình. Dường như trong thế gian này mỗi một sinh mệnh đều có linh hồn và tình cảm không cứ gì riêng phải là con người.

*Hãy nói về cuộc đời/ Khi tôi không còn nữa / Sẽ lấy được  
những gì / Về bên kia thế giới/ Ngoài trống vắng mà thôi/  
Thụy ơi và Tình ơi!*

Thời gian qua, tôi vẫn hát. Hát và hát.

... Hát cùng những chiều mưa - những chiều mưa cứ thoảng qua bất chợt, đến vội vã và cũng ra đi vội vã. Chiều nay như mọi buổi chiều khác dòng mưa lại ập đến bất ngờ. Cả thành phố căng mọng như một giọt mưa lớn mang trên mình hàng triệu giọt mưa nhỏ từ trời. Và người người trên phố cũng làm thành những giọt mưa... Mưa rơi và mưa cứ mỗi lúc một rơi nặng hạt xối lạnh vào lòng phố. Tôi đến thành phố này chưa lâu nhưng cũng đã nếm trải ít nhiều cảm giác về mưa ở miền đất này. Tôi và mưa có

duyên gặp nhau trong những khoảnh khắc tình cờ. Những ngày lang thang trên phố... Hay những đêm thao thức... Mưa và tôi chìm khuất trong nhau. Ngày ấy nơi góc quán *Nhạc Trịnh* (Quy Nhơn), tôi viết vội mấy dòng lãng đãng khi nghe người nói về mưa: *Trời buồn làm người đau / Người buồn nhìn trời sầu / Trời mưa, người nước mắt / Lãng tâm gọi tên nhau.* (Dị khách).

*Như loài chim bói cá/ Trên cọc nhọn trăm năm/ Tôi tìm  
đời đánh mất/ Trong vũng nước cuộc đời/ Trong vũng  
nước cuộc đời/ Thụy ơi và Tình ơi!*

... không phải là chim bói cá, không phải là ánh trăng già, giữa vũng nước cuộc đời này, tôi và người chỉ là những giọt mưa rơi vội. Sợ lặn mình trên lá làm đau lá / Sợ đắm ướt mắt người làm đau người...

... Tôi thích hát *Khúc Thụy du* (\*), người thích *Nhìn những mùa thu đi*. Và người như những mùa thu mãi đi hoài theo năm tháng. Chiều nay người đi. Tôi thêm một lần làm người ở lại, nhìn theo bánh tàu lặn dần về xa. Tôi và người giống những chiếc lá thu rời cành, trong cơn mưa chiều, rơi chầu lưng vào nhau. Dòng tin nhắn năm nào xin gửi lại cho người: “Người đi mưa dài phố nhỏ/ Ngày mưa có phải nhớ người?”.

*... Hãy nói về cuộc đời/ Tình yêu như lưỡi dao/ Tình yêu  
như mũi nhọn/ Êm ái và ngọt ngào/ Cắt đứt cuộc tình đầu/  
Thụy bây giờ về đâu?/ Thụy bây giờ về đâu?/ Anh là chim  
bói cá/ Em là ánh trăng già/ Vì cách một mặt hồ/ Mà muôn  
trùng chia xa...*

(\*) Khúc Thụy du, một sáng tác của nhạc sĩ Anh Bằng.

(2\*) Nhìn những mùa thu đi, một sáng tác của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

## *Đừng Phai!*

*Ai ơi! Một thuở đại khờ  
Ô mai ngõ ngọt, tình hò qua tay  
Mê trên say khướt gió mây  
Rồi cài cay đặng lên vai mẹ thầy.*

*Còn đâu một thuở tóc mây  
Cho ai ngỡ ngẩn chen đầy gối thơ  
Tay cầm hai chữ mộng mơ  
Xuân thì bán đạo, một giờ tàn phai.*

*Tơ đâu vương mãi gót hài  
Dấu hoang vu gió, cũng cài chân sen  
Phòng loan cửa khép cài then  
Miền trinh bạch ấy trắng đen tỏ tường*

*Tùng ánh mắt, thám tận xương  
Trăm năm còn có con đường cỏ hoa?*



## *Tạ Tình*

*Này người tình ngoài xa xăm vạn dặm  
Xót xa chẳng khi nói tiếng tạ từ  
Thoì một thoáng rồi trôi vào quá khứ  
Ta không trách phiền người chớ băn khoăn*

*Này người tình đã một thời đắm thắm  
Hạnh phúc sẽ đây khi thử thách qua  
Ngọn lửa tàn rồi với bao mê đắm  
Xin được một đời Bình An trong ta*

*Này người tình với “vàng thom mật ngọt”  
“Một thoáng gió cười” giờ gửi lại ai  
“Cũng tàn vui” khi cơn mộng đắng cay  
Wướng vùi lại ngượng ngùng trong làm lỡ*

*Này người tình “còn trong tim nỗi nhớ”  
Bước tìm nhau quá trễ muộn điều linh  
Lời trao nhau trút ném mọi tội tình  
Chối bỏ hết đến cả từng hơi thở*

*Này người tình một lần cho quên lãng  
Thuốc lá, cà phê nuốt cạn nguồn cơn  
Tiếng nấc khô khan, tiếng cười xúc cảm  
Đành đuổi tay hàng căn kiếp “CÔ ĐƠN” ...*



LIÊN HIỆP CÁC HỘI UNESCO VIỆT NAM  
VIETNAM FEDERATION OF UNESCO ASSOCIATIONS

## CERTIFICATE



This is honor to certify that

**ĐẠO ĐỨC TOÀN CẦU UNESCO 2015**

**ĐẠI ĐỨC THÍCH PHƯỚC TỪ  
( PHẠM VĂN UT)**

**CHÙA LINH SƠN  
149 - PHƯỜNG CÔ GIANG - QUẬN 1  
THÀNH PHỐ - HỒ CHÍ MINH.**

This is given by:



CHỦ TỊCH

Date: 26/10/2015

*Nguyễn Xuân Thắng*

Vietnam Federation of UNESCO Associations reserved the Rights to issue this Certificate

**CHÚC MỪNG ĐẠI ĐỨC THÍCH PHƯỚC TỪ  
- NHÀ BÁO VÂN THANH (chùa LINH SƠN - Q.1) ĐƯỢC VINH DỰ  
NHẬN BẰNG ĐẠO ĐỨC TOÀN CẦU UNESCO 2015**

## *Bầu Xuân – Duyên Lành Phật Pháp*



Bầu Xuân (X) và các nghệ sĩ trong một chương trình từ thiện xã hội

*Đoàn hát Dạ Lý Hương ra đời năm 1962 tại Sài Gòn và tồn tại cho đến sau ngày đất nước được giải phóng. Đó là một đoàn hát nổi tiếng của miền Nam với các ngôi sao thời bấy giờ như: Út Trà Ôn, Ngọc Bích, Hoàng Giang, Văn Chung, Hùng Cường, Bạch Tuyết,... cùng các vở diễn ấn tượng: Tuyệt Tình Ca, Nỗi Buồn Con Gái, Thăm Kịch Tuổi Xanh, Trường Kịch 20 Năm, Lấy Chồng Xứ Lạ,...*

Nhưng ít ai ngờ rằng ông bầu của gánh hát này lại không phải là một nghệ sĩ, ông là một doanh nhân thành đạt, hiện ở tuổi U90 và đang tu học đồng thời cũng là Trưởng ban Quản trị của chùa Nghệ Sĩ (Nhật Quang Tự), một ngôi chùa là nơi thờ phượng, an nghỉ của hơn 700 nghệ sĩ, tọa lạc tại 116/6 Thống Nhất, phường 11, quận Gò Vấp.

Bầu Xuân là tên thường gọi của ông bầu Diệp Nam Thắng. Thuở nhỏ từng là du học sinh Hoa ngữ, Anh ngữ tại Hồng Kông, sau đó năm 24 tuổi về Sài Gòn thành lập Công ty Xuất nhập khẩu Nam Hiệp Công Thương ở đường Nguyễn Công Trứ. Công việc kinh doanh phát triển, ông tiếp tục làm chủ thầu xây dựng hãng thầu Nam Thắng, chủ hãng giấy Kiss Me và Giám đốc hãng phim Dạ Lý Hương vang danh một thời với các phim: *Con ma nhà họ Hứa*, *Chuyện tình Lan và Diệp*, *Triệu phú bất đắc dĩ*,...

Tuy không xuất thân từ giới nghệ sĩ, nhưng ông có cảm tình đặc biệt với giới nghệ sĩ và từng bỏ tiền ra nuôi dưỡng các nghệ sĩ trong gánh hát Hoa Thủy Tiên của bầu Hiếu khi gánh hát này tan rã vào khoảng đầu thập niên 60. Nhờ vào nghĩa cử này, ông được các soạn giả Bạch Diệp, Minh Nguyên khuyến khích ông nên lập một gánh hát mới để nuôi dưỡng các tài năng nghệ sĩ, thay vì làm nhà tài trợ!

Tán đồng gợi ý này, ông thành lập gánh hát Hoa Mùa Xuân vào năm 1962 do chính Diệp Nam Thắng làm bầu với số vốn ban đầu là 300 ngàn đồng (tương đương 30 lượng vàng), và vở diễn khai trương gánh hát này là “Tiếng Chuông Chùa Xá Lợi” của soạn giả Bạch Diệp – Minh Nguyên, một sự khởi đầu gắn bó với Phật pháp. Gánh hát lưu diễn từ Sài Gòn, qua Mỹ Tho đến Vĩnh Long và một số tỉnh miền Tây với số vé bán thật ít ỏi. Không nản lòng, ông tiếp tục đặt hàng soạn giả Thiếu Linh vở cải lương “Lòng Mẹ” với hai vai diễn chính là Tấn Tài, Như Ngọc. Và kết quả với số vé bán cũng không khả quan hơn lần trước.

Bầu Xuân quyết định giải tán Hoa Mùa Xuân và thành lập

đoàn hát Dạ Lý Hương vào năm 1963 với số vốn lên đến 3 triệu đồng cùng một Ban Quản lý đoàn hát gồm những nghệ sĩ nổi tiếng thời bấy giờ như: Năm Châu, Ba Vân, Thiếu Linh và hai soạn giả được công chúng yêu thích là Hà Triều – Hoa Phượng.

Đoàn hát Dạ Lý Hương đã dành nhiều ưu đãi cho giới nghệ sĩ lúc bấy giờ như lo toàn bộ chuyện ăn nghỉ khi lưu diễn và trả lương cao để nghệ sĩ sống được với nghề mình yêu thích. Nhờ đó mà Dạ Lý Hương đã trở thành một trong 5 đoàn hát được yêu thích nhất trong hai thập niên 60-70.

Từ hoạt động sân khấu này, bầu Xuân đã lọt vào tầm ngắm của nữ nghệ sĩ Phùng Há (Trương Phụng Hào), lúc bấy giờ bà đã cùng với các soạn giả: Năm Châu, Trần Hữu Trang, Ba Vân thành lập Hội Nghệ sĩ Ái hữu Trương tế từ năm 1948, văn phòng tại 133 Cô Bắc, Sài Gòn.

Một trong nhiều hoạt động của Hội này là tìm nơi an táng cho các nghệ sĩ quá cố, lúc bấy giờ có người đã bị xiêu mồ lạc mả do không có gia đình chăm sóc. Hội Nghệ sĩ Ái hữu Trương tế đã vận động tài trợ từ các nhà hảo tâm của trường đua Phú Thọ, mua được một miếng đất 6.080 m<sup>2</sup> tại Gò Vấp và chính thức hợp thức hóa chủ quyền vào năm 1958.

Năm 1968, ông Lê Minh Công (trợ lý ngoại vụ của NS. Phùng Há - sau này là Tỳ kheo Thích Quảng An) xây trong khuôn viên đất nghĩa trang một cái am nhỏ để thờ Phật và làm nơi nương tựa cho các vong linh nghệ sĩ đã được quy tập khắp nơi về đây được thính pháp văn kinh.

Được sự khuyến tấn của nghệ sĩ Phùng Há và Hội Nghệ sĩ Ái hữu Trương tế, bầu Xuân đã đóng góp một số tiền lớn để trùng tu am cốc của Tỳ kheo Thích Quảng An trở thành một ngôi đại hùng bửu điện, tức chùa Nghệ Sĩ (hay Nhật Quang Tự) ngày nay.

Năm 1972, bầu Xuân với cương vị là bầu chính của của đoàn Dạ Lý Hương, cũng là đại thí chủ của Nhật Quang Tự, ông được mời làm Chủ tịch Danh dự của Ban Quản trị và Nghĩa trang chùa

## Nghệ Sĩ.

Sau khi nghệ sĩ Phùng Há về cõi Phật vào năm 2009, bầu Xuân chính thức trở thành Ủy viên thường trực của Ban Quản trị nhà chùa, cùng với các vị Trụ trì trải qua các thời kỳ từ 1972 đến 1993, như: Đại đức Thích Quảng Tường (Bầu Thới), Đại Đức Thích Quảng Minh (NS. Thanh Tao), Thượng tọa Thích Huệ Trí (NS. Bảy Bá), Đại đức Thích Thượng Niệm (NS. Ba Cẩn), Thượng tọa Thích Hồng Minh (đương nhiệm Trụ trì) thực hiện các Phật sự cúng dường Tam bảo và cầu siêu vong linh nghệ sĩ và nhiều hoạt động từ thiện xã hội khác.

Trong những năm gần đây, nhà chùa đã kết hợp với các nghệ sĩ và nhà hảo tâm, tổ chức cả thầy 65 chuyến đi từ thiện khắp các vùng miền trên đất nước, đến những nơi vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người để tặng quà và giao lưu văn nghệ với dân chúng địa phương.

Hiện nay, chùa Nghệ Sĩ là điểm đến của giới nghệ sĩ trẻ trong thành phố vào những ngày sóc vọng. Họ đến để thắp hương cúng Phật, bái Tổ nghề, tìm hiểu về truyền thống của giới nghệ sĩ ở những thế hệ trước, đồng thời gặp gỡ những nghệ sĩ quá tuổi nghề đang nương nhờ cửa Phật. Các nghệ sĩ trẻ cũng đã sát cánh với Bầu Xuân để giúp đỡ những nghệ sĩ già neo đơn, thực hiện các chuyến từ thiện xã hội thường xuyên và tổ chức tại chùa các buổi diễn hướng thiện, khuyên con người nên làm lành lánh dữ và hướng tâm về cánh cửa Từ Bi.

Bầu Xuân - Diệp Nam Thắng không chỉ là người đóng góp nhiều công sức cho các hoạt động của giới nghệ sĩ cải lương trước đây, mà còn là một đại thí chủ của chùa Nghệ Sĩ. Ông đã sống quãng đời cuối cùng của mình với lòng từ bi, hướng thiện trong một ngôi chùa mà những bạn bè, đồng nghiệp của ông đã an nghỉ tại đó; và hẳn nhiên là sau nữ nghệ sĩ Phùng Há thì bầu Xuân là người mà họ biết ơn nhiều nhất tại ngôi chùa Nghệ Sĩ này!

V.T

## *Cúng Đường Âm Nhạc*

Lúc ấy, Đức Phật đang ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Ngày kia, trong thành có một nhóm các vị trưởng giả ăn mặc sang trọng, dùng các món trang sức như vòng, xuyên, anh lạc, các thứ hương hoa, với đủ cả đàn ca kỹ nhạc, cùng nhau đi ra ngoài thành vui chơi giải trí. Vừa đến cửa thành thì gặp Phật cùng với chư tỳ-kheo đang vào thành khất thực.

Các vị trưởng giả ấy nhìn thấy Phật đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chói sáng rực rỡ quanh thân, thì ai nấy đều thấy trong lòng vui vẻ, hoan lạc. Bọn họ liền đến lễ bái trước Phật, rồi dùng đủ các môn đàn ca kỹ nhạc mà dâng lên cúng dường Phật với chư tỳ-kheo. Tất cả liền quỳ mọp xuống, chí thành lễ Phật, cùng nhau phát nguyện rằng: “Chúng con ngày nay nhờ công đức xướng nhạc cúng dường này, nguyện trong đời vị lai sẽ thành chánh giác, độ khắp chúng sanh, giống như Phật ngày nay không khác”.

Khi các vị trưởng giả ấy phát nguyện như vậy rồi thì đức Thế Tôn liền mỉm cười, từ nơi trán, giữa hai lông mày phóng ra một đạo hào quang năm sắc chiếu khắp thế giới, hóa hiện đủ các màu sắc, bay quanh Phật ba vòng rồi lại theo chỗ trên trán Phật mà bay trở vào. Khi ấy, A-nan bạch Phật rằng: “Như Lai là đáng tôn quý, chẳng vô cớ mà cười bao giờ. Nay vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười, xin giảng giải cho được biết.” Phật bảo A-nan rằng: “Những vị trưởng giả này nhờ công đức cúng dường hôm nay, trong một trăm kiếp nữa, chẳng đọa vào các đường dữ, trong cõi trời người thường được hưởng những điều khoái lạc, cho đến khi thọ sanh lần cuối cùng đều sẽ thành Phật Bích-chi, có cùng một hiệu như nhau là Diệu Thanh <sup>(1)</sup>. Vì nhân duyên ấy mà ta mỉm cười.” Các vị tỳ-kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thầy đều vui mừng tin nhận.

*(1) Tiếng Phạn là Valgusvaras, nghĩa là ‘những âm thanh vi diệu’, Hán dịch là Diệu Âm*

(Trích kinh Nhân Duyên Phật giáo)

## ***Buông...!***

*Buông bỏ hết những buồn vương khổ lụy  
Ngày hôm qua xem như áng mây trời  
Ngày hôm qua như chén rượu đầy vơi  
Ta đã uống cạn một đời say đắm*

*Có gì đâu trong tận cùng sâu thẳm  
Vạn cuộc vui rồi như ánh chiều tàn  
Triệu nỗi buồn như bến vắng đò ngang  
Qua lại mãi cho hồn ta mệt lữ*

*Có gì đâu mà tiếc thương năm giữ?  
Hoa lá nào có xanh mãi được đâu  
Tháng ngày dài sá gì mấy đêm thâu  
Thao thức mãi, cả đời vương vấn mãi*

*Buông bỏ hết những giọt buồn ném trái  
Khúc hoan ca đã lỡ nhịp mất rồi  
Ta gác mái, thả neo đời ở lại  
Sao trong lòng sóng vỗ mãi không thôi?*

(Sài Gòn tháng 3/2016)



## *Mưa Đêm*

*Tiếng mưa rơi như khúc hát của đêm  
Xoáy sâu thẳm vào miền thổn thức  
Cánh chim nhỏ run giữa trời ký ức  
Nép vào đâu khỏi day dứt mong manh?*

*Vẫn biết rằng em mãi chẳng của anh  
Yêu quay quắt rồi cũng thành dĩ vãng  
Nụ hôn ngọt... trao nhâm người chợt đắng  
Cuối đường mình... gót lạng đếm ngày trôi.*

*Có khi nào nhìn xuống giếng đơn côi  
Lỗ sâu hoắm, những mảnh tình tội lỗi  
Cố trườn qua vách ngăn thăm thẳm  
Đã rong rêu số phận biết bao người...*

*Chỉ tiếc ngày xanh như bong bóng vỡ rồi  
Theo mưa trôi... trôi hoài... xa mãi  
Em mơ ước quay về thời vụng dại  
Bàn tay đợi chờ... chắc chẳng phải tay anh!*

## **Mẹ**

*Mẹ ơi, con thưa nhé!  
Con muốn mãi muôn đời  
Là đứa con nhỏ bé  
Vội vãnh mẹ, mẹ ơi!*

## **Âm thanh**

*Hình như thoảng một tiếng đàn  
Chợt ngân vang đó chợt tan bao giờ  
Chợt đâu một tiếng chơ vơ!*

## **Nhớ hoàng hôn**

*Nhớ Huyền Không đạo và thơ  
Nhớ dòng suối nhỏ bên bờ mây xanh  
Nhớ con chim hót trên cành  
Nhớ hoàng hôn đã mấy lần hoàng hôn.*

## **Huyền Không**

*Đêm nghe tiếng suối rì rào  
Trăng vàng trải bóng lối vào thiên viên  
Bình minh nắng đợi ngoài hiên  
Cành phong lan nở nhụy viên sương mai.*

## LỜI SÁM HỐI MỘT BUỔI CHIỀU

Tôi đang ngồi đây, cây bút trên tay và nỗi buồn xa vắng.

Lầu chiều nay không gió. Tôi tự đi mua mỗi ba miếng đậu khuôn, ít rau càng cua hái ngoài vườn mai, mấy trái ớt cay cay, đĩa tiêu muối và chai rượu nho của người xưa tặng với lời nhắn nhủ: Uống ít thôi!

Tôi không “hận” tôi chỉ buồn cho cuộc sống đã sang trang...

Là người tu theo đạo Phật tôi hiểu rõ nhân quả từ biệt nghiệp đến cộng nghiệp. Và thấm thía dòng tồn sinh của con người. Chúng ta có nhiều oan khiên quá...! Thấm thoát đã 35 năm, mau thật mới ngày nào... Bây giờ đã là ông lão 65 ngoài.

Tờ nội san kia là những tâm nguyện không lời... Xin cảm ơn những tâm hồn đồng điệu. Và mình, là con đế mèn gáy chơi.... như nghiệp dĩ muôn đời.

Bỗng dưng, tôi thềm nghe một giọng trách: “Hư quá, lại uống rượu nữa rồi, có xứng đáng là người tu Phật không?”

Đôi mắt ấy, giọng nói kia. “Từ” mà “nghiêm”, gần mà xa, đang xoáy mạnh vào tim tôi. Xấu hổ, tôi cúi gầm. Lạy mẹ! Con một phút lạc lòng, chiều theo ngũ dục của thế gian...

ooo

Trăng hạ tuần hôm nay lên muộn, tôi thấp hương mà không làm lễ công phu tối. Thực lòng, tôi sám hối vì nỗi buồn chiều nay . . .

Tôi nghĩ, nếu như cái đà này cứ liên tục xảy ra thì lúc quỷ vô thường xuất hiện. Tôi có tư lương nào để mang theo?

*“Làm thế nào để phân cách giữa ngày và đêm?”* Cái công án ấy tôi được cảm nghiệm qua lời bàn của một linh mục trong cuốn sách nọ.

Giật mình nhìn lại cái công phu non choẹt và tuổi tác của mình. Tôi tự nhủ: Mình phải tinh tấn nhiều lên, để đuổi, giải đãi là mờ chôn của mình đó.

*Lầu gió.... 10/ 2010*



## THĂM CHÙA WAT PHO- THÁI LAN

Wat Pho, cũng gọi là Wat Phra Chetuphon hay Chùa Đức Phật ngồi tựa lưng, là một đền thờ Phật giáo ở quận Phra Nakhon, Bangkok, Thái Lan, tọa lạc trên đảo Rattanakosin gần với Đại Cung. Tên chính thức của chùa là Wat Phra Chetuphon Vimolmangklararm Rajwara-

### *Ngộ*

*Rồi sẽ có phút giây bình trời dậy  
Quên đời giông tố rủ trắng về  
Thông tay vào chợ nghe mưa móc  
Răng cái sự đời nó tái tê?*

Sài Gòn 7.2016

---

mahaviharn. Chùa này cũng nổi tiếng là nơi khai sinh ra massage Thai.

N.Đ.T

## **“Tận Tín Thư, Bất Như Vô Thư”**

*Trong quá trình làm giàu kiến thức, khai trí tiến đức mở rộng tầm nhìn trong bầu trời văn hóa tâm linh, văn minh nhân loại; con người nhất thiết phải học, đọc nhiều loại sách đông, tây, kim, cổ. Nhưng ở bất cứ sách nào, người đọc cũng nên nhớ lời khuyên chánh lý của cổ nhân: “Tận tín thư, bất như vô thư”. Bởi lẽ, mọi người đều được ban tặng một bộ não có tiềm năng to lớn, nhưng không phải ai cũng biết tận dụng khả năng đó. Không ít người chọn con đường dễ dãi làm theo, nói theo, mà thiếu vận dụng một cách hợp lý trí tuệ của mình. Thực chất đó là cam tâm tự làm nô lệ cho não bộ của người khác, trong khi muốn thành công thì con người không thể thiếu tư duy độc lập. Nền tảng của tư duy độc lập là kỹ năng tư duy phân tích, phê phán, nhất là khi con người phải thường xuyên đối diện với hàng loạt vấn đề đa dạng trong thế giới không ngừng biến động ngày nay. Điều này, chính Đức Phật từng cảnh giác đồ chúng: Không vội tin tưởng vào Tam Tạng Kinh Điển; không vội tin tưởng vào vị Thầy; không vội tin vào lời đồn đãi; không vội tin vào những gì do lý luận, biện giải. Mọi việc cần phải được xem xét thận trọng bởi tư duy độc lập.*

*Vì thế, khi nghiên cứu kinh sách cũng như các văn hóa phẩm khác, chúng ta phải biết sàng lọc trên tinh thần khoa học. Không nên tin tưởng một cách tuyệt đối, mù quáng vào tất cả những gì được đề cập trong kinh sách để rồi trở thành cuồng tín, làm cho trí tuệ mịt mờ u ám...*



### “Tận tín thư, bất như vô thư.”

Nghĩa là: “Thà không có sách, còn hơn đọc sách rồi nhắm mắt mà tin vào sách” (sách Mạnh Tử, thiên Tận Tâm). Mạnh Tử đã phải cảnh cáo đệ tử của ông một cách gắt gao như vậy, là tại ngay từ thời ấy (thế kỷ 4 TTL) đã có bệnh “tôn sùng kinh điển”, có rất nhiều người yên trí bất cứ điều gì đã chép vào sách là tất nhiên phải đúng. Họ không biết sách có thể chép sai vì vô tình hay hữu ý, có những chương, những mục hậu thể ngụy tạo, và có những sách hoàn toàn giả mạo. Xin nêu lên một trường hợp điển hình: Khi Mạnh Tử đọc toàn thiên Vũ Thành trong Chu Thư (sử chính thống của nhà Chu,) ông chỉ thấy một đôi câu là đáng tin (còn tất cả đều là xuyên tạc). Sách Chu Thư kể chuyện vua Vũ nhà Chu mang quân sang đánh vua Trụ nhà Thương, chép: “Thoạt mới trông thấy đoàn quân của vua Vũ tiến đến, binh lính của vua Trụ trở giáo giết lẫn nhau, khiến máu chảy thành suối, làm trôi cả chày giã gạo.” Mạnh Tử liền phê bình tác

giả bóp méo lịch sử. Dựng đứng câu chuyện phi lý rằng quân lính của vua Trụ “trở giáo giết lẫn nhau” ? Đó, chẳng qua là sử gia nhà Chu xuyên tạc sự thật để kéo chính nghĩa về phe mình. Họ muốn che đậy, tránh tiếng sự tàn sát ghê gớm, làm “máu chảy thành suối”. Từ cái ác đâm máu “làm trôi cả chày giã gạo” của vua Vũ, đổ qua cho binh lính nhà Trụ. Sử gia chuyển vua Vũ thành một đấng minh quân, nhân từ đạo đức, chẳng hề chém giết một cách quá dã man như vậy!

Mặt khác, sách sai có thể vì văn tự lộn xộn. Thử nghĩ, những triết gia thưở xưa, như Đức Phật Thích Ca, Chúa Giêsu, Khổng Tử, Mạnh Tử,... chỉ giảng dạy các đệ tử trên nền tảng giáo dục đạo lý mang tính thầy trò vấn đáp với nhau. Các Ngài không phải là nhà văn, ngồi giữa bốn bức tường, cầm cúi vất óc mà dẹt ra văn chương chữ nghĩa để xuất bản như các học giả hiện nay. Trong nhiều trường hợp, trò nêu câu hỏi, rồi thầy giải thích, hoặc giữa lớp học, hoặc trong khi thầy trò đang đi trên đường. Có khi thầy đàm luận với một đệ tam nhân, trò chấp tay đứng gần, nghe câu được câu chẳng, sau này chép vào sách. Nhìn vào lối chữ tượng hình viết vào thẻ tre thời Khổng Mạnh hoặc chữ Phạn viết vào lá bời thời đức Phật, rất phức tạp và nhiều nét, chúng ta có thể đoán biết mỗi lần thầy nói một tràng dài, giới lắm trò chỉ viết được vài câu chữ, cốt ghi mấy ý chính, rồi về nhà trông cậy vào trí nhớ, ngồi suốt đêm từ từ viết lại. Nếu nhớ sai, tất nhiên viết sai, mà hễ người đầu tiên chép thế nào thì người sau cứ “nguyên văn lai cáo”... Những lời kể lại của mỗi đệ tử sau này là một “Chương” trong sách Luận Ngữ, hay kết tập thành những bộ kinh Phật còn truyền lại cho đến bây giờ.

Lại nữa, sách có thể sai vì “tam sao thất bản”. Bởi lẽ, trong nhiều trường hợp “thợ chép” vô tình chép sai, cũng như ngày nay thợ in xếp lằm chữ, khiến đôi khi người đọc phải đoán mới hiểu. Chữ quốc ngữ gồm có 25 mẫu tự Latin rất khác nhau,

mà thợ in còn lằm lên lằm xuống, chẳng trách người xưa chép chữ Hán còn lằm nhiều hơn.

Hoặc có thể sách nguy tạo văn bản khác vì hám lợi. Như thế kỷ 3 TCN, Tần Thủy Hoàng ra lệnh đốt sách. Tần đở, Hán lên thay. Muốn phục hồi Khổng giáo, và các triết học khác của Tiên Nho, Hán triều đặt giải thưởng để khuyến khích những người đã giấu được cổ thư mang nộp triều đình. Nhưng vì giải thưởng quá hậu, nên nhiều kẻ gian manh thừa cơ làm sách giả mang nộp và lĩnh thưởng, chẳng khác những người hiện nay làm hàng mạo hóa mang bán, hoặc làm giấy bạc giả.v.v...

Từ đó, xuất hiện khá nhiều nguy kinh. Tuy nhiên, theo các nhà nghiên cứu, từ khi Phật giáo truyền vào Trung Hoa việc soạn thảo nguy kinh có cơ hội nở rộ vào thời kỳ có phong trào dịch kinh điển, chỉ dừng lại ở thế kỷ thứ 10. Trong một nghiên cứu của Giáo sư tiến sĩ người Nhật Kyoyo Tokuno đã cho biết, kinh nguy tạo cũng đã được tìm thấy trong bộ sưu tập các bản thảo thời trung cổ phát hiện trong hiện tại. Thứ nhất là kho cất giấu tại Đôn Hoàng ở Trung Á, được phát hiện trong thế kỷ 20, gồm các bản thảo từ thế kỷ thứ 5 đến thế kỷ thứ 11. Hai là các bản thảo kinh tìm thấy tại Nanatsu-dera ở Nagoya, Nhật Bản, được kết tập suốt thế kỉ 12, dựa vào các ấn bản kinh Phật trước đó. Vào năm 1990, phát hiện cho thấy có cả nguy thư của Trung Quốc lẫn Nhật Bản. Kinh điển nước nào cũng đầy rẫy những chữ, những câu sai, cũng có nhiều văn kiện hoàn toàn giả mạo, cũng có những lời giải thích trái ngược với quan điểm của người viết. Muốn sửa chữa những sai lầm ấy phải tiến hành một công cuộc gọi là thẩm định cổ thư (Biblio-criticism). Tây phương đã thực hiện công việc thẩm định cổ thư rất sớm, vì từ năm 1681, một học giả Pháp là Jean Mabillon đã viết cuốn *De ReDiplomatica*, bày phương pháp phát hiện những văn kiện nguy tạo, và nhờ vậy, kinh điển của Tây phương đã được chỉnh đốn lại rất nhiều,



tuy vẫn chưa đủ. Tương tự vậy, công việc khảo sát cổ thư của Trung Quốc đã bắt đầu từ đời Thanh nhưng với những cố gắng rời rạc, nên chẳng đạt được bao nhiêu kết quả. Phải đợi đến Hồ Thích (Hu Shih 1891-1962) sang Mỹ học, mới thấy rõ sự cần thiết và phát động phong trào. Ông đỗ tiến sĩ Triết học tại Đại học Columbia năm 1917, về nước làm Viện Trưởng Đại Học Bắc Kinh, được coi là “cha đẻ” của nền văn học Trung Quốc hiện đại, vì ông phát động phong



trào dùng bạch thoại thay thế cho cổ văn trong văn học. Sau nhiều năm khảo sát một số lớn cổ thư Trung Quốc, ông viết trong cuốn Trung Quốc Triết học Sử một đoạn như sau: “Những câu “Không viết” thì rất nhiều, nhưng phần đáng tin chẳng có bao nhiêu. Trong hai cuốn Mặc Tử và Tuân Tử có rất nhiều đoạn do hậu thế ngụy tạo... Sách Trang Tử thì hơn 8 hay 9 phần 10 là giả tạo. Sách Hàn Phi Tử cũng chỉ có độ 2 phần 10 là đáng tin.” Hồ Thích cũng đã có công lớn đối với những người muốn tránh bệnh giáo điều. Ông đã chứng minh nhiều sách và nhiều đoạn trong cổ thư Trung Quốc là đồ ngụy tạo, không nên “Tận tín thư”.

Trước Hồ Thích 24 thế kỷ và trước Mạnh Tử hai thế kỷ, Phật Thích Ca đã từng nói như vậy trong Kinh Kalama (Kalama Sultra), tường thuật một cuộc hội đàm giữa Đức Phật và các bộ lạc của bộ lạc Kalama ở vùng Kesaputta. Bản kinh có tất cả 17 chương, nhắc đi nhắc lại những lời Phật khuyên cáo họ. Nguyên

bản viết bằng tiếng Pali, học giả Soma Thera dịch sang tiếng Anh và Hội Buddhist Publication Society ở Sri-lanka xuất bản năm 1959. được chuyển ngữ sang tiếng Việt, như sau:

“Bạch Đức Thế Tôn! Có tãng lữ của nhiều tôn giáo tới đây. Người nào cũng quảng diễn và đề cao giáo lý của họ, và mạt sát giáo lý của người khác. Bạch Đức Thế Tôn! Vì mỗi người nói mỗi khác, nên chúng con hoài nghi, chẳng biết đâu là chính đạo, đâu là tà thuyết, và chẳng dám tin ai cả.” Đức Phật trả lời: “Hỡi người Kalama! Các Người hoài-nghi là rất phải! Các Người chớ nên đình ninh tin là hoàn toàn đúng”.

Này các Kàlàma! Chớ có tin vì nghe truyền thuyết, chớ có tin vì nghe truyền thống, chớ có tin vì nghe người ta nói đồn, chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng, chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình, chớ có tin vì đúng theo một lập trường, chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dự kiện, chớ có tin vì phù hợp với định kiến của mình, chớ có tin nơi phát xuất có uy quyền, chớ có tin vì bậc sa môn là đạo sư của mình v.v... Nhưng này các Kàlàma! Khi nào tự mình biết rõ như sau: “Các pháp này bất thiện, các pháp này là có tội lỗi, các pháp này bị người có trí hiểu biết chỉ trích, các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau. Thời này, Kàlàma hãy từ bỏ chúng không nên tin theo”.

Hỡi Người Kalama! Các Người không nên tin những điều mà các người biết rõ là điều xấu, điều đáng trách, những điều mà kinh nghiệm bản thân đã chứng tỏ cho các Người biết là đã đưa tới tai vạ và nguy hại. Các Người chỉ nên chấp nhận và thực hiện những điều mà chính các Người đã có lần thực hiện, và đã nhận thấy là đã mang lại lợi ích và hạnh phúc thực sự.”

Khi Đức Phật khuyên nên hoài nghi, nên căn cứ vào kinh nghiệm bản thân và nên lấy hạnh phúc thật sự làm tiêu chuẩn, Ngài đã đề cập đến Chủ nghĩa Hoài Nghi (Skepticism), Chủ Nghĩa Thực Nghiệm (Empiricism), và Chủ Nghĩa Thực Lợi

(Utilitarianism) vào khoảng 20 thế kỷ trước Montaigne, John Locke, và Richard Cumberland. Học giả Nguyễn Duy Cần đã chia sẻ: người học Phật, sở dĩ phải có một tinh thần tự do, không nên lệ thuộc nơi một kinh sách nào, là vì sự giải thoát phải do nơi mình, chứ không do ân huệ của ai ban cho mình cả, dù là những bậc thần thánh tiên Phật... Và muốn được như vậy phải có óc hoài nghi.

Sau thời Đức Phật 26 thế kỷ, Đức Huỳnh Giáo Chủ xuất hiện mang sự mạng xiển dương chánh pháp nhà Phật; giải trừ mê tín cảnh tỉnh nhân sanh: “Mỗi người hãy nên lấy trí thông minh nhận xét, Đạo lý hay lời nói (hiểu là giảng kệ) của Thầy mình chớ đừng lấy đức tin mà thọ lãnh những lời nói đó trong khi mình chưa hỏi tường tận. Như thế, mình mới có thể tấn hóa trên con đường đạo đức.”. Để tin đồ ghi nhớ, Ngài bia tạc bằng hai câu thi “Đừng bạ đâu tin bướng nghe càn. / Sa cạm bẫy khó mong sống sót”.

Khi con gái hỏi K. Marx về câu châm ngôn mà Người thích nhất, Marx đã nói: “Hoài nghi tất cả!”.

Chính nhờ làm theo phương châm nói trên mà kiến thức của loài người không ngừng gia tăng, xã hội loài người không ngừng phát triển. Có câu “Người học trò xuất sắc là người không bao giờ tin tuyệt đối vào giáo sư của mình.” Vậy, hãy là chính mình để nhận ra đâu là chân lý đối với mình.

***“49 năm Ta không có thuyết một lời?”***

Đây là câu nói minh triết, là dự ngôn mà có lẽ Đức Phật dư hiểu rằng, không thể tránh khỏi cái họa người đời sau sẽ lạm dụng danh nghĩa của Phật để phục vụ cho mục đích khác hoặc ít nhất tác giả diễn đạt theo ý tưởng riêng của họ! Trước mắt, câu nói ấy nhằm phủ nhận những kinh sách đời sau không phải tuyệt đối là chân kinh. Mặc khác, ẩn tàng một triết lý sâu xa mà Ngài cũng đã minh giải cho đệ tử trong kinh Kim Cang:

“Tu Bồ Đề! Ông chớ cho Như Lai nghĩ rằng ‘Ta có thuyết pháp’. Ông chớ nghĩ như vậy. Bởi vì sao? Vì nếu người nào nói rằng: Như Lai có thuyết pháp tức là chê Phật, không hiểu được lời ta nói. Tu bồ đề! Thuyết pháp là không có pháp gì có thể thuyết, đó gọi là thuyết pháp”.

Kinh Văn Thù Phật có dạy: “Ta trú ở thế gian để dạy chúng sanh 49 năm, chưa đặt ra một câu bằng văn tự để nói với ai bao giờ! Vì theo chánh đạo, nếu ta lấy văn tự để làm bằng chứng để cầu đạo, ấy là nê; lấy sự khổ hạnh để cầu Phật, ấy là mê; lia tâm ra mà cầu Phật, ấy là ngoại đạo; mà cố chấp cái tâm ấy là Phật, cũng lại là ma vậy”.

Pháp chính là chân lý, chân lý nằm ngoài ngôn ngữ và văn tự nên không thể thuyết (bất khả thuyết).

Có thể lấy một ví dụ là “ngón tay chỉ mặt trăng”. Mặt trăng là chân lý, ngón tay là kinh điển, chúng ta nương kinh điển để thấy chân lý cũng như nương ngón tay để thấy mặt trăng.

Kinh điển không phải là chân lý, kinh điển chỉ miêu tả về chân lý. Khi đạt được chân lý thì không cần tới kinh điển, cũng như khi thấy được mặt trăng thì không cần có ngón tay. Đây cũng là chỗ Trang Tử nói: “Đặng cá, hãy quên nôm, đặng thỏ hãy quên dò, đặng ý hãy quên lời”. Hay Đức Huỳnh Giáo Chủ viết: “Lòng ngộ rồi chẳng đợi nhiều kinh, Thì cũng thấy bốn lai diện mục”.

Người đời mãi vùi đầu vào kinh điển sách vở, câu chấp trong từng lời nói câu văn... “thật là sai xa tinh thần Phật học không biết chừng nào!” (Nguyễn Duy Cần). Phải chăng hiểu được chân lý thâm diệu đó, mà về sau sở dĩ phái Thiền chủ trương “bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền” là để giải thoát tinh thần con người đừng bị mắc trong hình thức của giáo lý. Văn tự tuy cần, nhưng thực ra rất hữu hạn, vì lẽ đó đọc sách, kinh điển văn tự cần có tư duy độc lập, óc hoài nghi, và cũng có lúc cần phải quên đi, và vứt đi, thì mới có thể đạt đến chỗ đại thông là vậy.

LÊ MINH THÀNH

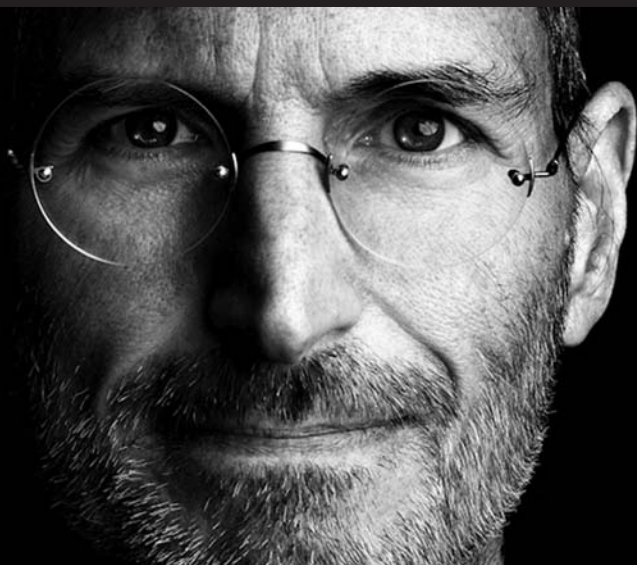
---

## *Mẹ*

*Tiếng Mẹ ơi! Nghe thân thương muôn thưở  
Trọn đời con mãi giữ lấy tôn thờ  
Trời ban phước... phước đời con là Mẹ  
Vì Mẹ ơi, tình Mẹ thật vô biên*

*Của quý nhất đời của con là Mẹ  
Dù trải qua muôn vạn kiếp luân hồi  
Nguyện mãi mãi được là con của Mẹ  
Phước trần gian... trời ban Mẹ cho con*  
(Mây Chiều)





# STEVE JOBS

## TỪ “THIÊN” ĐẾN THIÊN TÀI MÁY TÍNH

*Suốt bốn thập kỷ qua, Steve Jobs (1955 – 2011) - nhà lãnh đạo kiệt xuất của tập đoàn Apple và sáng lập viên hãng phim hoạt hình Pixar- đã thật sự tạo nên một cuộc cách mạng làm thay đổi bộ mặt của nền công nghiệp máy tính, điện ảnh và âm nhạc. Được mệnh danh là “phù thủy của công nghệ”, Steve Jobs – một thiên tài kỳ dị nhất trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo máy tính và giải trí. Tất cả những sản phẩm của ông từ máy tính cá nhân đến máy tính bảng, từ máy nghe nhạc đến phim hoạt hình kỹ thuật số, iPod, iPhone, iPad,... đều có chung một đặc tính đó là sự độc đáo, khác biệt, đi đầu thị trường, vượt trội so với những sản phẩm cùng loại.*

*Sự thành công của ông đã vượt qua các cung bậc khổ đau, làm chủ được mình trong vinh nhục. Đối với ông, Thiền Phật giáo tác động sâu sắc và tích cực, có khả năng chuyển hóa con người, giúp cân bằng cuộc sống, sống lạc quan, hạnh phúc, thông suốt hơn, khám phá nhiều hơn và nâng cao khả năng sáng tạo. Kỷ niệm 5 năm ngày mất của thiên tài máy tính Steve Jobs (5/10/2011 – 5/10/2016), xin phép được chia sẻ bài viết này như một nén hương lòng của người chịu ơn và hâm mộ dành cho tư duy kỳ vĩ, triết lý sống và phụng sự nhân loại của ông.*

\* \* \*

Ân dưới những ngôn từ được thế giới ca ngợi là “thiên tài kỹ thuật”, “nhà phát minh vĩ đại”, “doanh nhân kiệt xuất”... Steve Jobs là một Phật tử, thực hành thiền định từ thuở thanh niên. Là người sở hữu tài sản rất lớn, nhưng ông luôn sống đơn giản, thiếu dục tri túc, ăn chay. Steve Jobs từng bộc bạch: “*Tâm vắng lặng là chìa khóa của mọi sáng tạo*”. Ông có duyên may được học đạo Phật dưới sự hướng dẫn tâm linh của thiền sư Nhật Bản Kobun Chino Otagawa, và đã ứng dụng Thiền trong công nghệ vi tính, nhờ đó ông có nhiều khám phá vượt trội hơn những tài năng đặc biệt trong cùng lĩnh vực. Nhà bình luận Yang của tờ báo lớn San Francisco Chronicle ở gần thung lũng điện tử Hoa Kỳ đã giải thích sự thành công của Steve Jobs có nguyên do rõ rệt là thâm nhuần ý niệm về “tánh không” của Phật giáo nơi ông rất sâu sắc cả về phương diện trực giác lẫn ứng dụng trực giác về “tánh không” trong việc sáng tạo và sản xuất các sản phẩm công nghiệp có nét đẹp thu hút mạnh mẽ người mua. Nhờ triết lý của thiền, ông đã mang vào những bài thuyết trình của mình sự đơn

giản nhưng tinh tế, dễ hiểu nhưng sâu sắc, đầy tính minh triết và thuyết phục, điều rất hiếm thấy trong các bài thuyết trình của các CEO, hay các nhân vật lớn khác.

### **Sức mạnh của sự khác biệt**

Cái tên Jobs gợi cho người ta nghĩ đến ông là con người của công việc (trong tiếng Anh job là công việc). Thực tế trong suốt những năm ở Apple, Steve Jobs cho biết đã dành “150%” thời gian và sức lực của ông vào công ty. Ông đã đặt khẩu hiệu cho công ty Apple là “Nghĩ khác” (think different). Không ít người dám nói thế, nhưng không nhiều người làm được thế. Thật vậy, cuộc đời của ông là cuộc đời của những sự khác biệt, khiến nhiều người cho rằng ông là kẻ lập dị, là “gã điên khùng”, là “thiên tài gàn dở”. Nhưng chính sự khác biệt này đã ghi lại dấu ấn đậm nét không lẫn vào đâu của Jobs. Steve không theo đuổi bất kỳ chủ nghĩa trung tính và ôn hòa nào, ông luôn là người của sự nổi loạn, tinh thần ấy được thể hiện rõ trong phát biểu của ông: *“Những kẻ đủ điên để nghĩ rằng họ có thể thay đổi thế giới cũng chính là người có thể làm được điều đó”*. Năm 1983, Steve Jobs lên New York để chiêu mộ người điều hành cho Apple. Ông tới gặp John Sculley, CEO của Pepsi-Cola. Khi hai người đứng trong văn phòng sang trọng của Sculley nhìn qua khu Manhattan sầm uất, vị CEO của Pepsi-Cola thách thức: *“Về mặt tài chính, anh phải trả tôi một triệu đô la tiền lương, một triệu đô la tiền thưởng và triệu đô la để chấm dứt hợp đồng”*. Không chút lưỡng lự, Jobs gật đầu. Cái gật đầu ấy khiến Sculley sững sốt, nhưng ông còn sững sốt hơn trước câu hỏi bạo liệt của Jobs: *“Này Sculley, anh muốn ở lại đây để suốt đời đi bán nước ngọt, hay anh muốn thay đổi thế giới?”*. Câu hỏi ấy đã kéo Sculley về California. Cũng chính câu hỏi ấy là mục đích sống của Steve Jobs.

Và “thay đổi thế giới” là động lực đã đẩy chàng trai Jobs



đến quyết định thành lập Apple và đưa công ty này từ nhà xe của bố mẹ trở thành thương hiệu toàn cầu. “Thay đổi thế giới” cũng là mục tiêu của Jobs khi ông quay lại Apple vào năm 1998, sau thời gian dài phân ly. “*Tôi trở lại Apple không phải để làm giàu*”, Jobs đã nói như thế khi trở về để vực dậy một Apple đang thua lỗ. Vâng, ông khởi dựng Apple và phát triển nó thành một đế chế hùng mạnh không phải để làm giàu. Ông làm tất cả để thay đổi thế giới. Và ông đã vươn tới mục tiêu đó, bằng tư duy và hành động khác biệt. Những sản phẩm của Apple lần lượt ra đời, đón đầu các xu hướng công nghệ, như triết lý mà có lần ông đã dẫn lại lời vận động viên khúc côn cầu trên băng Wayne Gretzky: “*Tôi luôn lao tới nơi mà vòng banh sắp bay tới, chứ không hề hực chạy đuổi theo nó*”. Ở Apple, Jobs và đồng sự luôn tìm đến nơi mà các xu hướng công nghệ sẽ vươn tới, chứ không cố lao vào xu hướng đang thịnh hành. Hay có thể diễn giải theo cách khác, chính Jobs và Apple tạo ra các xu hướng công nghệ, qua đó góp phần định hình tương lai thế giới. Steve Jobs là một bằng chứng đầy sức mạnh của tư duy khác biệt, như lời chia sẻ nuối tiếc của Tổng thống Mỹ Barack Obama: “*Sự ra đi của Steve Jobs là một trong những mất mát lớn nhất của nước Mỹ. Steve là người đủ can đảm để nghĩ khác, đủ tự tin để thay đổi thế giới và đủ tài năng để làm điều đó*”. Thông thường, thiên và sáng tạo hay đi đôi với nhau vì khi thực hành thiên, giúp làm phát triển khả năng trực giác “tuệ tri”, giúp gia tăng tính sáng tạo. Chính sự độc sáng này giúp Steve Job có một tư duy khác biệt và tạo ra sản phẩm hoàn hảo.

### **Đam mê sự hoàn hảo, tập trung và đơn giản**

Với triết lý: “*Một người thợ mộc giỏi sẽ không dùng tấm gỗ xấu để làm lưng tủ, cho dù sẽ không ai nhìn thấy*”, các sản phẩm của Apple dưới sự giám sát trực tiếp của Steve Jobs luôn đạt đến sự hoàn mỹ từ ngoài vào đến tận bên trong, việc trau chuốt

từng sợi dây mối hàn đã thấm vào huyết quản của mọi nhân viên Apple. Niềm đam mê theo đuổi sự hoàn thiện của Jobs chính là bí mật cho những thiết kế tuyệt vời của Apple. Đối với Jobs, thiết kế không có nghĩa là trang trí mà là cách thức hoạt động của sản phẩm đó. Thiết kế là một chức năng chứ không phải là hình thức. Vì lẽ đó, chiếc máy tính Macintosh nguyên bản mất 3 năm để thiết kế. Sản phẩm này không được hoàn thiện theo tiến độ làm việc hăng say thông thường ở nhiều sản phẩm công nghệ khác. Nó phải trải qua những lần chỉnh sửa không ngừng. Những chi tiết nhỏ nhất từ màu sắc chính xác của thùng máy tính cho đến các biểu tượng trên bàn phím đều được xem cẩn thận, hết lần này đến lần khác cho đến khi nó hoàn thiện. Như Constantin Brancusi, một nhà điêu khắc người Rumani, đã từng nói: *“Đơn giản là sự phức tạp đã được giải quyết”*. Đối với Jobs, không có một chi tiết nào dù nhỏ nhất là tầm thường. Những doanh nhân khác thích tỏ ra là có tầm nhìn bằng việc luôn nghĩ lớn và coi thường những chuyện nhỏ nhặt. Steve thì khác, ông coi những thứ nhỏ nhặt và đơn giản lại là yếu tố quyết định cho thành công của một sản phẩm và cả con đường kinh doanh, như ông từng tâm niệm: *“Đây là một trong những câu thần chú của tôi: tập trung và đơn giản. Đơn giản đôi khi lại khó khăn hơn phức tạp. Bạn có thể làm việc chăm chỉ để có được suy nghĩ một cách đơn giản. Nhưng nó lại mang đến những giá trị cuối cùng. Khi đạt được điều đó bạn có thể di chuyển được quả núi”*.

Rất nhiều người yêu mến Steve Jobs, nhưng với người làm việc cùng ông, sẽ không hẳn thế. Đặc tính cáu gắt, thất thường hay quát nạt cấp dưới và luôn đòi hỏi quá cao khiến ông trở thành “hung thần” trong mắt nhân viên. Dưới mắt ông, không có gì là hoàn hảo. Con người thường tự bằng lòng với những gì họ làm, tự nhủ cố gắng làm những sản phẩm tốt đã thành công. Ông thì khác hẳn với số đông đó. Với ông, tốt là kẻ thù của sự vĩ

đại. Mọi sản phẩm dù tốt đến mấy đều phải trả lời câu hỏi: Liệu có thể tốt hơn nữa không? Đam mê sự hoàn hảo hay chủ nghĩa tinh hoa tuyệt đối ấy là đặc trưng cơ bản nhất trong tinh thần của ông, là giá trị vô hình đã tạo ra những siêu phẩm hữu hình như: iPod, iPhone, iPad,... Tuy vậy, đó không thuần túy là chủ nghĩa cầu toàn, mà là lòng mưu cầu sự xuất sắc. Một con người đặc biệt, đã biến những đặc điểm tính cách bị coi là gàn dở của mình thành triết lý kinh doanh như ông đã từng phát biểu: *“Mục đích đơn giản của chúng tôi là tạo ra những chiếc máy tính tốt nhất thế giới chứ không phải trở thành công ty lớn nhất, giàu mạnh nhất”*. Sự thành công đó, chính là nhờ vào khả năng tập trung cao độ vào công việc, chấm dứt sự dính mắc vào những thứ làm mình xao lãng. Đây là một trong những phương pháp tu tập, thực hành thiền quán hiệu quả. Khi tập trung vào công việc một cách cao độ thì bộ não và thân trở nên an tịnh thì tâm trở nên thoải mái, lúc này trạng thái sơ tâm dễ dàng biểu lộ. Trong khi làm việc ở bất cứ ngành nghề nào, chúng ta cần trở về với sơ tâm vì tâm đó rỗng lặng, linh động, trong sáng và sẵn sàng hoàn tất tốt đẹp công việc một cách sáng tạo. Do đó, thiền sư Suzuki nhắc nhở: *“Nơi người sơ tâm, có nhiều khả năng, còn trong người chuyên nghiệp thì rất ít có khả năng”*. Từ sự tập trung sắc bén đó mà đã loại trừ những thứ không cần thiết nơi sản phẩm và tạo ra các sản phẩm trong hình thức bên ngoài tối giản với đường nét thanh tú nên hấp dẫn người mua. Ông theo châm ngôn *“ít mà lại nhiều”*. Điều này vốn rất phù hợp với thẩm mỹ của thiền mà ông đã theo đuổi là sự giản dị và trong sáng. Đương thời, ông rất thích đọc sách về đạo Phật. Một trong những cuốn sách ảnh hưởng nhiều nhất đến ông là cuốn Thiền tâm, sơ tâm, Zen Beginner’s Mind của thiền sư Suzyki. Do kinh nghiệm tu tập, ngay từ lúc trẻ đã giúp ông hiểu và tin rằng trực giác làm phát sinh một trạng thái tinh thần cao hơn là trí năng suy nghĩ. Jobs đã từng nói *“Nếu bạn*

*chỉ ngồi và quan sát, bạn sẽ thấy tâm trí bạn không được nghỉ ngơi như thế nào. Nếu bạn cố gắng làm dịu đi, mọi chuyện chỉ xấu hơn mà thôi, nhưng với thời gian tâm trí bạn sẽ bình yên và khi đạt được trạng thái này, bạn sẽ có cơ hội nghe thấy nhiều hơn những điều huyền ảo, đó là khi trực giác của bạn bắt đầu thăng hoa và bạn bắt đầu nhìn nhận mọi việc rõ ràng hơn. Tâm trí bạn chỉ vận động chậm lại và bạn sẽ thấy khoảng rộng mênh mông. Bạn có thể nhìn thấy nhiều hơn những gì bạn có thể thấy trước đây”. Do đó, dù là một nhà công nghiệp chuyên môn cao cấp nhưng ông không bám vào các kiến thức cũ, khiến các sản phẩm của ông luôn là nguồn sáng tạo mới và độc đáo.*

### **Triết lý về sinh tử**

Con người đặc biệt này lại dùng nỗi ám ảnh từ cái chết để lấy đó làm động lực cho những nỗ lực phi thường trên con đường vương tới thành công. Ai cũng có thể nói rằng, hãy sống như ngày mai mình chết. Nhưng chỉ có một người như Steve Jobs, người trong suốt 33 năm cuộc đời, đã nhìn vào gương mỗi buổi sáng và tự hỏi: “*Nếu hôm nay là ngày cuối cùng của đời, tôi có làm những điều tôi muốn hay không?*”, ông chia sẻ: “*Làm người giàu nhất trong nghĩa trang thì chẳng có ý nghĩa gì. Có thể tự nhủ với bản thân mỗi tối trước khi đi ngủ rằng tôi đã làm được những điều thật tuyệt vời mới là điều quan trọng*”. Chỉ một phút tĩnh tâm với một trang kính, Steve Jobs đã hiểu được những giá trị thực thụ khi quán niệm về chết. Từ đó, ông đã ra sức sống hết mình với những gì tốt đẹp nhất và đeo đuổi mục tiêu của mình cho tới cùng. Động lực của sự đeo đuổi này, dĩ nhiên, không phải vì hơn thua mà chính vì tâm lòng trân trọng cuộc sống, trân trọng những giá trị chân thật, và trân trọng cái “*Mỹ*” bên cạnh cái Chân và cái Thiện.

Năm 2005, Steve Jobs đã có một bài phát biểu trở nên bất hủ tại trường đại học danh tiếng Stanford của Mỹ. Bài phát biểu

của ông chủ yếu tập trung vào lý do tại sao và làm thế nào để có thể trở thành phát minh quan trọng nhất của cuộc đời. Jobs đã nói với các sinh viên trẻ: “... *Không ai muốn chết. Ngay cả người mong được lên thiên đường cũng không muốn chết để tới đó. Nhưng cái chết là đích đến mà chúng ta đều phải tới. Không ai thoát được nó. Cái chết như là phát minh hay nhất của sự sống. Nó là tác nhân thay đổi cuộc sống. Nó loại bỏ sự cũ kỹ (người già) để mở đường cho cái mới (lớp trẻ). Các bạn chính là thế hệ trẻ, nhưng ngày nào đó sẽ già đi và rời bỏ cuộc sống. Xin lỗi vì đã nói thẳng nhưng điều đó là sự thật.* Quán niệm về Chết theo tinh thần Phật giáo mà Steve ứng dụng vào đời sống của mình hẳn không hề mang dấu ấn bi quan nào hết. Trái lại, nó mở ra một con đường thênh thang với biết bao cơ hội chuyên hóa và thăng tiến theo giấc mơ lý tưởng của mình, bỏ lại đằng sau tất cả những vướng bận vào được mất, hơn thua cho cuộc sống nhị nguyên. Đây chính là sức công phá vĩ đại của một tâm thức đã vượt lên trên thế giới vô thường vì đã “tỏ ngộ” về vô thường. Thật vậy, đối với ông, cái chết chính là sự sáng tạo. Ông là người khai sinh ra ngành máy tính cá nhân và cũng là người đã hủy diệt nó bằng cách cho ra đời liên tục những dòng sản phẩm mới, những đứa con tinh thần khác với tư cách là nhà sáng tạo. Vòng tròn sinh diệt ấy không bao giờ ngừng lại và đây là điểm mấu chốt: Steve bắt tử bởi ông chưa bao giờ cho phép mình ngừng lại trên con đường tìm kiếm sự hoàn hảo, không có gì bắt tử bởi sự tiếp nối không ngừng và chỉ có sự tiếp nối không ngừng mới đem lại sự bắt tử mà thôi... Những người khác đạt được một vài thành công và ngừng lại, nghĩ rằng đã ghi tên mình vào lịch sử. Steve không bao giờ nghĩ thế. Thành công với ông nghĩa là không bao giờ dừng lại, phải liên tục khát khao để tạo ra những sản phẩm siêu hoàn thiện mới trên con đường đi tới sự vĩnh viễn: “*Nếu bạn chưa tìm thấy nó, hãy tiếp tục tìm kiếm không ngừng*”

*lại. Hãy hướng trái tim mình với tất cả mọi vấn đề, bạn sẽ biết khi nào tìm thấy nó. Và giống như một mối quan hệ tuyệt vời, nó chỉ trở nên tốt hơn sau nhiều năm đã trải qua”, như lời phát biểu của ông.*

Thật khâm phục thay, bài phát biểu cuối cùng này dành cho giới trẻ là một tinh thần tự do, một tư duy độc lập, tránh những giáo điều, như những gì Đức Phật và các tiên nhân đã nói: cần phải hoài nghi tất cả. Jobs nói: *Thời gian của bạn không nhiều, đừng lãng phí bằng cách sống cuộc đời của người khác. Đừng nghe những lời giáo điều, vì đó là suy nghĩ của người khác. Đừng để những quan điểm ồn ào lấn át tiếng nói bên trong bạn. Chúng biết bạn muốn gì. Mọi thứ khác chỉ là thứ yếu”*

Trong lúc nước Mỹ đang tìm kiếm cách duy trì lợi thế cạnh tranh sáng chế, Steve Jobs nổi lên như một biểu tượng tối cao cho tài sáng chế cũng như óc sáng tạo đầy tính ứng dụng. Jobs biết, để tạo nên một giá trị đích thực trong thế kỷ XXI này, không có gì khác ngoài sự kết nối sức sáng tạo với công nghệ. Ông đã xây dựng nên một công ty nơi những dòng chảy của óc sáng tạo được kết hợp với sự điêu luyện tuyệt vời của kỹ thuật. Hơn 30 năm có mặt trong ngành kinh doanh thế giới, thành công nhiều, thất bại cũng không ít, nhưng Steve Jobs vẫn luôn chứng tỏ ông xứng đáng là một trong những huyền thoại doanh nhân hiện đại với những quyết định sáng suốt của mình. Ông đã biến một công ty chỉ có hai thành viên lúc mới thành lập thành một tập đoàn hùng mạnh, trụ vững trong những cuộc cạnh tranh với những “ông lớn” trong công nghệ máy tính và giải trí. Khả năng sáng tạo không ngừng, sự quyết đoán và táo bạo của Steve Jobs đã giúp ông luôn là người dẫn đầu trong những cuộc tranh quyết liệt trên thị trường toàn cầu. Với Jobs, những thất bại chẳng qua là *“đôi khi cuộc đời nện gạch vào đầu bạn, đừng mất niềm tin”*. Ngược lại, thành công của ông nó xuất phát từ tình yêu cuồng

niệt những gì mình làm với một triết lý của sự can đảm, nhấn nại “*Muốn thành công phải dám thất bại chín lần*” và rất đơn giản: “*Hãy luôn khao khát. Hãy cứ đại khờ*”. Giữa lúc cả thế giới đang thụ hưởng những thành quả của tư duy khác biệt mang tên Steve Jobs, thì ông đã rời xa chúng ta. Nhưng, cái chết ở tuổi 56 của Jobs không phải là điểm kết thúc. Trái lại, nó mở ra những chân trời mới. Thế giới đã có dịp nhìn lại sự nghiệp của một con người vĩ đại, một nhà cách mạng không chỉ trong lĩnh vực công nghệ. Đó là nhà cách mạng tư duy, một tư duy nghĩ khác, làm khác để thay đổi thế giới này. Và đó cũng chính là những tài sản trí tuệ vô giá của nhân loại. Có thể thấy rằng, trong bất kỳ trường hợp nào, rõ ràng Jobs đã tiếp cận với “công nghệ tâm trí” (thiền quán) trước khi tiếp cận công nghệ máy tính. Những nghiên cứu sinh học thần kinh gần đây đã chứng minh rằng kỹ thuật thiền định có từ hàng nghìn năm nay đã tác dụng tích cực lên cả trí não và cơ thể của chúng ta. Nói ông là một nhà lãnh đạo thiền theo nghĩa “thời thượng” dành cho doanh nhân ngày nay, thiết nghĩ cũng không quá xa lạ.

N.H.T

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Waiter Isaacson, *Tiểu sử Steve Jobs*, Nxb Thế giới, 2011
2. Leander Kahney, *Steve Jobs – Thiên tài gàn dở và câu chuyện thần kỳ về quả táo*, Nxb Thời đại, 2011
3. William L. Simon, Jay Elliot, *Con đường Steve Jobs – Lãnh đạo cách tân cho thế hệ mới*, Nxb Trẻ, 2011
4. Huỳnh Ngọc Phiên (Chủ biên), *Steve Jobs – Sức mạnh của sự khác biệt*, Nxb Tổng hợp Tp.HCM, 2011.
5. Phụng Sơn, *Cuộc hành trình tâm linh của Steve Jobs, nhà công nghiệp vĩ đại*, Nxb Hồng Đức, 2012.

***Bên Cánh Vồng***

**Kính dâng tặng Mẹ**

*Con lại về bên Mẹ thuở xa xưa  
Thuở ầu ơ... bên vành nôi, cánh vồng  
Nhớ một thời Mẹ dõi mắt trông theo  
Từng bước đi đầu đời, con chập chững*

*Mẹ đỡ nâng khi chân con chưa vững  
Tình bao la biển rộng - Mẹ yêu con!  
Mẹ vui mừng, con thoăn thoắt chân non  
Con lớn khôn, cạn khô dòng sữa Mẹ!*

*Thương lắm Mẹ ơi! Nắng sương dầu dãi  
Ân, Hiếu... Mẹ hiền, con khắc trong tâm  
Giữa dòng đời xuôi ngược tám mươi năm  
Mẹ của con! Tóc đen giờ đã bạc*

*Cho con hôn lên đôi mắt Mẹ hiền  
Từng dõi theo... khi xưa con chập chững  
Cho con hôn lên những vết chân chim  
Niềm thiết tha của lòng con yêu Mẹ!*

*Mơ được về bên Mẹ, Mẹ yêu ơi!  
Nghe Mẹ ầu ơ... ngày xưa... cánh vồng.*



# TIN PHÁT HÀNH

## HƯƠNG THIÊN 36

Nhân mùa An Cư Kiết hạ PL. 2560, các nhà hảo tâm sau đây đã phát tâm ấn tống, cúng dường:

**+ BS. Lê Hành phát tâm ấn tống 90 cuốn, chuyển giao đến:** Quan Âm tu viện (Biên Hòa) 20c; các chùa ở TX. Cao Lãnh (Đồng Tháp) 20c (anh Mười giao); các chùa ở Đà Nẵng, TX. Tam Kỳ, Miền Tây 15c (anh Vũ giao).

**Đồng thời, thông qua:** HS. Nguyễn Thịnh (10c), NS. Trần Đức Tâm (10c), Trần Khánh Minh (15c) chuyển giao đến các Phật tử thân hữu đang hoạt động văn hóa Phật giáo tại TP. HCM.

**+ NS. Trần Đức Tâm phát tâm ấn tống 200 cuốn,** chuyển về ĐĐ. Thích Phước Từ, chùa Linh Sơn (Q.1 - TP.HCM) 100c, Hội Từ thiện Phước Thiện Hiền Nhân (20c) và thân hữu Phật tử 80c.

## HƯƠNG THIÊN 37

**+ NS. Trần Đức Tâm ấn tống 70c,** chuyển giao: Thầy Thích Huyền Lan (20c), nhà thơ Trần Hậu nhân lễ cúng Tiểu tường (20c), thầy Thích Nhật Từ (20c) và thân hữu Phật tử (10c).

**+ Hai tác giả Hoàng Nhất và Nguyễn Công Khanh ấn tống 100c,** tặng thân hữu Phật tử và văn nghệ sĩ.

BBT

# HƯƠNG THIÊN 3/2016 (37)

NHIỀU TÁC GIẢ

---

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM**

**Hochiminh City Culture-Literature and Arts Publishing House**

88 - 90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

ĐT: (08) 38216009 - 39142419. Fax: (08) 39142890

Email: [nxbvhvn@nxbvhanhoavannghe.org.vn](mailto:nxbvhvn@nxbvhanhoavannghe.org.vn)

[nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn](mailto:nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn)

Website và bán hàng trực tuyến: [nxbvhanhoavannghe.org.vn](http://nxbvhanhoavannghe.org.vn)

Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM

Gian hàng 03 Đường sách TP.HCM, đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP.HCM

---

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

Huỳnh Thị Xuân Hạnh

*Biên tập:* Nguyễn Thị Kim Phước

*Sửa bản in:* Bảo Bảo

*Trình bày:* Phương Nhất Điền

*Bìa:* Mai Phúc Châu

*Liên kết xuất bản:* Hương Thiên Books

304 Bông Sao, P.5, Q.8, TP.Hồ Chí Minh.

ĐT: 0913 724 043

---

In lần thứ nhất. Số lượng 1.000 cuốn khổ 14 x 20 cm

Tại: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu In Sài Gòn

Số đăng ký KHXB: 36-2016/CXBIPH/43-02/VNTPHCM

QĐXB số: 302-QĐ/NXBVHVN ngày 19/7/2016

In xong và nộp lưu chiểu quý 3 năm 2016

# MẸ MÃI BÊN TA

◇ Sáng tác: Nguyễn Khải Hoàn

*Tình cảm*

The musical score is written in a single system with a treble clef, a key signature of one flat (B-flat), and a 3/4 time signature. It consists of ten staves of music. The lyrics are written below the notes. The score includes repeat signs, first and second endings, and a 'Đế hết' (End) symbol. The background features a decorative green and white floral pattern.

Hôm qua cùng Mẹ con ngồi hát      nhêu ngoa những chuyện thần tiên.  
... nay, một mình con ngồi khóc,      bâng khuâng nhớ chuyện ngày qua.

tiên.      Nghêu ngoa những chuyện thần tiên.      Chuyện thần tiên đó Mẹ vui  
qua.      Bâng khuâng nhớ chuyện ngày qua.      Chuyện ngày qua ...

Mẹ cười.      Hôm ... .. đó đã xa - xăm rồi!

Vẫn biết cuộc đời có hợp có tan.      Vẫn biết tình đời có buồn có vui.      Nhưng sao lòng vẫn tiếc thời ấu thơ.

Thời hạnh phúc đó tìm đâu? tìm đâu?      Mai sau một mình bên đời vắng.      Con như thấy Mẹ trên cao.      Trên cao bóng Mẹ trên cao.

Lòng vui vì biết Mẹ luôn Tự do ...

bên đời ...      Hôm ...      Lòng vui vì biết Mẹ mãi bên ta.

Đế hết

01. ĐỨC SƯ ÔNG THƯỢNG BỬU HẠ ĐỨC - HT. THÍCH  
THIỆN PHƯỚC - NT. THÍCH NỮ HUỆ GIÁC - HT. THÍCH GIÁC  
QUANG - TT. THÍCH THIÊN TÀI 20. TRẦN TAM BẢO - TRẦN ĐỨC  
TÂM - TRẦN HẬU - ĐỒNG CHÂU - NGUYỄN ĐỨC TỎ - HIỀN THÙ -  
SONG NGUYỄN - NGUYỄN ĐĂNG TRÌNH - TRẦN KHÁNH MINH 40.  
THÍCH THIÊN TÂM - DIỆU NGUYỄN - THÍCH THIÊN LỄ - ĐỖ HỮU  
TÀI - NINH GIANG THU CÚC - DZA LỮ KIỀU - LẠC NGUYỄN - HÀ  
THU THÙY - NGUYỄN QUANG ĐẠI 60. HẠC THÀNH HOA - NGUYỄN  
THỊ HOÀNG - NGUYỄN VĂN KỶ - DU TỬ LÊ 80. NGUYỄN THỊ MÂY  
- PHẠM VĂN SAU - PHẠM THIÊN THƯ - GIÁC AN - HOÀNG NHỨT  
- TRẦN TƯ NGOAN 100. NHẬT CHIÊU - TRƯƠNG VĨNH CHẤN -  
NGUYỄN NGỌC THƠ - CHÂU ĐÔNG THƠ - NGUYỄN HOÀNG ĐÔNG  
- HOÀNG YẾN DY - CAO THỊ HOÀNG - NGUYỄN CÔNG KHANH  
120. ĐỖNH TRÂM CA - DIỆP TỬ - HOÀNG ANH 79 - MANG VIÊN  
LONG - MAI TUYẾT - NGUYỄN ĐĂNG THANH - PHAN THÀNH DANH  
- QUANG THÁM - VÔ TRỤ - VĨNH HẢO - SỸ LIÊM 140. NGUYỄN HẢI  
THẢO - NGUYỄN QUỐC HƯNG - TƯỜNG VY - PHẠM THỊ KIỆP -  
ROSE - HOÀI HUYỀN THANH - PHẠM ĐÔNG HOÀNG - ĐẶNG PHÁT  
- NGUYỄN HỮU TÌNH - QUYÊN VŨ - NGUYỄN THỊ TÌNH CỜ 160.  
VÂN THANH - CHÍ THẢO - MONG MANH - VIÊN MINH - LÊ TÁT SĨ -  
NGUYỄN ĐĂNG TRIỀU - NGUYỄN HIẾU TRUNG - LÊ MINH THÀNH  
180. NGUYỄN HIẾU TÍN - HUỖNH ĐỨC TỬ.



ISBN: 978-604-68-2625-5



25.000 đồng